

TÂM HỒN cao thượng

Nhiều tác giả

Sống đẹp



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

TÂM HỒN CAO THƯỢNG

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

"TÂM HỒN CAO THƯỢNG", (nguyên tác Les grands coeurs) của văn hào Italia EDMOND DE AMICIS đã từng là cuốn sách gần như kim chỉ nam của nhiều thế hệ bạn đọc Việt Nam. Thời gian trôi đi, nhưng những gì tác giả gửi gắm qua từng bài học của thuở đầu đời về công ơn cha mẹ; về lòng yêu nước, thương người; về tình thầy trò, bè bạn, v.v... vẫn không bao giờ cũ, không bao giờ thừa! Những trang sách – những bài học này – không chỉ hữu ích cho những công dân tốt tương lai mà còn hết sức quý báu đối với đông đảo bạn đọc các giới, các ngành. "TÂM HỒN CAO THƯỢNG" là cuốn sách của các bạn trẻ, của mọi gia đình. Là món quà tặng ý nghĩa và hữu ích của các bậc cha mẹ và các bạn trẻ.

Mục Lục

1. Ngày khai trường
2. Thầy giáo mới
3. Một tai nạn
4. Cậu bé miền Nam
5. Bạn tôi
6. Lòng hào hiệp
7. Trên rầm thượng
8. Học đường
9. Lòng yêu nước của cậu bé thành Padôva
10. Em bé quét mồ hóng
11. Người bán than và ông quý phái
12. Mẹ tôi
13. Học trò nghèo
14. Ân nhân của bạn Nelli
15. Em bé trình sát
16. Kẻ khó
17. Tính khoe khoang
18. Chú phó nề
19. Quả cầu tuyết
20. Các cô giáo trường tôi
21. Thăm ông già bị nạn
22. Chàng viết mướn thành Phirenzê
23. Lòng biết ơn
24. Thầy giáo phụ
25. Đứa con người thợ rèn
26. Phranti bị đuổi
27. Chú lính đánh trống, người đảo Xardenha
28. Lòng ái quốc
29. Bà mẹ anh Phoranti
30. Chiếc xe hoả máy
31. Một kẻ tù phạm
32. Làm khán hộ cho cha
33. Chú hề con
34. Ngày cuối cùng hội Giã trang
35. Những trẻ em mù
36. Lớp học tối
37. Đám đánh nhau
38. Người tù số 78
39. Trước ngày 14 tháng Ba
40. Lễ phát phần thưởng
41. Lòng cháu
42. Chú phó nề trong phút hiểm nghèo
43. Viện dục anh

- 44. Thầy học cũ của cha tôi
- 45. Kỳ dưỡng bệnh
- 46. Bạn ta là thợ
- 47. Bà mẹ anh Garônê
- 48. Lòng nghĩa hiệp
- 49. Hy sinh
- 50. Một vụ hoả tai
- 51. Quê người tìm mẹ
- 52. Trường cam điếc
- 53. Đi ngoài phố
- 54. 32 độ
- 55. Cha tôi
- 56. Thú quê
- 57. Cuộc phát thưởng cho thợ thuyền
- 58. Lời cảm tạ
- 59. Đắm tàu
- 60. Trang cuối cùng của mẹ tôi

THÁNG MƯỜI

*

Ngày khai trường

Tại thành Torino (1), thứ hai, ngày 17

Hôm nay là ngày khai trường. Mấy tháng hè đã thoáng qua như giấc mộng. Sáng nay, mẹ tôi đưa tôi vào trường Baretti để ghi tên lên lớp ba. Đi đường, óc tôi cứ vơ vẩn đến chốn thôn quê, lấy sự đi học làm ngại. Phố nào cũng thấy nhan nhản học trò. Hai hiệu sách lớn chật ních những phụ huynh vào mua sách vở, giấy, bút cặp da. Cửa trường đông nghịt những người, cảnh binh và người gác cổng phải khó nhọc mới mở được một lối vào.

Vừa bước qua cổng trường thấy một bàn tay vỗ vào vai, tôi giật mình ngoảnh lại thì ra thầy giáo lớp hai tôi học năm ngoái, mái tóc đỏ hoe vẫn để rối, nét mặt vẫn tươi, thầy bảo tôi:

– Enricô ơi! Thầy trò ta từ nay chia tay nhau nhĩ?

Điều ấy, tôi đã nghĩ đến, nay thầy tôi lại nhắc, khiến tôi thêm chạnh lòng. Mẹ tôi và tôi phải chen chúc mãi mới vào được trong trường. Các ông, các bà sang trọng, các bà thường dân, thợ thuyền, sĩ quan, các cụ già, những đầy tớ, ai nấy đều một tay dắt trẻ, một tay cắp gói, đứng chật phòng trú chân và ở trên thang gác. Cảnh tượng rất là náo nhiệt.

Hôm nay, lại được trông thấy 7 phòng học ở tầng dưới là nơi rỗng rã ba năm trường, ngày nào tôi cũng lui tới, lòng tôi sung sướng vô cùng!

Trên thềm, các cô giáo đi lại tới tấp. Cô giáo lớp một đứng ở cửa lớp, thấy tôi liền bảo:

– Enricô ơi! Năm nay em học trên gác. Ít ra ta lại được nhìn em qua lại!

Mẹ tôi đỡ lời:

– Thưa cô, cháu sẽ đến thăm cô luôn.

Chúng tôi chào cô rồi đi.

Ông Hiệu trưởng, râu tóc bạc hơn năm ngoái, có vẻ bận rộn vội vàng, đang bị vây trong đám các bà, một số người thất vọng vì không còn chỗ cho con. Bạn tôi đi học đông đủ. Nhiều người coi lớn vọt lên. Ở tầng dưới, việc chia lớp đã xong. Mấy trò em mới đến trường là lần thứ nhất, không chịu vào lớp, giật lùi như những con ngựa bất kham; người ta phải dùng sức lôi vào. Có em đã ngồi vào ghế rồi lại trốn ra, có em thấy cha mẹ thì tru lên khóc.

Em trai tôi vào lớp cô Đencatri, còn tôi thì học thầy Perbôni ở trên gác.

Đúng 10 giờ thì học trò lớp tôi đều vào cả; 54 người trong bọn, tôi nhận mãi mới thấy 15 hay 16 bạn lớp cũ. Trông thấy tôi, anh Êrôtxi, người học trò bao giờ cũng chiếm phần thưởng thứ nhất, liền ra hiệu mừng rỡ.

So với rừng rậm và non xanh là những nơi tôi đã qua chơi mấy tuần lễ trước thì trường học coi bé nhỏ và buồn tênh!

Hết nhớ cảnh lại nhớ người. Tôi nhớ thầy cũ tôi ở lớp hai, một ông thầy khoan từ và vui vẻ, bao giờ trông thấy tôi cũng mỉm cười. Tôi rất tiếc không được thấy thầy ở đây với bộ tóc hoe đỏ rồi bù.

Thầy giáo chúng tôi bây giờ, người to lớn, không có râu, tiếng nói sang sảng. Đứng trên bục cao, thầy nhìn xuống chòng chọc hết người này đến người khác hình như muốn coi thấu tâm tình chúng tôi. Thầy nghiêm quá, ít khi thấy nở một nụ cười.

Tôi nghĩ bụng: "Hôm nay mới là ngày đầu, còn mười tháng nữa mới đến nghỉ hè. Trong mười tháng ấy sẽ có biết bao nhiêu là việc làm, bao nhiêu là bài làm và bao nhiêu là sự khó nhọc đang chờ ta!", nên lúc ra về tôi có vẻ chán nản. Mẹ tôi khuyên rằng:

– Enricô ơi! Hãy can đảm lên, con ạ!

Mẹ sẽ cùng học bài với con...

Tôi yên tâm theo mẹ tôi về nhà, nhưng lòng vẫn nhớ tiếc một ông thầy vui tính và hiền từ, vẫn thấy trường học kém vui, không bằng năm ngoái.

[1] Tôrinô: một thành phố ở khu tây bắc nước Italia, trên sông Pô

Thầy giáo mới

Thứ ba, ngày 18

Tưởng thế, chứ thầy giáo mới chúng tôi đã khéo làm xúng ý mọi người ngay sáng hôm nay.

Giờ vào học, sau khi thầy đã ngồi vào bàn, chốc chốc lại thấy một người học trò cũ qua cửa cúi chào. Cũng có người vào bắt tay thầy và thăm hỏi một cách rất cung kính. Đủ biết học trò cũ cũng quyến luyến thầy biết dường nào và như muốn còn được ở gần thầy. Nhưng chào thì chào, bắt tay thì bắt, thầy không nhìn thẳng mắt ai, cứ lảng trông ra cửa sổ. Những dấu thân ái và biết ơn ấy tưởng đã làm cho thầy thoả ý nhưng trái lại đã khiến thầy mủi lòng.

Đến bài chính tả, thầy xuống bục, đi lại trong các hàng ghế đọc cho chúng tôi viết. Thấy một học trò mặt lấm tấm mụn đỏ, thầy ngừng đọc, lại gần tay sờ trán và hỏi: "Con làm sao?" Thừa lúc thầy quay lưng lại, một anh học trò bàn dưới leo lên ghế dun dẩy như người trượt băng. Bất đồ, thầy ngoảnh lại bắt gặp, anh chàng vội ngồi ngay xuống cúi đầu đợi phạt. Nhưng ông Perbôni sẽ đập vào vai anh học trò đại dột kia, bảo rằng: "Không được làm thế nữa". Có thể thôi. Rồi thầy bình tĩnh về chỗ đọc nốt bài chính tả.

Khi viết xong, thầy yên lặng nhìn chúng tôi một lúc rồi ôn tồn nói:

– Các con ơi! Hãy nghe ta! Chúng ta cùng nhau phải qua một năm học. Chúng ta nên hết sức làm việc để qua năm ấy cho được tốt đẹp. Phải chăm chỉ. Phải ngoan ngoãn. Ta không có gia đình. Các con là gia đình của ta. Năm ngoái, mẹ ta còn, bây giờ người đã khuất. Ta chỉ còn có một mình ta. Ngoài các con ra ở trên đời này, ta không còn có ai nữa; ngoài sự thương yêu các con, ta không còn thương yêu ai hơn nữa. Các con ví như con ta. Ta sẽ yêu dấu các con. Đáp lại, các con phải yêu dấu ta. Ta không muốn phạt một người nào cả. Các con phải tỏ ra là những trẻ có tâm hồn. Trường ta sẽ là một gia đình, các con sẽ là mối an ủi và mối tự hào của ta. Ta không cần phải hỏi lại các con vì ta tin rằng trong lòng các con, ai ai như cũng "vâng lời", nên ta có lời cảm ơn các con.

Thầy nói dứt lời thì người coi trường vào báo hết giờ học (1). Chúng tôi yên lặng xuống sân. Anh học trò vô lễ ban nãy rón rén lại gần thầy giáo, nói run run:

– Thưa thầy, xin thầy tha lỗi cho con.

Thầy gật đầu, hôn trán anh và bảo:

– Tốt lắm! Cho con về.

(1): Trong các trường ở thành phố nước Italia, hết giờ học, người gác trường đến từng lớp báo hết giờ chứ không đánh trống hay kèn.

Một tai nạn

Thứ sáu, ngày 21

Niên học này đã mở đầu bằng một tai họa. Sáng nay, cha tôi đưa tôi đi học. Tôi mãi nhắc lại những lời tâm huyết của ông Perbôni đã nói với học trò hôm trước cho cha tôi nghe, nên tới trường lúc nào không biết. Tôi giật mình thấy một đám tím đông tím đỏ ở trước cửa.

Cha tôi bảo: "Chắc lại có sự chẳng lành gì đây." Chúng tôi khó nhọc mới len vào được. Phòng khách đầy những phụ huynh và những học trò mà lúc ấy các thầy giáo không tài nào xua vào lớp được. Mọi con mắt đều nhìn vào cửa buồng ông hiệu trưởng. Một ông đội mũ cao vừa đến, người ta thì thào: "Bác sĩ đấy".

Cha tôi hỏi một giáo sư thì ông trả lời:

– Bánh xe đè phải chân nó.

Ông khác nói tiếp:

– Và nghiền nát bàn chân.

Nạn nhân là một trò em lớp hai, đi học qua phố Đôra Grôtxa, thấy một em bé tuột tay mẹ dắt, ngã lăn trước một cái ô tô hàng đang vùn vụt chạy tới. Lập tức, cậu chạy ra lôi đứa bé kia dậy và ôm được nó lên rồi, nhưng không may, bánh xe lướt phải chân cậu. Cậu là con một viên Quan Ba pháo binh.

Trong khi chúng tôi đang nghe người ta kể lại như thế, thì ở ngoài có một người đàn bà xô đẩy mọi người và hốt hoảng chạy vào như một người điên. Đó là mẹ cậu Rôbetti, người học trò bị nạn. Một người đàn bà khác là mẹ cậu bé được cứu chạy ra ôm lấy bà, thổn thức khóc và đưa bà vào phòng ông hiệu trưởng. Ở ngoài, người ta nghe tiếng kêu đau đớn của bà Rôbetti.

– Ôi Guiliô con ơi!...

Lát sau, một chiếc xe ngựa đỗ trước giậu, ông hiệu trưởng bế cậu Rôbetti ra. Cậu bé, sắc da

nhọt nhạt, hai mắt nhắm nghiền, gục đầu vào vai ông hiệu trưởng. Phút ấy, trong phòng im lặng như tờ, người ta chỉ nghe thấy tiếng nước nở của bà mẹ thôi. Ông hiệu trưởng dừng bước giữa phòng, nâng cao cậu bé lên như để mọi người trông rõ. Tức thì các thầy giáo, các cô giáo, các phụ huynh và học trò, ai nấy đều phen nản thương cho cậu và khen cậu là người can đảm ít có. Mấy cô giáo đứng gần đấy liền hôn hai bàn tay xanh rớt của cậu. Cậu Rôbetti bồng bồng mắt và hỏi sẽ:

– Cặp sách tôi đâu ?

Mẹ em bé sống sót giờ cặp, vừa nói vừa khóc:

– Em ơi! Cặp đây rồi, ta sẽ đem lại nhà cho em.

Thấy con nói được, bà Rôbetti mới lại hồn. Mọi người đều giải tán. Cậu bé bị thương được đưa lên xe rất cẩn thận. Xe bắt đầu chuyển bánh, chúng tôi vào lớp ai nấy đều cảm động và lặng thinh.

Cậu bé miền Nam

Thứ bảy, ngày 22

Chiều qua, trong khi thầy giáo đang cho chúng tôi biết tin tức anh Rôbetti và nói anh sẽ phải chống nạng trong ít lâu thì ông hiệu trưởng đưa một người học trò mới vào lớp. Cậu bé, da nâu, tóc đen, mắt to, mày giao, mặc quần áo màu sẫm, ngoài nịt dây. Sau khi nói nhỏ với thầy Perbôni mấy câu, ông hiệu trưởng để cậu bé ở lại rồi ra. Anh học trò mới trở mắt nhìn chúng tôi, có vẻ sợ sệt. Thầy giáo liền dắt anh lại trước mặt chúng tôi và bảo rằng:

– Các con ơi! Các con hẳn được vui lòng vì hôm nay mới vào trường ta một người học trò quê ở xứ Calabria cách đây xa lắm, ở mãi tận miền cực nam nước ta. Các con hãy niềm nở tiếp người bạn mới này. Anh là dân một địa phương có tiếng, địa phương ấy đã sinh ra những bậc danh nhân, những tay thợ khéo và những quân nhân dũng cảm. Xứ của anh lại là một xứ đẹp

vào bậc nhất nước, có bao nhiêu là núi lớn rừng xanh, dân cư rất thông minh và can đảm. Các con ơi! Các con hãy yêu quý bạn con, cho bạn con khuây nỗi nhớ quê. Các con hãy tỏ cho bạn con biết rằng một đứa trẻ nước Ý đi đến trường nào trong nước là cũng gặp được bè bạn, gặp được anh em ở trường ấy.

Nói xong, ông Perbôni lại chỗ treo bản đồ Italia, trở vị trí xứ Calabria cho chúng tôi coi. Xong thầy đồng dạc gọi.

– Êrôtxi!

Êrôtxi anh học trò bao giờ cũng chiếm phần thưởng thứ nhất này đứng dậy.

– Con lên đây.

Êrôtxi ra ghế, lên bàn giấy, đứng cách anh học trò mới, độ hai bước.

– Con là người đầu lớp, lấy tư cách ấy, thay mặt anh em, con hãy đem dấu thân ái của một người dân xứ Bắc tỏ cùng một người dân xứ Nam.

Êrôtxi lại gần anh học trò miền Nam nói rất êm ái và rõ ràng:

– Chúng tôi mừng anh!...

Rồi Êrôtxi hôn hai má người bạn mới một cách rất nồng nàn. Chúng tôi vỗ tay rầm rập.

Thầy quát: "Im! Không được reo cười trong lớp!!!" Tuy nhiên, thầy tỏ ý rất bằng lòng về mối nhiệt tình của chúng tôi. Cậu bé miền Nam cũng ra dáng vui sướng. Ông Perbôni đưa cậu bé đến chỗ ngồi và nói thêm:

– Cho được cái kết quả nói trên, nghĩa là làm cho một đứa trẻ xứ Nam ở xứ Bắc cũng như ở nhà mình và đứa trẻ xứ Bắc vào xứ Nam cũng tựa như về quê mình, nước ta đã phải chiến đấu trong 50 năm trời và đã được quyền tự do ấy. Vậy các con phải coi nhau như con một nhà, yêu nhau như anh em ruột thịt. Kẻ nào thấy người bạn mới không phải người xứ mình mà đem lòng khinh rẻ, kẻ ấy sẽ không đáng ngẩng mặt nhìn ngọn cờ ba sắc (1) đi qua.

Cậu học trò miền Nam vừa ngồi vào chỗ thì các bạn chung quanh tíu tít, kẻ đưa ngòi bút, người cho bút chì và tranh ảnh, một bạn ngồi ghế sau gửi lên cho cậu một cái tem Thụy Sĩ để tỏ tình thân ái.

(1) Cờ nước Ý gồm ba sắc: đỏ, trắng và xanh lá cây.

Bạn tôi

Thứ năm, ngày 28

Người đã cho cậu bé miền Nam cái tem thơ hôm trước là người bạn mà tôi thích hơn hết. Anh lớn nhất lớp, đầu to vai rộng, năm nay gần 14 tuổi, tên gọi Garônê. Anh rất tử tế, coi miệng cười thì biết. Ngoài anh Garônê tôi còn quen nhiều bạn nữa.

Anh Côretti là một bạn mau mắn và vui vẻ, tôi rất ưa mến. Anh thường mặc cái áo nịt bằng da rái cá và đội cái mũ nồi bằng da mèo. Anh là con một người hàng củi. Cha anh đã từng đầu quân trong cuộc chiến tranh năm 1866 và nhập vào đội quân của Hoàng thân Umbertô. Người ta nói cha anh đã được ba tấm huy chương. Cạnh anh Côretti là anh Nenli, lưng gù, người coi yếu đuối mảnh dẻ và anh Vôtini một người học trò phục sức rất sang và có tính hay làm dáng.

Đầu bàn nhì, có một cậu bé mặt tròn, mũi đẹp mà anh em thường gọi đùa là "chú phó nề" vì cha cậu làm nghề ấy. Cậu có cái biệt tài là "nhấn mồm thỏ" làm cho ai nấy phải bật cười, vì thế anh em hay bắt cậu làm trò để đùa nghịch với nhau. Cậu lại có cái mũ rất mềm thường vo viên bỏ túi như chiếc mùi xoa.

Cạnh "chú phó nề" là anh Garôphi, người gầy gò mũi khoằm, mắt bé. Lúc nào anh cũng bán chác nào bút, diêm, nào tranh, ảnh cho bạn. Anh lại hay chép bài học vào móng tay để đọc, anh khôn khéo đến nỗi không bao giờ thầy bắt gặp.

Gần đây lại còn một cậu bé coi bộ khinh khỉnh là cậu Carlô Nobitxi. Cậu ngồi giữa hai người bạn đối với tôi rất tử tế: một người là con người thợ khoá, ăn mặc vụng về, xanh xao như người

ồm, coi bộ nhút nhát và buồn thiu; người kia, tóc vàng da xanh, một cánh tay bị liệt phải đeo trước ngực. Cha cậu sang Mỹ, mẹ cậu ở nhà bán hoa quả rong.

Người ngồi bên trái tôi lại đáng chú ý hơn nữa, tức là anh Xtardi, thân lùn cổ rụt, ít nói và hay cáu. Anh không thông minh mấy nhưng rất chú ý đến lời thầy giảng, anh nghe không dám cựa, mắt thẳng, trán cau, miệng mím. Ai hỏi anh trong lúc thầy đang cắt nghĩa, nhất định anh không trả lời, vô phúc hỏi đến lần thứ hai là bị anh đập luôn cho mấy cái...Và anh vẫn không hé răng.

Cạnh anh là Phranti, một tên rắn mặt và góm guốc, hình như đã bị đuổi ở trường làng.

Lại còn hai em nhà nọ, ăn mặc như nhau và cùng đội mũ gài lông trĩ, trông giống nhau như đúc.

Người tử tế hơn hết, thông minh hơn hết, người chắc chắn sẽ được phần thưởng thứ nhất, ai cũng biết được là anh Êrôtxi.

Anh Prêcôtxi con người thợ khoá nói trên, thực là một người học trò đáng thương hại. Theo lời người ta nói thì anh thường bị cha đánh đập luôn, đến nỗi anh thành ra người dút dất, mỗi khi hỏi ai hay lỡ chạm phải ai là anh "xin lỗi" luôn miệng và nhìn người ta bằng đôi mắt hiền lành và buồn bã.

Trong ngần ấy người bạn, theo ý tôi, thì anh Garônê là người tốt hơn cả.

Lòng hào hiệp

Thứ tư, ngày 26

Sáng nay, chúng tôi vừa vặn có dịp xét đoán anh Garônê.

Giờ vào lớp, ông Perbôni chưa có đấy, ba bốn cậu đang thi nhau chế giễu anh Crôtxi khôn

nạn – tức là cậu bé tóc vàng, tay liệt, con bà bán hoa quả. – Họ lấy thước đánh cậu, lấy vỏ hạt dẻ ném cậu, họ gọi cậu là con quỷ què và mếu máo giả cách làm người liệt tay. Ngồi trơ một mình ở đầu ghế, cậu thẹn thùng và đưa mắt nhìn người nọ, người kia như để van lơn họ khỏi hành hạ mình. Được thể, bọn học trò càng làm già. Cậu phẫn uất quá, máu đưa lên cổ và phát run người. Thành linh, Phranti, một đứa học trò mặt xấu như quỷ, đứng lên ghế, khuỳnh hai cánh tay như người khoác hai cái giỏ, bắt chước bộ tịch mẹ cậu Crôtxi những khi đứng đợi con ở cửa trường. (Đã mấy hôm nay, bà không đến đón con vì bị ốm). Coi tấn tuồng câm ấy học trò cười ầm cả lên. Crôtxi điên tiết, vồ ngay lọ mực trước mặt ném Phranti, Phranti né mình, lọ mực trúng giữa ngực ông Perbôni ở ngoài bước vào.

Mọi người hết vía, chạy trốn về chỗ và ngồi im thín thít.

Thầy giáo lên bục cau mày hỏi:

– Ai ném lọ mực ?

Chẳng ai hé răng.

Thầy gắt:

– Ai ? Ai ném ?

Lúc ấy bị kích thích vì lòng thương bạn, anh Garônê đứng dậy nói quả quyết:

– Thừa thầy, con.

Thấy mọi người sững sốt về câu trả lời ấy, thầy hiểu ngay và ôn tồn nói:

– Không. Không phải con.

Xong thầy lại nói:

– Ai trót dại đứng lên thú nhận, ta sẽ tha.

Crôtxi đứng lên nói:

– Thừa thầy, các anh ấy chọc con, đánh và chửi con... Con mất trí... Con trót ném...

– Thầy nói tiếp:

– Cho ngồi xuống. Bây giờ đến lượt những kẻ sinh sự đứng lên.

Bốn anh trong bọn khiêu khích đứng dậy, cúi đầu.

– Thầy mắng:

– Các anh đã vô cớ lăng mạ một người bạn không trêu chọc các anh. Các anh đã chế giễu một người tàn tật. Các anh đã xúc phạm một đứa trẻ yếu đuối không tự vệ được. Các anh đã làm một điều hèn hạ đáng xấu hổ, một điều có thể làm nhơ nhuốc đến phẩm giá của con người, các anh là những đồ đê tiện!

Nói xong thầy xuống giữa lớp, lại chỗ anh Garônê ngồi. Thấy thầy đến, anh cúi đầu. Ông Perbôni để tay xuống dưới cằm nâng mặt anh lên, nhìn thẳng vào hai mắt anh và nói:

– Con có một trái tim cao thượng đáng khen!

Anh Garônê nhân dịp ấy cúi vào tai thầy nói nhỏ mấy câu. Lập tức thầy quay lại chỗ 4 kẻ tội nhân và đột nhiên bảo:

– Thôi! Tha cho các anh.

Trên rằm thượng (1)

Thứ sáu, ngày 28

Chiều hôm tôi và em Xinvya cùng đi với mẹ tôi đem quần áo cho một người đàn bà nghèo mà người ta đã mách trong một tờ báo. Tôi mang gói, em tôi đã ghi sẵn tên tắt và địa chỉ người đàn bà ấy ra mảnh giấy cầm tay. Chúng tôi leo lên gác thượng một toà nhà cao lắm. Tới nơi, chúng tôi thấy một hành lang dài, hai bên có những căn phòng liên tiếp nhau. Mẹ tôi gõ cửa buồng cuối cùng. Một người đàn bà còn trẻ mặt bủng vốc vầy ra mở cửa. Trông cái khăn vuông

trùm trên đầu, tôi nhớ hình như đã gặp bà này ở đâu thì phải.

Mẹ tôi hỏi:

– Có phải bà là người mà người ta đã mách trên báo?

– Thưa bà vâng, chính chúng tôi.

– Đây, tôi mang lại cho bà ít quần áo.

Người đàn bà nghèo khó kia cảm ơn chúng tôi mãi không thôi.

Lúc ấy, tôi trông thấy trong một góc nhà không đồ đạc và tối mò, có một cậu bé quay lưng ra phía chúng tôi. Cậu quì trước một cái ghế hình như đang mãi viết. Giấy để trên mặt ghế mà lộ mực thì dưới sàn. Không biết cậu ta làm thế nào mà viết được trong xó tối như vậy.

Tôi đang tự hỏi thế, chợt trông thấy mớ tóc vàng hoe và cái áo dài lưng thụng, tôi nhận ra ngay anh Crôtxi, con bà bán hoa quả, tức là cậu bé liệt tay. Tôi bảo sếp mẹ tôi, trong lúc mẹ anh đang gỡ gói quần áo.

Mẹ tôi bấm:

– Im, đừng gọi, cậu ấy sẽ ngượng chằng.

Nhưng, ngay lúc ấy Crôtxi quay ra; tôi bối rối, anh mỉm cười với tôi. Mẹ tôi liền đẩy tôi lại. Anh giơ hai tay chạy ra. Tôi liền ôm lấy anh hôn.

Mẹ anh nói:

– Thưa bà, bà đã rõ, nhà chỉ có mình cháu với tôi. Cha cháu đi sang Mỹ đã sáu năm nay, không may vừa rồi tôi lại bị ốm không đi hàng được, phải bán dần đồ đạc để ăn. Cả đến cái bàn viết của cháu cũng không còn. Đèn đuốc cũng thiếu, cháu phải học mò trong bóng tối rất hại mắt. Nhưng cũng may là tôi còn có thể cho cháu ra trường và cháu được sách vở phát không. Thương hại cho cháu! Cháu chịu khó lắm! Có khi nhịn đói đi học. Thưa bà, tình cảnh chúng tôi thật là khổ sở quá!...

Mẹ tôi lấy tất cả tiền trong ví bỏ vào tay người đàn bà khốn khổ, hôn anh Crôtxi rồi dần dần nước mắt trở ra.

Về nhà, mẹ tôi khuyên tôi rằng:

Con ơi! Con hãy trông gương đứa trẻ nghèo khổ ấy đã phải học hành trong cảnh thiếu thốn và khó khăn. Về phần con, con có đủ mọi thứ cần dùng mà đôi khi con còn kêu sự học vất vả. Này! Enricô ơi! Một ngày làm việc của Crôtxi còn đáng công hơn cả một năm học của con. Chính những hạng học trò ấy phải cho phần thưởng danh dự mới phải.

Cha tôi đã nghe được những lời mẹ tôi khuyên bảo tôi, vì thế ngay chiều hôm ấy, tôi thấy đề trên bàn viết của tôi lá thư sau này:

(1) Ở bên Âu, những dân nghèo thường phải thuê nhà ở trên rầm thượng, tức là tầng gác sát mái nhà, cho được rẻ tiền.

Học đường

Thứ sáu, ngày 28

" Enricô con ơi! Việc học đối với con hình như khó nhọc, mẹ con nói phải đấy. Cha chưa bao giờ trông thấy con đi học với cái dáng quả quyết và nét mặt hớn hở như cha mong muốn! Con thử tưởng tượng nếu con ngồi không ở nhà thì ngày giờ của con sẽ trống trải biết là dường nào! Cha chắc chỉ trong vòng một tuần lễ là con lại muốn trở lại nhà trường. Con ơi! Hiện thời, không một đứa trẻ nào là không đi học. Con hãy nghĩ đến những người thợ làm lụng cặm cùi cả ngày, tối đến còn phải cắp sách đi học, những cô thiếu nữ suốt tuần lễ bị giam giữ trong xưởng, chủ nhật đến cũng rủ nhau đi học, những binh lính hết giờ luyện tập cũng đem ra học, viết. Cho đến những trẻ mù, trẻ câm, chúng cũng đều học cả.

Mỗi buổi sáng, lúc con ra trường, con hãy nghĩ cùng giờ ấy, trong thành phố ta có tới 3 vạn đứa trẻ cũng như con đi "chầu" lớp học trong ba tiếng đồng hồ để được mở mang trí tuệ. Con lại nghĩ: xấp xỉ giờ này, con trẻ trong các nước trên hoàn cầu đều đi học cả. Con hãy tưởng

tượng những trẻ lếch thếch trên những đường hẻm nhà quê, rảo bước trong các phố phường huyên náo, dưới bầu trời oi ả hay trong cơn mưa tuyết lạnh lùng: chúng đi thuyền ở những xứ lấm sông ngòi, cưỡi ngựa qua những cánh đồng mông quạnh, hoặc ngồi "xe trượt" trên những bãi băng giá lạnh. Chúng xuống lũng, lên đồi, chúng xuyên rừng lồi sụt, chúng vượt qua những ngọn đồi hẻo lánh hoang vu. Ăn mặc hàng nghìn lối khác nhau, nói bằng trăm thứ tiếng khác nhau, chúng đi một mình hay lũ năm lũ ba, sách cặp trong tay hay cặp đeo dưới nách.

Từ ngôi trường cùng tốt lớp trong ánh tuyết nước Nga cho tới nóc trường hẻo lánh lẫn trong khóm gòii xứ Ả rập, có tới hàng triệu triệu đứa trẻ cùng học một điều bằng những thể thức khác nhau.

Con lại tưởng tượng cái tổ kiến học sinh ấy gồm có hàng trăm dân tộc khác nhau và cái trường hoạt động ấy, con có cái hân hạnh dự phần rồi con tự nhủ: ví phỏng một mai sự hoạt động ấy ngừng hẳn thì nhân loại sẽ trở lại đời mọi rợ, sẽ sa vào cõi tối tăm, sự hoạt động ấy là sự tiến bộ, là mối hy vọng, là ánh sáng vinh quang của thế giới vậy.

Cố lên! Tên lính nhỏ trong đạo quân lớn lao kia! Cố lên! Con ơi! Lấy sách vở làm khí giới, lấy lớp học làm quân đội, lấy thế giới làm bãi chiến trường, coi sự ngu dốt là cừu địch và lấy sự văn minh của nhân loại làm cuộc khải hoàn, con phải phấn đấu luôn luôn và chớ hề làm tên lính hèn nhát. "

Lòng yêu nước của cậu bé thành Padôva (1)

(Truyện đọc hàng tháng)

Thứ bảy, ngày 29

Không, không bao giờ tôi chịu làm tên lính hèn nhát. Nếu ngày nào thầy giáo cũng kể cho tôi nghe như câu chuyện sáng nay thì có lẽ không bao giờ tôi muốn nghỉ học. Theo lời thầy thì mỗi tháng sẽ có một truyện mà truyện nào cũng nói về những thủ đoạn phi thường của một đứa trẻ con.

"LÒNG YÊU NƯỚC CỦA CẬU BÉ THÀNH PADÔVA" đó là đầu đề câu chuyện sáng nay.

Năm trước, một chiếc tàu Tây Ban Nha rời bến Bardêlôna (2) để đi Giê nô va (3). Trên tàu, trừ người Tây Ban Nha, còn có một số người Pháp, người Italia, người Thụy Sĩ, và nhiều người khác nữa. Trong bọn hành khách người ta nhận thấy một đứa trẻ độ 11 tuổi, ăn mặc nhom nhếch, đứng riêng một chỗ và nhìn những người kia bằng đôi mắt hằm hằm. Nó nhìn như thế cũng không phải hằm là không có cớ. Cha mẹ nó là nông dân ở gần Padôva, cố nhiên là nghèo túng, hai năm trước vì tham tiền đã cho nó đi ở với một người chủ xiếc rong. Người này dạy nó một vài món nhảy, lộn rồi bắt nó theo sang Pháp và Tây Ban Nha. Nó bị hành hạ luôn tay và ăn uống không đủ.

Đến thành Bardêlôna, không thể chịu được cái đời sống khổ ải ấy nữa, đứa trẻ khốn nạn liền trốn chủ đến cầu cứu viên lãnh sự Italia. Động mối thương tâm, viên lãnh sự xin cho nó một chỗ trong tàu nói trên và cho nó một lá thư giới thiệu cùng ông thị trưởng thành Giê nô va nhờ ông trả về cho cha mẹ nó, là người đã bán nó như một con vật. Thằng bé còm gầy yếu đuối và mặc bộ quần áo rách. Người ta cho nó ngồi phòng hạng nhì. Hành khách ai cũng nhìn nó, có người hỏi nó song nó không trả lời. Nó có vẻ căm ghét mọi người vì những sự khắc khổ và hành phạt đã làm cho nó oán hận và không có cảm tình. Tuy nhiên, có ba người hành khách đã khéo làm cho nó hé răng. Nó kể chuyện nó bằng tiếng Italia pha giọng Tây Ban Nha. Ba người khách kia không phải là dân Italia nhưng cũng thương nó, cho tiền để nó nói chuyện, nghe cho đỡ buồn. Đồng thời, có mấy thiếu phụ đi qua, ba ông quý khách hãnh diện ném thêm tiền xuống bàn loảng xoảng và nói: "Cầm lấy! Cầm lấy nữa này!"

Đứa bé sung sướng, vơ tiền bỏ túi, cảm ơn rồi vào phòng. Nó buông màn cửa xuống ngồi yên lặng và nghĩ đến những việc nó sẽ phải làm.

Nó nghĩ: với số tiền ấy, nó sẽ được ăn no, không phải thèm nhạt như trước. Khi tới Giê nô va, nó sẽ sắm một bộ cánh mới để thay bộ quần áo nó đeo hai năm trời nay, rách như tổ đĩa. Nó lại định để ra một ít tiền đem về cho cha mẹ, chắc là được săn đón và quý hoá hơn là về tay không. Số tiền ấy đối với nó là một món tiền to. Ngồi sau rèm cửa, nó trừ đi tính lại và trong lòng thấy khoan khoái nhẹ nhàng.

Lúc ấy, ba người khách nói trên đang ngồi ở buồng ăn, quây quần uống rượu và nói chuyện về những cuộc du lịch của mình cùng phong tục những nước đã đi qua. Tình cờ, câu chuyện nhằm vào nước Italia. Một người bắt đầu phàn nàn về khách sạn, người chê về xe lửa. Cuối cùng, rượu say, họ thi nhau nói xấu tất cả những gì thuộc về nước Italia. Người thứ nhất nói

biết thế, họ sẽ đi du lịch xứ Lappôn (4) (ở cực bắc châu Âu) còn hơn sang nước Italia. Người thứ nhì nói quả quyết rằng ở Italia hẳn gặp toàn thị những phường quý quýệt và những quân cường đạo. Người thứ ba nói thêm rằng:

– Những người từng sự nước Italia không biết chữ.

Người thứ nhất nói:

– Đó là một dân tộc ngu dốt!

Người thứ nhì tiếp:

– Bẩn thỉu!

– Và ăn...

Người thứ ba định nói câu "ăn cắp" nhưng chưa dứt lời thì một trận mưa toàn tiền vàng và bạc hắt vào mặt những người ấy rơi tung toé xuống bàn và trên sân. Ba người hằm hằm đứng dậy xem trận mưa dữ ấy ở đâu ra thì lại bị ném thêm.

Cậu bé thành Padôva vén rèm thò đầu ra thét bằng giọng khinh bỉ:

– Cầm lại tiền của các người. Ta không thèm nhận của bố thí của những người kẻ đã lãng mạ nước ta.

(1) Padoue. (2) Barcelone. (3) Gênes. (4) Laponie.

Em bé quét mồ hóng

Ngày mồng một tháng mười một

Chiều qua tôi sang trường Nữ Học để đưa cho cô giáo em Xynvya bản tiểu truyện "Cậu bé thành Padôva" mà cô muốn xem. Trong trường có tới 700 nữ sinh. Khi tôi đến học trò đang ra về, ai nấy đều hớn hởi vì được nghỉ mấy ngày nhân dịp lễ "Chư Thánh".

Đối cửa trường, bên kia đường cái, có một đứa bé quét mồ hóng, chân tay quần áo đen thui, đứng quay vào tường, gục đầu vào cánh tay khóc nức nở.

Hai ba cô học trò lớp hai lại gần hỏi tại sao, nhưng nó cứ khóc và không trả lời.

Bọn học trò lại hỏi:

– Anh có việc gì? Sao lại đứng đây mà khóc?

Nó bèn nhắc cánh tay để lộ một gương mặt hiền lành và nói đi quét mồ hóng từ sáng đến lúc ấy được 3 hào, vô ý bỏ vào túi thủng, tiền rơi mất cả. Nó không dám về sợ chủ đánh.

Nói xong lại tru lên khóc và gục mặt vào cánh tay như một kẻ chán đời.

Lũ học trò bé quay lại nhìn nhau, cho là quan trọng lắm. Một bọn khác cũng xúm lại: bé có, lớn có, con nhà nghèo, con nhà giàu có, thấy đều cặp cặp trong tay. Một cô trong bọn, người đã lớn và trên mũ có gài chiếc lông xanh, móc trong túi ra hai xu, bảo chị em:

– Tôi còn có hai xu. Chúng ta quyên vậy.

Cô áo đỏ nói:

– Tôi cũng có hai xu. Trong bọn ta, làm gì lại chả thu được ba hào.

Nói xong, hai cô hô hào:

– Chị Amêlya, chị Lighya, chị Anna ơi! Mỗi chị một xu! Chị nào có xu nữa không?

Mấy cô đem tiền định mua vở và mua hoa, thấy thế cũng vui lòng bới ra cho. Vài em bé cho cả tiền kẽm. Cô mũ gài lông xanh nhặt tiền và đếm to:

– Tám, mười, mười lăm! Còn thiếu nhiều!

Một thiếu nữ nghiêm trang có lẽ là cô trợ giáo đi qua thấy thế, cho một hào. Cả bọn đều vỗ

tay. Còn thiếu năm xu nữa.

Một em bé reo:

– Kìa các chị lớp bốn đã đến, các chị ấy có nhiều xu!

Quả nhiên, bọn học trò lớp bốn đến và bỏ nhiều tiền. Bấy giờ, có tới trăm cô nữ sinh đứng xúm xít vòng trong vòng ngoài, vây chặt đứa bé, bày ra một cảnh đẹp mắt vô cùng: Một cậu bé lộ lem điểm giữa các cô gái xinh tươi, làn tóc phất phơ, áo màu rực rỡ.

Ba hào đã đủ, nhưng tiền vẫn ném vào. Mấy em bé không tiền cũng cố len vào cho vài chùm hoa vì các em cũng muốn dự vào việc phúc.

Chợt người gác trường kêu to:

– Bà Đốc!

Các cô chạy tán toan như một đàn chim sẻ bay vù.

Còn trơ lại thằng bé quét mồ hóng đứng lau nước mắt. Hai tay nó không những đầy xu mà ở khuy áo, miệng túi và trên mũ còn giắt bao nhiêu là hoa! Tiền nhiều, hoa đẹp, cậu bé bây giờ thấy mình sung sướng như một ông Hoàng, vừa đi vừa hát!...

THÁNG MƯỜI MỘT

*

Người bán than và ông quý phái

Thứ hai, ngày mồng 7

Carlô Nôbix lúc nào cũng kiêu hãnh vì sinh ra ở nơi quyền quý và giàu có. Cha anh vẽ người phong nhã, đứng đắn, trán rộng, râu đen, thường đưa anh đến trường.

Sáng qua, Carlô cãi nhau với Betty là con một người bán than. Cùng lý, anh chẳng tìm được lời gì, phát cáu nói:

– Bố mày là đồ bẩn tiện!

Betty đỏ mặt, không nói được nữa, nước mắt chạy quanh.

Trưa về, Betty kể lại cho cha hay. Buổi chiều, ông bố lập tức ra trường phàn nàn với thầy giáo. Ông ta đang phàn nàn thì theo lệ thường, ông Nôbix cũng vừa đến cổng và cởi áo khoác cho con. Nghe thấy có người nói đến tên mình, ông tiến vào xem có việc gì.

Ông Perbôni nói:

– Kìa ông Nôbix đã đến! Vừa khéo! Ông này đang đến phàn nàn vì Carlô đã mắng con ông ấy bằng câu "Bố mày là đồ bẩn tiện!"

Ông Carlô cau mày và hơi đổi sắc mặt, quay lại hỏi con:

– Có thực con đã nói thế ?

Carlô đứng ngây như gỗ, cúi đầu im lặng.

Ông Carlô xin phép dắt con đến chỗ Betty và bảo:

– Con xin lỗi anh Betty đi!

– Thưa ngài xin thôi!

Người hàng than nói thế và toan chạy vào ngăn lại, nhưng ông quý phái không nghe, cứ bắt con xin lỗi:

– Con nhắc lại câu này: Anh Betty ơi! Tôi xin lỗi anh về lời bất nhã và vô ý thức mà tôi đã chót nói phạm đến cha anh, người mà cha tôi rất lấy làm hân hạnh được bắt tay.

Không dám ngẩng mặt, Carlô cứ nguyên văn nhắc lại những câu cha vừa dạy bằng giọng thấp.

Rồi ông Nôbix đưa tay cho người bán than bắt một cách rất nồng nàn.

Bắt tay xong, "Bá tước" quay lại nói với thầy giáo:

– Thưa ngài, xin ngài làm ơn cho hai đứa trẻ này ngồi liền nhau.

Ông Perbôni đặt luôn Betty ngồi cạnh Carlô. Khi chúng đã yên chỗ, ông Carlô chào và trở ra.

Ông hàng than đứng lại một lúc, băng khuâng, do dự. Ông ngắm hai trẻ ngồi sánh vai nhau, rồi chẳng nói chẳng rằng, ông chạy lại toan ôm lấy Carlô, song đến nơi ông bỗng dừng lại, đành lấy bàn tay chuối hột sẻ vuốt tóc anh Carlô rồi ra thẳng.

Thầy giáo bảo chúng tôi:

– Các con hãy nhớ lấy tấn kịch mà các con vừa xem. Đó là một bài học hay nhất trong năm.

Mẹ tôi

Thứ năm, ngày mồng 10

Sáng nay cô giáo Đencati lại chơi, cha tôi nhận thấy tôi đã nói một câu vô lễ với mẹ tôi. Vì thế cha tôi răn tôi bằng lá thư sau này, đọc rất cảm động.

" Trước mặt cô giáo của em con, con đã tỏ ra vô lễ với mẹ con. Enricô ơi! Lần sau không được thế nữa! Thái độ hỗn hào của con đã xuyên thấu trái tim cha như một mũi dao. Cha còn nhớ mấy năm trước đây, mẹ con đã thức suốt đêm ở cạnh giường con, nghe hơi con thở, mẹ con đã lo lắng vỗ người và mỗi khi nghĩ đến nỗi phải "bỏ" con thì lại sụt sùi. Con ơi! Con nên nghĩ đến những lúc ấy và không nên tệ với mẹ con, một người mẹ sẽ sẵn lòng đem một năm hạnh phúc của mình để chuộc một giờ đau đớn cho con, một người mẹ sẽ vui lòng đi ăn xin để nuôi con và sẵn lòng hy sinh tính mệnh để cứu con sống! Con ơi! Trong đời con, con sẽ có những ngày buồn rầu, thảm đạm, nhưng cái ngày buồn thảm nhất, chính là ngày con mất mẹ con.

Rồi đây, con sẽ trưởng thành, những cuộc phấn đấu sẽ rèn con nên người mạnh mẽ. Con sẽ không bao giờ quên được hình ảnh mẹ con và con sẽ ước gì lại được nghe thấy tiếng êm ái và trông thấy nét mặt hiền từ của mẹ con, ví dù lớn đến mực nào, khoẻ đến mực nào, con vẫn thấy là một đứa trẻ chơ vơ và yếu đuối. Con sẽ hồi tưởng lại những lúc đã làm cho mẹ con phải mếch lòng mà con buồn. Lòng hối hận sẽ cắn rứt con. Hình ảnh dịu dàng và từ ái của mẹ con sẽ làm cho con thêm rầu rĩ. Con nên nhớ rằng lòng hiếu thảo là một bổn phận thiêng liêng của con người. Kẻ nào giày xéo lên chữ hiếu là kẻ khốn nạn. Quân giết người nếu biết tôn kính cha mẹ, cũng còn một điểm thành thực trong tâm; con người dù sang trọng tuyệt vời, nếu làm rầu lòng mẹ, xúc phạm đến mẹ, cũng là kẻ không có nhân cách.

Enricô ơi! Con van mẹ con đi, để mẹ con hôn con cho cái hôn ấy xoá sạch vết vô ơn ở trên trán con. Con ơi! Lòng cha vẫn yêu con, vì con là mối hy vọng quý báu nhất đời của cha, nhưng cha thà không con còn hơn là có đứa con ở bậc với mẹ!"

Cha con.

Học trò nghèo

Chủ nhật, ngày 13

Cha tôi đã thứ lỗi cho tôi rồi, nhưng lòng tôi vẫn buồn nên chiều nay mẹ tôi cho tôi đi chơi với người gác cổng.

Khi chúng tôi đi qua một cái xe bò đỗ trước một cửa hàng kia, tôi thấy có tiếng người gọi tôi. Quay lại thì ra anh Côretti bạn học tôi. Anh mặc cái áo dài da rái cá và đội cái mũ nồi da mèo. Mồ hôi ướt đầm nhưng nét vui tươi vẫn lộ trên khuôn mặt, anh đang vác trên vai một bó củi nặng. Một người đàn ông đứng trên xe chuyển củi cho anh mang vào hàng. Anh xếp đồng rồi lại ra xe. Tôi hỏi:

– Anh làm gì thế ?

Anh vỗ vào bó củi trên vai, đáp:

– Anh coi đây thì rõ. Tôi vừa làm vừa học bài anh ạ.

Rồi anh vai vừa vác củi, miệng vừa lẩm bẩm:

– Người ta gọi sự biến hoá của tiếng động từ là những sự thay đổi của tiếng ấy về số, và về các ngôi...

Anh vừa ném củi vào đống vừa đọc:

– Tuỳ theo thì của việc làm...

Rồi lộn ra xe lấy củi, anh đọc tiếp:

– Và tuỳ theo cách của việc làm...

Đó, anh học bài văn phạm để đọc hôm sau.

Anh hỏi tôi:

– Anh xem tôi lợi dụng thời giờ như thế có được không? Cha tôi và người ở thì đi giao hàng, mẹ tôi thì ốm, tất đến việc tôi phải dõ xe củi. Tuy nhiên, việc làm vẫn không ngăn trở việc học bài. Hôm nay chúng ta phải bài khó quá! Tôi nhai mãi không thuộc.

Anh quay lại nói với người kéo xe bò:

– 7 giờ cha tôi về bác sẽ đến lấy tiền.

Người đánh xe đi. Anh rủ tôi:

– Anh vào chơi với tôi một tí.

Tôi vào trong một gian rộng xếp đầy củi thanh và củi bó, cạnh cửa có một cái cân.

Anh nói tiếp:

– Hôm nay nhà tôi bận rộn quá. Tôi phải làm bài từng câu vụn, từng đoạn con. Lúc nãy, đang

viết thì có người gọi mua hàng... Bán xong, vào vừa cầm bút thì người xe củi đến. Từ sáng đến giờ tôi đã ra chợ củi ở bãi Vênêzya hai lần rồi. Chân mỏi quá mà tay thì phồng lên. Bây giờ mà phải vẽ thì đến chịu.

Anh vừa nói vừa quét những lá khô rải rác trên thềm.

Tôi hỏi:

– Anh làm bài ở chỗ nào ?

– Ở trong này. Anh vào coi.

Anh đưa tôi vào gian sau cửa hàng là chỗ vừa làm buồng ăn vừa làm bếp. Trong một góc có cái bàn trên bày mấy quyển sách và vở bài đang làm dở. Anh nói:

– Câu hỏi thứ hai hiện còn bỏ trống: Người ta dùng da thuộc để làm giày dép, cương ngựa...

Bây giờ tôi viết thêm: làm vali.

Rồi anh cầm bút viết chữ rất tốt.

Chợt có tiếng hỏi ở ngoài hàng:

– Có ai bán hàng không ?

Đó là một người đàn bà đến mua củi.

– Có! Tôi đây.

Anh vội thưa, chạy ra cân củi, nhận tiền, biên sổ rồi vừa trở vào vừa nói một mình:

– Không biết họ có để yên cho mình làm hết bài không ?

Xong anh ngồi viết nốt: làm hòm, làm túi đạn.

Viết đến đây anh hốt hoảng kêu:

– Chết! Hổng cả ấm cà phê!

Rồi anh chạy lại lò, nhắc ấm ra, nói:

– Đây là cà phê của mẹ tôi, anh ạ. Hai ta cùng mang vào đi! Thấy anh chắc mẹ tôi sẽ vui lòng... A! Tôi còn phải biên thêm gì nữa ở dưới chữ: túi đạn không ? Kể thì còn nhiều thứ nữa, nhưng tôi chưa kịp nghĩ ra... Mời anh vào đây...

Bạn tôi mở cửa, chúng tôi vào chỗ mẹ anh nằm. Bà nằm trên một cái giường rộng đầu bịt khăn vuông trắng.

– Thừa mẹ, cà phê đây ạ.

Nói xong, anh đưa mắt chỉ tôi và nói:

– Đây là bạn học của con.

Bà nói:

– Quý hoá quá! Đến thăm kẻ ốm là một điều hay cậu ạ.

Anh Côretti nắn lại gối, kéo lại chăn cho mẹ, thêm lửa trong lò và đuổi con mèo ngồi chồm hổm trên mặt tủ. Mẹ uống xong, anh đỡ chén và hỏi:

– Mẹ không cần gì nữa chứ ? Mẹ đã uống hai thìa thuốc ho chưa ? Dùng hết, con sẽ ra hiệu lấy. Củi đã xếp đầu vào đấy cả rồi. Đến bốn giờ con sẽ nướng thịt như lời mẹ dặn và khi nào người hàng mớ đi qua, con sẽ trả 8 xu. Thừa mẹ, mẹ cứ yên tâm. Mọi việc con sẽ làm chu đáo cả.

Bà hàng than nói:

– Ngoan lắm! Con tôi chẳng sót việc gì. Tội nghiệp!...

Nhân tiện anh Côretti lại chỉ cho tôi xem bức ảnh cha anh treo ở tường, ông vận nhung phục, ngực dính Quận công bội tinh, khuôn mặt giống anh như đúc, mắt sáng, miệng tươi.

Chúng tôi lộn ra phòng ăn. Côretti bỗng reo to:

– Tôi tìm thấy rồi!

Rồi anh chạy lại biên thêm vào vở bài: người ta cũng làm yên ngựa bằng da nữa.

Anh nói tiếp:

– Thôi, còn mấy câu hỏi nữa để đến khuya sẽ làm... Anh Enricô ơi! Anh sung sướng quá, anh có đủ thời giờ học, viết và thời giờ đi chơi.

Luôn luôn vui vẻ và lanh lẹ, anh đưa tôi ra ngoài hàng. Anh lấy những thanh củi đặt lên bàn, cưa mỗi thanh hai nhát đứt đôi. Rồi anh bảo tôi:

– Đây là ngón võ khoẻ gấp vạn món thể thao "co và đuổi cánh tay"! Tôi muốn cắt hết đồng củi này trước khi cha tôi về, tất cha tôi sẽ hài lòng lắm; nhưng khổn thay sau buổi kéo cưa như thế những chữ t và l tôi sẽ viết ra hình rắn cả, đúng như lời thầy giáo thường kêu. Nhưng tôi biết làm thế nào? Tôi sẽ thú thực với thầy: "Con vận động cánh tay nhiều quá, ngón tay thành ra tê cả!" Điều đó không ngại. Bây giờ tôi chỉ mong sao cho mẹ tôi chóng khỏi. Nhờ giờ! Hôm nay mẹ tôi đã khá nhiều! Còn bài văn phạm, đến mai tôi sẽ dậy sớm học cũng kịp. A! Kìa xe than đã về, tôi phải ra.

Một xe bò chất đầy bao đen đổ trước cửa hàng. Anh chạy ra nói chuyện với người đánh xe xong, lộn vào bảo tôi:

– Bây giờ tôi không thể giữ anh được nữa. Đến mai nhé! Cảm ơn anh đã tạt vào thăm tôi. Tôi chúc anh đi chơi được vui vẻ, anh Enricô sung sướng của tôi!

Bắt tay tôi xong, anh chạy ra cổng từng bì than một, từ xe vào hàng, rồi lại từ hàng đi ra, nét mặt tươi tỉnh dưới chiếc mũ da mèo, ai trông thấy cũng phải chú ý.

" Enricô sung sướng"! – Lời bạn đã tặng tôi. – Nhưng không, anh Côretti bạn quý của tôi ơi! Không! Chính anh mới là người sung sướng vì anh vừa làm vừa học, và anh có ích cho cha mẹ hơn tôi, vì anh đảm đang và giỏi gấp trăm tôi!

Ân nhân của bạn Nelli

Thứ tư, ngày 22

Hôm qua, Neli đi xem điều binh. Cậu bé gù lưng này nhìn lính điều qua bằng cặp mắt buồn rầu và than rằng:

– Như thân tôi, thì không bao giờ được ra lính.

Cậu bé khốn nạn ấy chăm học lắm; người còm và xanh, động học là hơi thở tai. Mẹ cậu là một bà tóc đỏ, áo thâm, cứ tan học là đến đón cậu để khỏi bị anh em xô đẩy. Ta hãy trông mẹ cậu vuốt ve và yêu dấu cậu biết là dường nào! Mỗi ngày đầu, học trò cứ chế giễu cậu và lấy cặp thích vào lưng cậu nhưng không bao giờ cậu kháng cự và mách mẹ cả, vì cậu giấu không cho mẹ biết mình hay bị bắt nạt để mẹ lo buồn. Họ chọc ghẹo quá, lắm lúc cậu phải gục đầu xuống bàn khóc thầm.

Một hôm, thấy thế, anh Garônê can thiệp và bảo bọn học trò:

– Ai còn động đến Nelli nữa sẽ biết tay ta. Ta sẽ đá cho một trận để nhớ đời!

Phoranti chẳng coi lời dọa ấy vào đâu, cứ chế giễu hoài, liền bị Garônê đá cho một cái lộn ba vòng. Từ đó không ai dám động đến Nelli nữa. Thầy giáo cho Garônê ngồi cạnh Nelli, hai cậu thành đôi bạn thân.

Việc này, chắc anh Nelli về thuật lại với mẹ, nên mới có câu chuyện sáng nay.

Còn độ nửa giờ nữa thì tan học, thầy giáo sai tôi mang bản khoá trình lên bàn giấy ông hiệu trưởng. Tôi vừa vào phòng thì gặp mẹ anh Nelli đến hỏi ông hiệu trưởng:

– Thưa ngài, ở đây có cậu nào tên gọi là Garônê không ?

– Thưa bà có.

– Xin ngài làm ơn cho gọi cậu ấy lên đây để tôi hỏi chút việc, có được không ?

Ông hiệu trưởng bấm chuông gọi người gác cổng bảo đi gọi cậu Garônê. Một phút sau thì cậu tới, có vẻ ngạc nhiên vì không hiểu bị gọi về việc gì.

Vừa trông thấy cậu, bà Nelli chạy luôn lại cầm tay và xoa đầu cậu một cách rất quý hoá.

– Cậu Garônê đây à ? Cậu là bạn của Nelli và vẫn bênh vục cho em phải không ?

Nói xong, bà tháo chuỗi dây "Thánh giá" bằng vàng đeo vào cổ anh Garônê và nói:

– Cậu em yêu quý của ta! Em hãy nhận chút kỷ niệm này, kỷ niệm của một người mẹ vẫn cầu nguyện cho em và hết lòng cảm ơn em.

Em bé trinh sát

(Truyện đọc hàng tháng)

Thứ bảy, ngày 28

Năm 1859, trong cuộc chiến tranh để giải phóng cho xứ Lômbacđi, quân Pháp và quân Italia đã đại thắng quân Áo ở trận Xolphêrinô và trận Xan Mactinô. Sau những trận này được mấy hôm, vào khoảng cuối tháng sáu, một đội kỵ mã nhỏ đi nhẩn nha trong con đường hẻm về phía địch để dò xét hai bên cánh đồng. Đội kỵ mã này có một sĩ quan và một viên đội chỉ huy; hai người đều yên lặng, cố nhìn những tên lính xung phong bên địch vận đồ trắng thấp thoáng ở đằng xa.

Đội kỵ mã cứ thế đi tới một cái nhà tranh, chung quanh giồng những cây tần bì cao lớn. Trước nhà có một đứa con trai độ 12 tuổi đang cầm dao róc vỏ một cành tần bì để làm gậy. Trên cửa sổ nhà này có treo một lá cờ tam tài lớn, bên trong chẳng có ai cả. Khi thấy quân kỵ mã đến, đứa bé vút que và cất mũ chào. Đó là một cậu bé tóc đỏ, mắt xanh, vẻ mặt quả quyết. Cậu vận áo sơ mi, hở ngực.

Sĩ quan dừng ngựa hỏi:

– Em làm gì ở đây ? Sao không đi lánh nạn với gia quyến ?

Cậu bé trả lời:

– Cháu không có gia quyến. Cháu là một đứa trẻ bơ vơ. Cháu chỉ làm việc cho những người muốn tìm cách sinh sống cho cháu. Cháu ở đây để xem đánh trận.

– Em có thấy quân Áo qua đây không ?

– Không, đã ba hôm nay cháu không nom thấy.

Sĩ quan suy nghĩ một lúc rồi xuống ngựa, trèo lên mái nhà tranh nhìn xét nhưng chỉ trông thấy một khu đồng hẹp vì nhà này thấp quá.

Sĩ quan vừa tụt xuống vừa nói:

– Phải leo lên cây mới nhìn được.

Ngay trước nhà có một cây tần bì cao lắm, ngọn mềm phe phẩy trong đám mây xanh. Sĩ quan đứng ngẫm nghĩ, nhìn cây rồi lại nhìn lính rồi lại nhìn cây, sau đột nhiên hỏi cậu bé:

– Em trông có tinh không ?

– Cháu à ? Mắt cháu có thể nhìn rõ một con chim cách xa nghìn thước.

– Em có thể trèo lên cây này không ?

– Lên ngọn cây này ? Chỉ là công việc trong nháy mắt.

– Em thử nhìn xem ở đằng xa, về phía địch có quân lính, cát bụi bay, ngựa hay súng ống gì không ?

– Vâng.

– Em cố giúp ta và em có muốn gì không ?

Cậu bé cười nhặt đáp:

– Không, cháu chả muốn gì cả. Nếu làm việc cho quân Áo thì các vàng cháu cũng không giúp. Nhưng cho quân ta... cháu là người Lômbacđi...

– Thế thì tốt lắm. Trèo đi!

– Khoan để cháu cởi giày đã.

Cậu tháo giày, thắt chặt lại dây lưng, vút mũ xuống cổ rồi bám cây, leo thoăn thoắt như một con mèo.

Một lát sau, cậu bé đã lên tít ngọn cây, lá che kín chân, chỉ trông thấy ngực. Ánh nắng chiếu vào tóc cậu lóng lánh như nhuộm vàng để nhìn cho rõ:

– Nhìn thẳng đằng trước mặt và đằng xa em!

Cậu vúi một tay, còn một tay giơ lên ngang trán để nhìn cho rõ.

Sĩ quan nói:

– Có thấy gì không ?

Cậu cúi xuống lấy tay làm loa và trả lời:

– Có hai người cưỡi ngựa trên đường.

– Gần hay xa ?

– Độ nghìn hay hơn nghìn thước.

– Họ tiến về phía này ?

– Không, họ đứng.

Im lặng một lúc, sĩ quan lại hỏi:

Em còn trông thấy gì nữa không ? Thử quay sang bên phải xem.

Cậu bé nhìn về bên phải rồi đáp:

– Có trông thấy người không ?

– Không. Họ nấp cả trong ruộng lúa.

Ngay lúc ấy, một viên đạn bay vút trong không và rơi xuống sau nhà.

Sĩ quan kêu:

– Em ơi xuống đi! Họ nhìn thấy em rồi. Ta không muốn dò thêm gì nữa. Xuống ngay đi!

Cậu đáp:

– Cháu không sợ.

– Xuống! Ta bảo xuống kia mà!

– Thong thả đã... Đằng kia, ở bên trái cháu trông thấy... Một viên đạn nữa vút qua tai làm ngắt lời cậu. Cậu rùng mình kêu:

– Lũ quái định "truy" mình đây.

Sĩ quan phát tức, hét:

– Xuống lập tức!

Cậu đáp:

– Vâng, cháu xuống. Xin chú yên tâm, đã có cây che cho cháu. Nhưng chú có muốn biết bên trái có gì nữa không ?

– Không. Không. Xuống đi!

Cậu nghiêng mình về bên trái vừa nhìn vừa nói to:

– Bên trái, gần nhà thờ, hình như có...

Viên đạn thứ ba trúng ngọn cây, người ta thấy cậu lộn nhào, trước còn bám vào cây, vào cành, sau buông tay và rơi lộn đầu xuống đất.

Sĩ quan vừa nguyên rửa quân thù vừa chạy lại.

Cậu bé nằm sổng sượt trên đất, hai tay dang ra. Một dòng máu đỏ ở ngực chảy ra. Người đội và hai người lính xuống ngựa chạy lại. Sĩ quan mở áo sơ mi cậu xem thì viên đạn thấu phổi bên

trái. Sĩ quan kêu:

– Tội nghiệp! Thằng bé chết rồi!

Viên đội nói tiếp:

– Không, nó còn sống.

Sĩ quan gọi cậu bé:

– Em ơi! Đưa em khốn khổ và can đảm của ta ơi! Tỉnh lên! Tỉnh lên!

Sĩ quan vừa nói vừa cầm khăn mùi soa lau vết thương cho cậu, cậu mở bừng mắt rồi ngả đầu ra chết.

Sĩ quan tái lợt, nhìn cậu bé hồi lâu, đứng dậy rồi lại nhìn hình như không nỡ dứt...

Sĩ quan buồn rầu nhắc lại:

– Thương thay! Đứa trẻ can đảm!

Nói xong, sĩ quan với lá cờ treo ở trước cửa nhà kia phủ lên mình cậu bé như một tấm vải liệm chỉ để hở đầu. Viên đội nhặt giày, mũ, dao và gậy gọt dở để bên mình cậu.

Sĩ quan đứng im lặng một lát rồi quay lại bảo viên đội:

– Ta sẽ cho xe hồng thập tự lại rước em. Cái chết này có ý nghĩa quân nhân. Nhà binh sẽ phải chôn cất cho tử tế.

Nói xong, sĩ quan giơ tay chào cậu bé lần cuối cùng.

Rồi, mọi người lên ngựa thẳng tiến.

Vài giờ sau, thi hài cậu bé được táng theo tang lễ nhà binh.

Khi đạo quân kỵ đi khỏi một lúc thì có một đại đội pháo binh đi đến. Chính đội này, mấy hôm trước đây đã đổ máu một cách rất dũng cảm trong trận Xan Mactinô.

Tin cậu bé can đảm kia đã bay tới các hàng quân một cách rất nhanh chóng. Vì thế, khi qua

chỗ thi hài cậu bé nằm dưới gốc cây tần bì, các sĩ quan đều giơ gươm chào, một viên cúi xuống bờ suối gần đó rút nắm hoa, ném trên mình cậu bé. Thế rồi theo gương ấy, tất cả đội pháo binh ai cũng nhặt hoa ném vào. Trong vài phút đồng hồ, hoa phủ đầy thi thể cậu bé.

Quan, lính lúc diễn qua, ai cũng nói:

– Can đảm thay cậu bé xứ Lômbacđi!

– Vĩnh biệt em!

– Em thực là người dũng cảm!

– Vinh dự thay cho em!

– Chúc em yên giấc nghìn năm!

Một sĩ quan tháo tấm Quân công bội tinh của mình đặt nơi ngực cậu. Tức thì, lại một trận mưa hoa phơi phới rơi xuống ngực máu đào, đầu tóc đỏ của cậu bé yên nghỉ dưới lá cờ tam tài đắp ngang. Nét mặt cậu bé như tươi cười! Phải chăng lòng cậu sung sướng và tự hào vì đã bỏ mình cho quê hương của cậu ?

Kẻ khó

Thứ ba, ngày 29

" Hy sinh cho tổ quốc như cậu bé Lômbacđi, là một đức tính siêu việt đã đành, nhưng cũng còn nhiều nét hay khác mà con không nên sao nhãng con ơi! "

Như sáng nay, lúc đi học về, con đi trước mẹ, con đã gặp một người đàn bà nghèo bế một đứa con nhỏ xanh xao yếu đuối và chìa tay xin con. Con nhìn người ta bằng cặp mắt lạnh lùng, con chẳng cho gì cả mà chính lúc ấy túi con có tiền. Nghe mẹ, con ơi!

Con đừng tập thói làm ngơ trước cái nghèo khó nó ngửa tay xin con; hơn nữa con lại càng không nên bước qua một người mẹ xin ăn cho con. Con hãy nghĩ đến bụng đói của đứa trẻ thơ, nghĩ đến sự đau khổ của người mẹ.

Mỗi khi mẹ bố thí cho kẻ nghèo thì bao giờ họ cũng cảm ơn và chúc cho mẹ, cho cả nhà ta được mọi sự lành. Những lời chúc tụng ấy nghe êm ái biết là dường nào! Và lòng tạ ơn họ không biết bao nhiêu.

Những lời cầu nguyện ấy sẽ thấu đến đấng Thượng đế để ngài phù hộ cho tất cả những người thân yêu của ta. Vì thế, mẹ trở về rất hài lòng và tự nhủ:

– Người ấy đã cho ta nhiều hơn là ta đãi họ!

Enricô ơi! Con hãy nghe mẹ: thỉnh thoảng nên bớt một vài xu trong túi tiền của con để cho người già không chốn nương thân, người mẹ không gạo, đứa trẻ không mẹ không cha. Những kẻ khó thích xin trẻ con vì như thế họ không nhục, vì trẻ con cũng như họ phải cần đến mọi người. Con có nhận thấy ở quanh trường thường có nhiều kẻ ăn xin không ? Sự bố thí của người lớn là một việc làm phúc, nhưng sự bố thí của trẻ con không những là một việc làm phúc mà còn là một sự vỗ về nữa, vì mỗi lần đứa trẻ đem cho thì hình như đồng tiền kèm với bông hoa ở trong tay nó rơi ra.

Con ơi! Con phải biết con có đủ cả, chứ kẻ khó thì thiếu hết. Khi con mong được sung sướng thì người nghèo chỉ cầu sao cho khỏi chết. Trong một đám có bao nhiêu là nhà giàu, trong một phố có bao nhiêu người sang trọng qua lại, có bao nhiêu đứa trẻ ăn mặc xa hoa, thế mà vẫn còn thấy nhiều đàn bà và trẻ con đói khát, rách rưới! Thực đáng buồn thay!

Muốn cho người ta khỏi chê con là một kẻ vô tình thì từ sau, con đừng bước qua một kẻ khó mà không cho gì".

Mẹ con.

Tính khoe khoang

Thứ hai, ngày mồng 5

Hôm qua, tôi đi chơi với anh Vôtini và cha anh. Khi qua phố Đôra, chúng tôi thấy anh Xtađia đang quay lại đá vung mấy người bạn đã vô ý dẫm phải chân anh trong khi anh mãi nhìn một bản địa đồ treo trong hiệu sách (vì anh học cả ở ngoài trường). Chúng tôi gọi, anh chỉ hơi chào trả, thực là thiếu lịch sự!

Chúng tôi mặc anh và thẳng đường đi. Tôi để ý nhìn anh Vôtini thì bao giờ anh cũng ăn mặc xa hoa quá thể, đối với một đứa trẻ con như anh. Giày da dê, áo nẹp thêu, mũ phớt trắng, đồng hồ vàng. Anh ra bộ giương giương tự đắc lắm, nhưng lần này thì bị nhụt!

Cha anh thủng thỉnh đi sau, còn anh và tôi thì chạy trước. Chúng tôi đến một cái ghế đá, đã thấy có một cậu bé cúi đầu ngồi nghỉ, vẻ mệt nhọc. Một người đàn ông nữa, có lẽ là cha cậu, đi tản bộ dưới bóng cây, xem báo. Hai chúng tôi cùng ngồi ghế. Anh Vôtini len ngồi giữa tôi và cậu bé và tìm cách làm cho cậu chú ý đến mình.

Anh giơ một chân lên hỏi tôi:

– Anh đã xem đôi giày bột tin kiểu "sĩ quan" của tôi rồi chứ ?

Anh nói thế cốt để cậu bé kia nhìn đôi giày mới của anh nhưng cậu bé không hề liếc mắt.

Thấy vô hiệu, anh bỏ chân xuống rồi vừa trở vào những cái "lon" kim tuyến ở tay áo, vừa liếc sang cậu bé mà bảo tôi rằng:

– Này anh! Lối viền này coi rợn quá! Tôi định thay bằng bộ cúc bạc!

Nhưng cũng phí lời, vì cậu bé ngồi yên như thường.

Anh Vôtini liền đặt mũ lên ngón tay trở quay tí. Cậu bé nhất định không nhìn.

Tức mình, anh rút luôn đồng hồ, mở nắp cho tôi xem các bánh xe. Nhưng cậu hàng xóm vẫn không nhúc nhích.

Tôi hỏi:

– Đồng hồ anh mạ vàng ?

Anh đáp:

– Không. Bằng vàng cả.

– Nhưng bao giờ người ta cũng pha ít bạc vào.

– Không. Tôi cam đoan với anh rằng đồng hồ tôi toàn vàng.

Rồi cố ý bắt cậu bé kia phải trả lời, anh giơ đồng hồ ngang mặt cậu và nói:

– Này anh coi, có phải bằng vàng cả không ?

Cậu kia trả lời cụt ngủn.

– Tôi không biết.

Như bị trêu chọc, Vôtini kêu:

– A! A! Làm bộ nhỉ!

Anh vừa kêu thì cha anh lại. Ông nhìn cậu bé rồi vội bảo anh:

– Im!

Xong ông ghé vào tai anh nói nhỏ:

– Đứa bé khốn nạn này mù, con ạ!

Vôtini nhìn kỹ cậu bé thì thấy hai con ngươi trơ như cùi nhăn.

Anh kinh ngạc, cứng người, mắt nhìn xuống đất, lẩm bẩm:

– Chết chửa! Mình không biết...

Cậu bé mù, hiểu cả, nở một nụ cười tử tế thoáng qua nét buồn nói:

– Không hề gì...

Xét ra, Vôtini là một kẻ hợm mình thực, nhưng lòng anh không độc vì từ lúc ấy, anh kém vui và có vẻ nghĩ ngợi.

"Chú phó nề"

Chủ nhật, ngày 11

Hôm nay "Chú phó nề" lại tôi chơi, chú mặc áo cũ của cha chữa lại, hãy còn nguyên cả vết vôi và thạch cao.

Anh Antônio vui tính lắm, mới gặp anh lần đầu mà cha tôi đã thích.

Vừa tới cửa, anh lột mũ cát kết dầm tuyết bỏ túi rồi thung thỉnh bước vào như bộ người thợ mệt, nhìn bên nọ, nhìn bên kia, mặt tròn như quả táo, mũi thì tẹt. Vào phòng ăn thấy bức ảnh "Chú hề gù", anh liền "nhấn mõm thỏ" ai trông thấy cũng phải tức cười.

Chúng tôi chơi xếp nhà cửa. Anh khéo tay quá, bày những cầu và tháp rất tài tình. Anh cặm cụi và kiên tâm như một nhà nghề. Trong khi xếp đồ chơi anh kể chuyện cho chúng tôi nghe.

Nhà anh ở một gác xép. Tối tối, cha anh đi học lớp lao động để tập đọc. Năm nay anh mới tám tuổi rưỡi. Cha anh cao lớn như người khổng lồ, vào cửa hay chạm đầu, mà người anh thì bé nhỏ trái hẳn với cha.

Coi y phục của anh thì biết cha mẹ anh thương anh lắm. Áo anh đã kếp thêm cho đỡ rét: ca vát đã do tay mẹ anh thắt rất diêm dúa và sạch sẽ.

Bốn giờ chiều, chúng tôi ăn quà ngay ở ghế trường kỷ. Lúc anh đứng lên, tôi thấy một vết trắng dây vào lưng ghế chực lau đi thì không hiểu sao cha tôi giữ tay tôi lại, rồi sau nhăm lức không ai chú ý, cha tôi tự chùi lấy.

Trong lúc nô đùa, anh đánh đứt một cái khuy áo, mẹ tôi đem lại cho anh. Anh đỏ mặt, sưng người nhìn mẹ tôi khâu và nín thở, có lẽ anh đang áy náy vì đã làm phiền mẹ tôi.

Tôi cho anh xem những bức vẽ hoạt kê, anh bắt chước những bộ nhả nhó trong tranh rất hệt khiến cha tôi phải bật cười. Hôm nay, "chú phó nề" được một ngày vui quá, lúc về quên cả đội mũ. Ra khỏi hè, như để tỏ lòng biết ơn, chú còn quay lại "nhả mồm thỏ" với tôi một lần nữa.

Antônio về rồi, cha tôi bảo:

– Con ơi! Con có biết tại sao cha không cho con chùi ghế trong lúc bạn con còn ở đó ? Vì làm thế tựa như mắng bạn đã làm bẩn ? Những vết trắng ấy, con có rõ ở đâu ra không ? Đó là ở quần áo của cha anh đã quệt phải trong khi làm việc. Những "dấu cần lao" ấy, ta phải kính trọng. Đó là cát bụi, đó là vôi, sơn: chứ không phải là dơ bẩn. Sự cần lao không bôi bẩn bao giờ. Thấy một người thợ đi làm về, con không nên nói:

– Người này bẩn!

Con phải nói:

– Trên áo người này có nhiều vết cần lao.

Những điều ấy, con nên ghi lòng. Con phải quý mến "chú phó nề" kia, trước hết vì đó là bạn con, sau nữa đấy là con một người lao động.

Quả cầu tuyết

Thứ sáu, ngày 16

Tuyết xuống mãi!

Vì tuyết mà sau buổi học sáng nay đã xảy ra một chuyện đáng tiếc. Một lũ học trò ra khỏi cửa trường được một quãng, liền viên tuyết ném nhau, những hòn nặng và rắn như đá. Lúc ấy trên hè đông người đi lại. Một người khách qua đường kêu:

– Đừng ném nữa! Những thằng ranh kia!

Thì ngay lúc ấy, bên kia đường có tiếng rú lên, một ông già, hai tay bưng mắt, đang bước lão đảo, cạnh có đứa bé con kêu cứu ầm ĩ.

Mọi người đổ đến. Ông già khốn khổ đã bị một quả cầu tuyết trúng mắt. Lũ học trò chạy trốn. Tôi đang đứng ở cửa một hiệu sách đợi cha tôi vào mua, thấy mấy anh bạn chạy lại đứng ngoài tủ kính giả vờ xem: nào anh Garônê, nào anh Côretti, nào "chú phó nề", nào anh Garôpphi.

Lúc ấy, mọi người đều xúm xít chung quanh ông già bị nạn: một viên cảnh binh dậm dọa hỏi:

– Đứa nào ? Đứa nào ném ? Bắt nó ra đây!

Người ta tìm những đứa trẻ con khám xem tay ai ướt. Garôpphi đứng cạnh tôi mặt xám như gà cắt tiết.

Công chúng vẫn gào:

– Đứa nào ? Đứa nào ném ?

Tôi thấy anh Garônê bảo anh Garôpphi:

– Ra đi! Anh cứ ra nhận đi! Đừng để người khác bị bắt oan. Garôpphi run như cây sậy, đáp: – Nhưng tôi có định ném ông ta đâu!

– Dù sao anh cũng phải làm bốn phạt của anh.

– Tôi sợ lắm.

– Không việc gì, anh cứ theo tôi.

Viên cảnh binh và công chúng càng gào to:

– Đứa nào ? Bắt bằng được! Nó ném vỡ kính đèn mù mắt ông già rồi!

Nghe thấy thế Garôphi rún người như sắp ngã xuống đất.

Garônê quả quyết giục:

– Cứ ra, tôi sẽ bênh vực cho anh.

Nói xong, Garônê đưa Garôphi ra và ôm đỡ anh như một bệnh nhân.

Trông thấy, công chúng hiểu ngay đó là tội nhân, họ hung hăng kéo đến.

Garônê đứng che cho bạn và nói:

– Có phải mười người lớn định đánh một đứa trẻ con không ?

Họ đều thôi. Viên cảnh sát đến lôi Garôphi qua đám đông người điệu vào một cửa hàng là chỗ người ta đã đưa ông già vào ngồi tạm.

Trông ông già, tôi nhận ngay ra là một người làm công thợ ở tầng gác thứ tư, nhà tôi ở. Ông ngồi tựa lưng vào ghế, tay cầm mùi soa ấp mắt người cháu đứng cạnh ông.

Garôphi mặt tái mét vừa khóc vừa nói:

– Tôi có định ném cụ ấy đâu. Tôi lỡ tay...

Hai ba người đẩy mạnh anh vào hàng và thét:

– Phải quỳ xuống xin lỗi!

Nhưng, ngay lúc ấy, có hai cánh tay mạnh mẽ nâng anh dậy và một giọng quả quyết buông ra:

– Thừa các ngài, không được!

Đó là ông hiệu trưởng trường tôi: ông đã nhìn rõ tấn kịch ấy.

Garôpphi nức nở khóc, hôn tay ông già. Ông lão rờ đầu và xoa tóc anh, tỏ ý tha thứ cho một đứa trẻ đã biết hối.

Lát sau, người ta cho Garôpphi về.

Cha tôi cũng kéo tôi về. Đi đường cha tôi hỏi:

– Enricô ơi! Gặp những trường hợp như thế, con có can đảm ra thú lỗi không ?

Tôi đáp:

– Thừa cha, có.

– Con giữ lời chứ ?

– Vâng, con xin thề với cha như thế!

Các cô giáo trường tôi

Thứ bảy, ngày 17

Hôm nay, Garôpphi ra trường có vẻ lo lắng vì chắc thế nào cũng bị thầy giáo quở phạt. Nhưng ông Perboni nghỉ mà thầy giáo phụ cũng không đến, chỉ có bà Crôme là bà giáo có tuổi nhất trường đến dạy thay. Hôm nay bà có vẻ buồn vì con bà ốm. Bà bước chân vào lớp, học trò đã làm rầm lên. Bà chậm rãi nói: "Các con nên trọng mái tóc bạc của ta một chút! Ta không những là một bà giáo, ta còn là một người mẹ! ".

Ai nấy đều nín thít. Ngỗ nghịch như anh Phoranti cũng đành chịu nói thầm.

Cô Delcati, dạy em tôi lên thay bà Crôme, còn lớp cô thì để cho cô "Mụ nhà dòng " coi giúp; người ta hay gọi thế vì cô hay mặc đồ thâm. Cô da trắng, tóc trơn, mắt sáng, giọng lại thanh tao

hình như trời sinh ra chỉ để đọc kinh cầu nguyện. Tuy nhiên cái giọng êm ái ấy cũng có oai quyền, khiến cho đám trẻ phải kinh sợ; những trẻ nghịch ngợm nhất ở trước mặt cô cũng phải thút thủ.

Trong trường còn một cô giáo nữa tôi rất quý mến là cô giáo lớp sơ đẳng. Cô sắc mặt hồng hào, má lúm đồng tiền, đầu đội mũ gài lông đỏ. Cô tính tình hoà nhã, trên môi lúc nào cũng nở một nụ cười, dạy học rất vui. Cô luôn luôn gõ thước xuống bàn hoặc vỗ tay cho học trò ngồi im. Lúc học trò ra, cô thường theo sau để giữ cho chúng đi thẳng hàng, xóc cổ áo cho em này, gài khuy áo cho em khác, theo ra tận đầu phố cho chúng khỏi đánh nhau, ngọt ngào nói với cha mẹ chúng về nhà đừng đánh phạt chúng. Em nào ho thì phát kẹo thuốc, em nào rét thì cho mượn bao tay. Lúc nào, cô cũng bị học trò vây đón tíu tít, kẻ kéo khăn quàng. Người lôi cổ áo...

Cô chịu khó lắm, vừa dạy chữ vừa dạy vẽ. Cô đi làm để nuôi mẹ và em.

Thăm ông già bị nạn

Chủ nhật, ngày 18

Cháu ông già bị thương hôm nọ học lớp cô giáo nhu hoà, vui vẻ mà tôi vừa kể chuyện. Hôm nay tôi cũng trông thấy anh vì anh ở với ông nuôi nấng như con đẻ. Tôi vừa chép xong câu chuyện hàng tháng nhan đề là "Chàng viết mướn thành Phirenzê" để đọc tuần sau thì cha tôi bảo:

– Ta lên tầng thứ tư xem tin tức ông già hôm nay ra sao?

Chúng tôi lên gác, tìm vào một căn phòng tối mò. Ông già đang ngồi trong giường, chống tay lên gối. Bà vợ đứng đầu giường, người cháu đang chơi. Mắt ông còn buộc băng. Thấy cha tôi đến, ông mừng rỡ mời ngồi và nói hôm nay ông đã khá nhiều. Mắt ông không việc gì, mai kia sẽ khỏi hẳn. Ông nói tiếp: "Thật là một cái hạn! Tôi chỉ thương cho thằng bé hôm ấy bị khiếp sợ quá!"

Chợt có tiếng gõ cửa, ông tưởng bác sĩ đến thăm, nhưng cửa vừa hé tôi nhìn thấy anh Garôpphi trùm áo măng tô lù lù đứng ngoài, mắt nhìn xuống đất, không dám bước vào.

Ông già hỏi:

– Ai đấy ?

Cha tôi đáp:

– Đứa trẻ ném tuyết hôm nọ đấy.

Ông già gọi:

– Con vào đây. Con đến hỏi thăm người bị thương phải không ? Con hãy yên tâm. Hôm nay ta đã bớt nhiều.

Garôpphi then thùng lại cạnh giường và cố nuốt nước mắt. Ông già xoa đầu anh, anh cảm động quá không nói được lời nào!

Ông già nói tiếp:

– Cảm ơn con đã đến thăm ta. Con về nói với cha mẹ con rằng ta sắp khỏi hẳn và không việc gì để người khỏi băn khoăn.

Garôpphi không nhúc nhích, coi bộ nghĩ ngợi, hình như anh có điều gì trong lòng chưa dám nói ra.

Ông già hỏi:

– Con muốn gì ?

– Thừa cụ, không.

– Thôi! Chào con! Con cứ về đi, đừng lo lắng gì nữa.

Garôpphi trở ra, song không hiểu sao anh lại đứng lại nhìn người cháu ông già chòng chọc rồi bỗng dưng rút ở túi ra một gói giấy nhét vào tay cậu bé và bảo:

– Anh cho em.

Nói xong, anh chạy liền.

Cậu bé đem giấy lại cho ông già mở xem.

Tôi ngạc nhiên quá, vì đó chính là quyển sổ quý báu của anh: "Quyển tem các nước" mà anh đã sưu tập từ lâu, quyển sổ mà anh đã đặt bao nhiêu hy vọng và tốn biết bao nhiêu công trình! Tóm lại, nó là cái bảo tàng của anh, nó là huyết mạch của anh xẻ ra, nay anh thành tâm đem lại để chuộc tội.

Chàng viết mướn thành Phirenzê

(Truyện đọc hàng tháng)

Cậu bé là học trò lớp bốn sơ đẳng, quê ở thành Phirenzê mới 12 tuổi, người coi khô trắn, thông minh, tóc đen, da trắng. Cậu là con đầu lòng một viên ký ga, lương ít, nhà lắm miệng ăn, vì thế sinh kế rất eo hẹp. Cha cậu quý cậu lắm, nhưng đến việc học thì rất nghiêm khắc vì cậu đã lớn, cần phải học gấp cho chóng đủ sức đi làm, kiếm đỡ gia đình.

Cha cậu đã có tuổi, lại lo nghĩ nhiều nên trông già xạm. Thế mà ngoài việc sở ra, cha cậu còn nhặt việc ngoài để kiếm thêm và đêm nào cũng thức khuya làm việc.

Ông vừa nhận được việc viết "băng" báo, cứ 500 tờ thì được 3 lira. Nhưng việc này có phần khó nhọc, nên tối đến, lúc cơm ông thường phàn nàn:

– Mất ta độ này kém quá. Làm việc đêm hại người thực!

Một hôm cậu con nói:

– Thừa cha, để con làm đỡ vì con viết được.

Cha đáp:

– Không. Con còn phải học. Công việc nhà trường còn quan hệ hơn việc viết "băng" nhiều.

Cảm ơn con. Cha không muốn thế.

Biết không thể nào làm lay chuyển được lòng cha. Cậu thôi không nài nữa và nghĩ cách khác.

Một đêm, đợi cho cha viết mỏi tay đi ngủ, cậu khê dậy, lần ra phòng giấy, thắp đèn rồi ngồi vào bàn bắt chước lối chữ của cha viết rất nhanh nhẹn. Tập "băng" đã thành đồng cao, cậu đếm được 160 tờ. Thế là làm thêm được 1 lira. Cậu nghỉ tay rồi rón rén về buồng ngủ.

Hôm sau cha cậu vui vẻ bảo cậu:

– Giuliô ơi! Cha còn có sức làm việc hơn là con tưởng. Đêm qua, trong hai tiếng đồng hồ, cha đã viết hơn mọi hôm đến quá một phần ba. Tay ta còn lẹ mắt ta còn tinh.

Giuliô sung sướng, tự nhủ lòng:

– Không những kiếm được thêm tiền, ta còn làm cho cha vui sướng tưởng mình trẻ ra. Ta hãy gắng lên!

Cậu làm như thế luôn một tháng. Thức nhiều sinh mệt. Một tối kia, cậu ngủ gật trong khi học bài.

Hôm sau cha cậu mắng:

– Độ này con đổi tính nhiều quá, trước con có thể đâu! Con nên nhớ rằng tất cả hy vọng của nhà ta đều đặt vào tương lai của con. Cha rất không bằng lòng con.

Bị cha mắng, cậu định từ nay thôi không viết nữa.

Nhưng đến chiều, cha cậu về, vui vẻ báo cho nhà biết rằng tháng này cha cậu lĩnh được 32 lira hơn tháng trước. Cha cậu lại mua một gói kẹo lớn về phân phát cho các con. Các em cậu vỗ tay reo mừng. Thấy thế, cậu lại quả quyết làm như trước và tự nghĩ:

– Ta phải gắng hơn chút nữa! Ban ngày ta học, ban đêm ta viết để cho cha và các em ta được sung sướng.

Cậu viết như thế luôn bốn tháng. Bốn tháng đêm thức ngày mệt! Bốn tháng bị cha giày vò hất hủi.

Sang tháng thứ năm, cậu quyết lòng nghỉ viết để khôi phục lại tình yêu dấu của cha, nhưng đêm đến, cậu lại nhớ giấc dậy. Cậu muốn nhìn lại lần cuối cùng trong bầu không khí bình tĩnh ban đêm, cái phòng con kia, nơi mà cậu đã làm việc lén trong bấy nhiêu lâu. Đèn thấp, cậu đứng trước bàn nhìn tập "băng" trắng mà cậu sẽ không bao giờ được viết nữa, những tính danh và địa chỉ cậu đã thuộc lòng, lòng cậu bỗng thấy bồi hồi. Rồi bất giác, cậu lại ngồi xuống làm việc. Tay cậu đùng rơi quyển sách xuống đất. Cậu rùng mình sợ hãi. Chết! Cha cậu dậy thì sao ?

Cậu nín thở và lắng tai, nhưng không nghe thấy gì. Im cả! Cả nhà đang ngon giấc. Cậu yên tâm cầm bút viết lia lịa.

Lúc ấy, cha cậu vẫn đứng sau cậu mà cậu không biết, vì nghe tiếng sách rơi, cha cậu nghe ngóng một lúc lâu rồi rón rén ra. Phải! Cha cậu đứng đẩy mái tóc bạc cúi trên mái tóc xanh! Phải! Cha cậu đứng đấy, mắt nhìn ngọn bút lòng cảm thương con!...

Bỗng cậu Giuliô thét lên một tiếng, có hai bàn tay run run ôm lấy đầu cậu.

Nghe tiếng nước nở, cậu biết ngay là cha, liền nói:

– Cha ơi! Xin cha tha lỗi cho con!

Cha cậu, cúi hôn cậu, nước mắt rỏ cả lên trán:

– Giuliô yêu quý của cha! Con đừng giận cha nhé! Cha đã hiểu cả. Chính cha phải xin lỗi con mới phải.

Nói xong, cha cậu ôm cậu vào giường mẹ cậu và bảo:

– Hôn con đi! Đã bốn tháng nay nó không ngủ để làm việc thay ta. Ta đã phụ bạc nó trong khi nó kiếm gạo nuôi cả gia đình!

Lòng biết ơn

Thứ bảy, ngày 31

Enricô của cha,

Con ơi! Con có ý oán thầy giáo con vì người đã nóng quá. Con nghĩ lại xem đã bao nhiêu lần con gắt gỏng, mà gắt gỏng với ai ? Với cha con, với mẹ con là những người đáng lẽ con phải kính nể.

Thầy giáo con đôi khi nóng nảy, không phải là không có cớ. Đã bao nhiêu năm, người khó nhọc dạy trẻ. Trừ một vài đứa có nghĩa và ở thuỷ chung với thầy, còn phần đông là những kẻ vong ân, chúng đã phụ lòng tốt của người và không nghĩ đến công lao của người. Hết thầy bọn chúng con đều giê cho thầy những mối ưu phiền hơn là những sự như ý. Một người hiền lành nhất trên trái đất này, ở vào địa vị thầy, cũng phải đâm ra tức giận. Lắm phen, trong mình khó xử, thầy cũng phải gắt đi làm vì không đến nỗi phải nghỉ, con có biết đâu! Thầy gắt vì thầy đau, nhất là những khi thầy thấy các con biết rõ là thấy yếu lại thừa cơ nghịch ngợm thì thầy đau khổ biết dường nào!

Con ơi! Phải kính yêu thầy giáo con. Hãy yêu thầy vì cha yêu thầy và trọng thầy. Hãy yêu thầy, vì thầy đã hy sinh đời thầy để gây hạnh phúc cho biết bao nhiêu đứa trẻ sẽ quên thầy. Hãy yêu thầy vì thầy mở mang trí tuệ và giáo hoá tâm hồn cho con. Rồi đây, con sẽ trưởng thành, thầy cùng cha sẽ không còn ở trên đời này nữa, lúc ấy con sẽ thấy hình ảnh thầy thường hiển hiện ở cạnh cha, lúc ấy con sẽ thấy nét đau đớn và lao khổ trên mặt thầy làm cho con phải cực lòng mặc dầu đã cách hàng 30 năm. Rồi con tự thẹn và con ân hận đã không yêu người và trái đạo với người.

Hãy yêu thầy vì thầy là người của cái gia đình giáo thụ lớn lao kia ở rải rác trên địa cầu, cái gia đình ấy dạy dỗ hàng triệu đứa trẻ cùng lớn với con. Nếu con chỉ biết yêu cha mà không nghĩ đến những vị đã làm ơn cho con mà ông thầy đứng vào bậc nhất thì cha chẳng được hài lòng.

Hãy yêu thầy như cha; yêu thầy như những khi thầy vuốt ve con, yêu thầy cả những khi thấy mắng mỏ con, yêu thầy khi thầy không công bằng và cả những khi con tưởng thầy có ý thiên vị! Yêu thầy khi thầy tươi vui, nhưng càng yêu thầy khi thầy buồn bã. Và bao giờ con cũng phải

đọc tiếng "thầy" một cách trân trọng vì sau tiếng "cha" thì tiếng "thầy" là tiếng cao quý hơn cả, là tiếng đẹp đẽ hơn cả mà một người có thể đem tặng người khác."

Cha con.

THÁNG GIÊNG

*

Thầy giáo phụ

Thứ tư, ngày mồng 4

Giờ tôi mới biết cha tôi nói phải. Ông Perbôni sở dĩ hay gắt là vì trong người không được khoẻ. Thực vậy, đã ba hôm nay, có thầy giáo phụ đến dạy thay. (Thầy nhỏ người, không râu, còn trẻ lắm). Sáng nay đã xảy ra câu chuyện không hay cho thầy. Ngay hôm đầu và hôm thứ nhì, học trò cũng đã làm rầm lớp vì thầy hiền quá, chỉ bảo:

– Ngồi im! Xin các em ngồi im!

Và chẳng phạt ai cả.

Đến hôm nay thì quá lắm. Học trò làm rầm đến nỗi nói không nghe thấy tiếng gì. Thầy kêu, thầy xin, nhưng mất công vô ích. Đã hai lần ông hiệu trưởng phải xuống xem, nhưng khi ông đi khỏi rồi thì đâu lại hoàn đấy, cứ ào ào như cái chợ con. Garônê và Êrôxi nhiều lần quay lại ra hiệu cho anh em ngồi im và bảo họ như thế là vô hạnh song cũng phí công. Chả ai thèm để ý. Chỉ có anh Xtađi là ngồi im, hai khuỷu tay chống xuống bàn, hai bàn tay ôm lấy thái dương, có lẽ anh đang tư tưởng về cái tủ sách của anh ở nhà và anh chàng "góp tem" là Garôphi đang biên tên những bạn đã bỏ ra một xu để "đánh số" lấy cái lọ mực con. Còn các học trò khác, người thì cười, người thì lấy bút gõ xuống bàn, người dùng nịt cao su làm súng, vê giấy làm đạn bắn lẫn nhau.

Thầy giáo phụ chạy xuống, lúc kéo người này, lúc lôi người kia lên bắt đứng quay mặt vào tường nhưng cũng không sao đẹp nổi.

Phranti lao mũi tên giấy vào lưng thầy, rồi kẻ huýt còi, người kêu meo meo, kẻ hát người ném mũ làm cầu. Thực là một cảnh hỗn loạn khôn tả. Chợt người gác cổng vào gọi:

– Mời thầy lên, ông hiệu trưởng hỏi.

Thầy giáo phụ đổi sắc mặt, rảo bước ra. Bấy giờ sự huyền não lại càng tăng. Không thể chịu được, Garônê liền đứng dậy, nắm tay, trợn mắt quát:

– Thôi đi, các anh là những kẻ rồ dại! Các anh đã lạm dụng lòng tốt của thầy giáo phụ! Có đánh vào xác các anh thì các anh mới sợ, còn thương các anh thì các anh lại nhờn, như thế là hèn lẩn! Lát nữa thầy giáo phụ về nếu ai còn làm ồn ào hoặc làm trò cười, lúc tan học sẽ biết tay tôi! Cha mẹ các anh dù có đấy, tôi cũng không ngại, chắc chắn cha mẹ các anh sẽ cho việc tôi làm là phải.

Ai nấy đều nín thít. Rồi, mắt sáng quắc như con sư tử hằm hè, anh nhìn khắp lượt những cậu búống bình và hay nghịch nhất; các cậu đều cúi đầu.

Lát sau, thầy giáo phụ, mặt đỏ, trở về, ngạc nhiên thấy lớp học yên lặng như tờ. Sau khi nhìn Garônê thấy mặt hầy còn bùng bùng phần khí, thầy hiểu ngay và bằng giọng thân ái như đối với bạn, thầy nói:

– Cảm ơn em Garônê.

Tức thì cả lớp vỗ tay.

Thế mới gọi là một đứa trẻ có nghĩa khí!

Đứa con người thợ rèn

Thứ năm, ngày 12

Prêcotxi, con người thợ rèn, là một đứa trẻ xanh xao, nét mặt lúc nào cũng buồn rầu, sợ sệt, một đứa trẻ nhút nhát đến nỗi bất cứ phải trái đều nhận lỗi cả. Prêcotxi ốm yếu luôn nhưng vẫn cố học. Theo lời người ta nói thì cha anh mỗi khi uống rượu say về, vì một có nhỏ mọn, cũng đánh đập anh và ném tung sách vở. Cậu bé khốn khổ thường đến trường với những vết thâm tím đầy mặt; có khi khóc nhiều, mắt cậu đỏ và sưng húp lên.

Nhưng không bao giờ, không đời nào người ta lại bắt được cậu thú nhận rằng: chính cha cậu đã đánh cậu.

Có hôm thầy vừa chỉ vào chỗ vở cháy vừa hỏi:

–... Nhưng mà có phải chính con đã đánh cháy trang giấy này không ?

Giọng run run, cậu đáp:

– Vâng, con chót dại, xin thầy tha con!

Nhưng các bạn đều rõ chính cha cậu làm cháy vở cậu, vì trong khi chếch choáng, cha cậu vấp ngã đổ đèn vào vở cậu.

Prêcotxi ở trên "rầm thượng" nhà tôi, vì thế vợ người gác cổng hay đem chuyện nói với mẹ tôi.

Một hôm em gái tôi nghe thấy Prêcotxi bị cha đá ngã lộn nhào xuống thang gác, vì anh đã lải nhải xin một hào để mua quyển văn phạm. Cha anh cả ngày chỉ thích uống rượu và chẳng làm gì cả. Vì thế, gia đình anh rất túng thiếu. Lắm hôm, anh nhịn đói đi học: lúc ra chơi, bắt buộc dĩ anh phải cầm lấy mẫu bánh của bạn đứng góc sân ăn hay gặm một quả táo mà bạn đã cho giấu trong lớp.

Tuy thế, không bao giờ anh hé miệng phàn nàn:

– Tôi đói lắm! Cha tôi không cho tôi ăn.

Thỉnh thoảng nhân dịp qua trường, cha anh đứng lại đón anh hai mắt đỏ ngầu, chân đi thất

thiếu, đầu bù, mũ lệch! Trông thấy bóng cha ngoài phố, cậu bé luống cuống, nhưng cũng tươi cười chạy lại. Song cha cậu nhìn đi đâu và nghĩ việc gì. Thương hại thay cho anh Prêcotxi! Lắm khi anh phải đóng lại vở rách và mượn bạn cùng ghế những sách anh không có. Anh cài áo bằng những ghim băng. Đến khi anh tập võ coi mới thiếu nã! Giày thì to và rộng, quần thì rách tươm, áo thì lụng thụng và cụt cả tay. Thế mà anh vẫn ham học, vẫn cố học. Nếu sự học của anh được đầy đủ, được săn sóc như ở các gia đình khác thì anh đã ngồi đầu lớp từ bao giờ. Đáng tiếc cho anh!

Sáng nay, anh đến trường với một vết thương ở má. Chúng bạn hỏi:

– Thôi! Chính là cha anh lại đánh anh rồi! Lần này không giấu được nữa nhé! Vào thưa ông hiệu trưởng đi, để mời cha anh lên Cầm!

Anh đỏ mặt, nói giọng run run và đầy tức giận:

– Nói bậy! Cha tôi đánh tôi bao giờ ?

Nhưng trong giờ học, những giọt lệ ở mắt anh đã lã chã rơi xuống bàn. Có kẻ nhìn anh, anh lại gượng cười để che lòng đau khổ.

Tội nghiệp thay cho anh Prêcotxi!

Phranti bị đuổi

Thứ bảy, ngày 21

Trong bọn học trò lớp tôi, có anh Phranti là khó chịu hơn cả. Tôi ghét anh quá vì anh là một đứa trẻ quái ác. Hễ thấy cha mẹ bạn nào đến mách con cùng thầy là anh thích chí. Hễ thấy ai khóc thì anh cười. Anh sợ anh Grarônê một vành nhưng lại bắt nạt "chú phó nề" hết cách vì chú không chống cự được. Anh trêu chọc anh Crotxi, một người học trò bị liệt tay, anh chế giễu anh

Prêcotxi là người ai cũng quý, anh chọc ghẹo cả đến anh Robetti học trò lớp hai, phải chống nạng vì cứu một đứa trẻ con. Anh hay sinh sự với những bạn yếu nhất, lúc đánh nhau thì anh hung tợn như con thú dữ và nhè đánh những miếng đòn rất nguy hiểm.

Người ta bảo: mẹ anh buồn vì anh mà thành bệnh và ba lần cha anh đã đuổi anh ra khỏi nhà. Thỉnh thoảng mẹ anh lại ra trường hỏi về hạnh kiểm của anh, nhưng lần nào mẹ anh cũng phải roi lệ trở về. Phranti ghét thầy, ghét bạn, ghét cả nhà trường. Thầy giáo thường làm ngơ không thèm để tai những lời thô tục của anh, tưởng hay, anh lại nói già. Thoạt tiên thầy còn dùng lời ngọt để cảm hoá anh, song lời khuyên đối với anh như nước đổ đầu vịt, thầy phải đe dọa, anh lấy tay che mặt, ai cũng tưởng anh khóc, trái lại, anh cười. Cuối cùng thầy phải tạm đuổi anh trong ba hôm. Lúc đi học anh lại "mất dạy" hơn trước.

Sáng nay, lúc thầy đưa bản thảo câu chuyện hàng tháng, nhan đề là "chú lính đánh trống, người đảo Xardenha" cho anh Garônê chép, bỗng có một tiếng nổ như tiếng súng làm chuyển cả trường, ai nấy đều giật nảy mình, thì ra Phranti đã châm pháo ném vào góc lớp.

Thầy quát:

– Phranti! Ra cửa ngay!

Phranti vừa cười vừa cãi:

– Không phải con.

Thầy lại nói:

– Ra ngay!

– Con không đi đâu cả!

Nghe câu trả lời hỗn xược ấy, thầy mất cả bình tĩnh, nhảy vào cầm tay Phranti lôi ra. Thằng vô lại nó vùng vằng, giãy giụa và nghiêng răng kêu. Thầy phải dùng sức mới lôi nổi nó lên bàn giấy ông hiệu trưởng. Một lát sau ông Perbôni về lớp, ngồi vào bàn giấy, vẽ một nhọc, buồn rầu buông một tiếng thở dài:

– Ta đi dạy học đã 30 năm, chưa từng có chuyện lạ như hôm nay bao giờ!

Học trò ngồi im không nhúc nhích. Tay thầy giáo còn run, vết nhăn trên trán thầy lũng

xuống như một vết thương. Trông thấy, ai nấy đều tủi lòng.

Bồnh anh Đô-rô-xi đứng dậy nói:

– Thừa thầy, xin thầy đừng buồn. Tất cả chúng con ngồi đây đều kính mến thầy.

Thầy khẽ gật đầu và bảo:

– Chép bài đi! Các con.

Chú lính đánh trống, người đảo Xarđenha

(Truyện đọc hàng tháng)

Ngày mở đầu trận Cuxtôtza tức là hôm 21 tháng bảy năm 1848, sáu mươi người lính thuộc liên đội bộ binh kia được lệnh lên núi chiếm đóng một căn nhà bỏ không thì thành lính bị hai đội quân Áo đến đánh. Quân địch bắn súng liên thanh túi bụi đến nỗi toán bộ binh phải vất vả mới trốn được vào nhà và phải bỏ tại trận mấy người chết và mấy người bị thương.

Thế rồi quân Italia cứ trong cửa sổ bắn ra, bên ngoài quân Áo tiến theo hình vòng cung và bắn trả rất dữ.

Cầm đầu đội quân Italia, có hai hạ sĩ quan và một viên đại úy là một vị đã có tuổi, người cao lớn khô khao, râu tóc bạc phơ. Trong đội có một chú lính đánh trống, người đảo Xarđenha là một đứa trẻ, da vàng tóc đen, trạc 14 tuổi, nhưng người bé nhỏ chỉ bằng đứa 12. Đại úy đứng chỉ huy việc phòng ngự một căn buồng trên gác, hạ lệnh như tiếng sét. Chú lính đánh trống, mặt hơi xám nhưng chân vẫn vững trên bàn, nhìn qua cửa sổ thấy khói mù và một dải trắng trắng đang tiến dần vào trong bãi.

Quân địch bắn vào như mưa: tường thủng, ngói tan, đồ đạc, trần, cửa đổ vỡ, mảnh gỗ, mảnh bát, mảnh kính bắn tung toé.

Chốc chốc lại có người lính đứng bắn ở cửa sổ gục xuống ván, người ta phải lòi vào buồng. Một người lính nữa, tay bóp vết thương, chân bước lảo đảo ở phòng nọ sang phòng kia. Trong bếp, có một người chết, vỡ óc, coi rất thê thảm.

Vòng cung bao vây của quân địch càng thắt chặt thêm.

Đại úy trong buồng chạy ra nói chuyện với viên đội. Ba phút sau, viên đội chạy tìm chú lính đánh trống. Khi chú lên thấy đại úy đang tì giấy vào cửa kính viết bằng bút chì. Dưới chân đại úy có một cuộn dây thừng xách nước.

Đại úy gấp giấy, nhìn thẳng cậu bé bằng đôi mắt lạnh lùng, đôi mắt mà xưa nay quân lính vẫn từng sợ hãi, đại úy gọi:

– Thằng đánh trống!

Chú lính con liền giơ tay lên rìu mũ.

– Mà có can đảm không ?

Hai mắt nổi một luồng chớp sáng, cậu đáp:

– Bẩm, có.

Đại úy đẩy cậu lại cạnh cửa sổ trên mái, trở ra và nói:

– Mà trông đằng xa kia, trong cánh đồng gần toà biệt thự Phrunca, chỗ lười lê lấp lánh kia là quân của ta. Mà cầm giấy này, lấy dây leo xuống rồi theo sườn núi lẩn qua cánh đồng, chạy về liên đội ta và giao thư cho sĩ quan nào mà gặp trước nhất. Giờ mà hãy vút dây lưng và túi đạn đi.

Viên đội liền giữ một đầu dây, còn đại úy đỡ cậu bé trèo qua cửa sổ và dặn thêm:

– Mà phải thận trọng. Sự thoát nguy của chi đội ta đều trông cậy vào tấm lòng can đảm và đôi chân mạnh mẽ của mà.

Cậu bé vừa bám dây vừa đáp:

– Bẩm đại úy, xin ngài hãy tin vào con.

Một lát sau, chú lính nhỏ đã tới mặt đất. Viên đội kéo dây lên. Đại úy nhìn thấy cậu bé xuống núi và chạy.

Đại úy đang mong sao cho cậu bé đi thoát, bỗng có năm, sáu đám bụi mù nổi lên trước mặt và sau lưng chú, ông biết rằng địch quân đã nhìn rõ. Họ bắn từ trên đồi xuống. Cậu bé đang thoăn thoắt chạy như con thỏ, bỗng ngã rạp xuống đất. Đại úy đã thất vọng, nhưng rồi lại thấy cậu trở dậy chạy, chân hơi khập khiễng. Cậu chạy mỗi lúc một khó nhọc thêm. Thỉnh thoảng lại lảo đảo hoặc đứng hẳn lại.

– Có lẽ hắn bị đạn.

Đại úy đoán thế, nhưng lại thấy cậu bé chạy tiếp.

Một viên sĩ quan lo sợ, vào trình đại úy rằng quân địch bắn luôn tay lại dựng "cờ trắng" truyền lệnh cho ta hàng.

Đại úy vừa nhìn theo cậu bé vừa đáp:

– Không ai được trả lời chúng.

Lúc ấy, người ta trông thấy đầu cậu bé nhấp nhô trong ruộng lúa rồi lại chẳng thấy nữa, có lẽ cậu ngã, sau lại thấy đầu cậu hiện ra; cuối cùng cậu biến trong hàng giậu, đại úy không trông thấy nữa.

Quân Áo đã ập đến. Người ta thấy tiếng hò reo và tiếng súng bắn ầm ầm. Ngoài có tiếng hô:

– Hàng đi! Hàng đi!

Đại úy hét lớn:

– Không đời nào!

Lửa cháy bùng bùng tứ phía. Nhiều quân ngã lăn. Mấy cửa sổ đã bỏ không, không người chiến đấu. Cái phút nguy cấp đã bày ra trước mắt. Đại úy nghẹn ngào kêu:

– Quân ta không đến rồi! Thôi quân ta không đến rồi!

Đại úy nói xong, chạy đi chạy lại, điên cuồng rút kiếm toan tự vẫn, bỗng một viên đội ở trên mái trèo xuống reo ầm:

– Quân ta đã đến!

– Quân ta đã đến!

Đại úy nhắc lại câu ấy bằng giọng vui mừng.

Thế rồi, quan quân, kẻ bị thương, kẻ còn mạnh, thấy đều ra cửa sổ chiến đấu kịch liệt.

Một lát sau, người ta thấy có sự hỗn loạn trong hàng quân địch.

Viện binh đến kịp thời, phá tan quân địch và giải vây cho đội bộ binh.

Hôm sau, đại úy vào nhà thương thăm một viên trung úy bị gãy tay. Đại úy đang ngơ ngác tìm giường, bỗng nghe có tiếng gọi se se:

– Đại úy!

Đại úy quay lại thì ra chú lính chạy giấy hôm trước, đại úy hỏi:

– Con ở đây à ? Giỏi lắm! Con đã làm tròn nghĩa vụ của con. Con có bị thương không ?

Cậu bé đáp:

– Tránh sao được! Quân Áo nhìn thấy con chạy liền bắn theo. Nếu con không bị thương thì đã đến sớm hơn được 20 phút nữa. May con gặp ngay được viên sĩ quan ở bộ tham mưu và trao giấy.

Đại úy nhìn kỹ cậu bé và hỏi:

– Trông con xanh quá! Chắc con mất nhiều máu lắm ?

Cậu bé mỉm cười đáp:

– Vâng nhiều máu, nhưng còn có điều hơn máu nữa. Ngài thử nhìn xem.

Nói xong cậu mở chân ra.

Đại úy kinh ngạc, lùi lại một bước. Chú lính đánh trống chỉ còn một chân. Chân trái đã bị cưa ở trên đầu gối.

Lúc ấy, quan thầy thuốc nhà binh đi qua, trở cậu bé và nói vội vàng:

– Thực là một trường hợp đáng tiếc. Chân nó bị thương xoàng thôi, nhưng vì gượng đi một cách quá đáng nên vết thương sưng lên đến nỗi phải cưa. Nhưng nó là một đứa trẻ can đảm, đáng khen! Nó không hề khóc và cũng không hề kêu đau. Khi tôi chữa cho nó, tôi rất tự hào rằng nó là một đứa con nước Italia!

Nói xong quan thầy thuốc lại chạy đi chỗ khác.

Đại úy cau mày, nhìn kỹ cậu bé rồi kéo chân lại. Xong lẳng lặng trông vào cậu bé, đại úy đứng thẳng người, tay giơ lên mũ.

Cậu bé ngạc nhiên hỏi:

– Bẩm đại úy! Ngài làm gì thế ? Cái chào ấy để cho con sao?

Vị quân nhân đầu bạc kia, không quen nói ngọt với kẻ dưới bao giờ liền đáp bằng một giọng rất thân thuộc và nhẹ nhàng:

– Phải. Ta chỉ là một viên đại úy. Chứ con, con mới là một vị anh hùng!

Lòng ái quốc

Thứ tư, ngày 25

Đầu bài thi của con sáng nay là: "Tại sao anh yêu xứ sở của anh?" Con đã cảm động về chuyện

"Chú lính đánh trống" hôm trước, tất con đã làm bài một cách dễ dàng.

Tại sao anh yêu xứ sở của anh? Câu hỏi ấy chẳng làm nấy nở trong óc con biết bao nhiêu là câu trả lời hay sao? Tôi yêu xứ sở của tôi vì mẹ tôi sinh trưởng ở đấy; vì nguồn máu trong mạch của tôi đều là của người; vì trong khu đất thánh kia đã chôn vùi tất cả những người quá cố mà mẹ tôi thương, mà cha tôi trọng; vì cái đất mà tôi sinh, thứ tiếng tôi nói, quyển sách tôi học, các em tôi, chúng bạn tôi và một dân tộc lớn sống chung với tôi, cảnh đẹp của tạo hoá bao bọc chung quanh tôi, tóm lại tất cả những sự vật mà tôi trông thấy, tất cả những cái gì mà tôi yêu, tất cả những cái gì mà tôi quý, nhất nhất đều thuộc về xứ sở của tôi cả.

Bây giờ tôi còn bé, con chưa thể hiểu thấu được thế nào là lòng yêu nước. Rồi ra con sẽ biết. Khi con du lịch ở xa về, một buổi sáng, đứng dựa bao lơn tàu con thấy ở chân trời một dãy núi xanh của xứ con hiện ra, bấy giờ con sẽ thấy trào lệ cảm ở lòng con dâng lên và miệng con vuột ra những tiếng kêu mừng rỡ.

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước khi con ở nước ngoài chợt nghe thấy một người trong đám thợ thuyền nói tiếng nước con, theo lòng con xui giục tự nhiên con đến hỏi chuyện người thợ không quen ấy.

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước, khi con nghe thấy người ngoại quốc lăng mạ xứ sở con, lòng tức giận sẽ làm cho con nóng mặt.

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước mạnh mẽ và tôn đại hơn nữa, nếu một ngày kia, nước địch vô cớ giày xéo vào đất ta; lúc ấy con sẽ thấy nào cha hôn con khuyên câu "dũng cảm", nào mẹ tiễn con hẹn lúc "khải hoàn".

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước khi con trông thấy những đội quân vất vả trở về với những khúc ca chiến thắng.

Con sẽ cảm thấy tình yêu nước khi con trông thấy lá cờ ba sắc bị bắn tả tơi đi đầu một toán người nghĩa dũng, ai nấy đều phô cao trán buộc băng hay cái tay bị bó, trong đám đông dân chúng hoan hỉ, người ta ném hoa mừng và hô những lời chúc tụng.

Enricô ơi! Bây giờ con đã hiểu thế nào là lòng ái quốc. Đó là một điều rất to tát, rất thiêng liêng. Vì một ngày kia, ta trông thấy con về trận được an toàn, nhưng được tin con lẩn lút để tránh cái chết, thì cha đây thay vì đón con lúc đi học về bằng những tiếng cười vui vẻ, bấy giờ

cha sẽ đón con bằng những tiếng khóc xót xa. Cha sẽ không thể thương con được nữa và sẽ đâm tím mà thác cho rồi!

Cha con.

Bà mẹ anh Phoranti

Thứ bảy, ngày 23

Sáng nay, mẹ anh Phoranti thốt nhiên vào lớp, đầu tóc rối bù, tuyết rơi ướt cả. Bà kéo anh Phoranti vào, anh vắng mặt đã tám hôm nay.

Chúng tôi được xem một tấn bi kịch đã diễn ra. Người mẹ khốn khổ kia khúm núm đứng bên ông hiệu trưởng, chấp hai tay kêu xin:

– Thưa ngài, ngài hãy gia ơn cho con tôi vào học như cũ. Đã ba hôm nay, tôi phải giấu nó trong buồng vì cha nó biết chuyện sẽ giết chết nó. Xin ngài rủ lòng thương tôi, tôi không biết làm thế nào, tôi van ngài.

Ông hiệu trưởng tìm cách bảo bà ta ra, nhưng bà ta cứ vật nài, vừa khóc vừa xin:

Nếu ngài hiểu thấu những nỗi ưu phiền mà con tôi đã gieo cho tôi thì ngài không nỡ chối từ... Xin ngài làm phúc cho! Tôi mong sau này cháu sẽ đổi tâm tính. Thưa ngài, tôi cũng không còn sống được mấy hồi nữa, lòng tôi đã khô héo rồi! Tôi muốn được trông thấy con tôi sửa đổi tính nết trước khi tôi nhắm mắt, vì – nói đến đây bà nức nở khóc – tôi thương con tôi lắm. Thưa ngài, xin ngài rộng thương cho cháu vào học, để tránh một mối khổ tâm cho người mẹ đau khổ lắm rồi!

Nói xong, bà bùng mặt sụt sùi khóc. Phoranti cúi đầu, nét mặt thản nhiên.

Ông hiệu trưởng nhìn anh, ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo:

– Phoranti, cho về chỗ ngồi!

Bà liền lau nước mắt, chạy lại cảm ơn ông hiệu trưởng và nói:

– Thưa ngài, ngài đã làm một việc nhân đức...Tôi không bao giờ dám quên ơn.

Bà quay lại bảo con:

– Con ơi, từ nay con phải ăn ở cho ngoan ngoãn để khỏi phiền lòng thầy và phụ lòng mẹ.

Rồi nói với học trò cùng ông hiệu trưởng:

– Tôi đã làm mất thì giờ, xin các cậu bằng lòng vậy. Chào các cậu!...Và một lần nữa xin ngài tha lỗi cho một người mẹ khốn khổ!

Nói xong, bà đi ra, người rớt xuống, sắc nhợt nhạt. Khi bà xuống thềm chúng tôi còn nghe thấy tiếng bà ho rũ.

Cả lớp im lặng. Ông hiệu trưởng trông thẳng mặt Phoranti và bảo một câu chúng tôi nghe rất xúc động:

– Phoranti! Mày giết mẹ mày đấy!

THÁNG HAI

*

Chiếc xe hoả máy

Thứ hai, ngày mồng 6

Hôm qua anh Prêcôtxi và anh Garônê lại nhà tôi chơi. Các anh đã được tiếp đãi rất ân cần. Anh

Garônê đến nhà tôi là lần thứ nhất vì anh hơi gàn, không muốn để cho ai biết rằng mình đã lớn mà còn học lớp ba. Nghe chuông báo, chúng tôi chạy ngay ra cổng đón các anh. Mẹ tôi xoa đầu anh Prêcôtxi; cha tôi giới thiệu anh Garônê với mẹ tôi rằng:

– Em này học khá, tâm địa lại tốt lắm. Anh Garônê cúi cái đầu to húi trọc và mỉm cười với tôi.

Prêcôtxi mới được thưởng bội tinh. Anh sung sướng quá chừng. Cha anh đã đi làm và dăm hôm nay không thấy say rượu nữa. Ông đổi hẳn tính nết và lúc nào cũng muốn con ở trong xưởng với mình.

Chúng tôi bắt đầu chơi. Khi tôi giở những đồ chơi của tôi ra, thấy có cái xe hoả con bằng sắt chạy được anh Prêcôtxi thích quá. Có lẽ chưa được trông thấy thứ đồ chơi ấy bao giờ, nên anh ngắm nghía cái đầu máy và các toa sơn đỏ, sơn vàng. Tôi đưa chìa khoá cho anh vặn, anh quỳ xuống thềm chơi và không ngẩng đầu lên nữa. Tôi chưa hề thấy anh được tươi tỉnh như thế bao giờ! Anh nói luôn miệng:

– Nhờ anh tí! Tôi nhờ anh tí!

Và lấy tay gạt chúng tôi ra để lối cho xe chạy. Anh nương nhẹ cái xe như là một vật bằng thuỷ tinh, và không dám thở mạnh sợ làm mờ nước sơn. Rồi anh lau chùi, anh ngắm nghía lòng xe, đáy xe và cười một mình. Trông thân hình anh gầy gò và quần áo anh lướt thướt, tôi động lòng thương anh quá.

– Ta cho quách anh ấy cái xe.

Tôi nghĩ thế và định xin phép cha tôi. Bỗng tôi thấy một mẫu giấy nhét vào tay tôi. Tôi nhìn thấy chữ cha tôi viết bằng bút chì:

"Xem y Prêcôtxi thích cái xe của con lắm. Nó không có đồ chơi. VẬY lòng con có nghĩ gì không?" Tức thì tôi nắm lấy cái xe hoả, cầm đưa cho Prêcôtxi và nói:

– Anh cầm lấy. Của anh đấy.

Anh không hiểu, nhìn tôi. Tôi nhắc lại:

– Của anh đấy. Tôi biếu anh đấy!

Anh sững sốt nhìn cha mẹ tôi và hỏi tôi:

– Nhưng, sao anh lại cho ?

Cha tôi đỡ lời:

– Enricô cho em vì em là bạn thân, vì Enricô yêu em... và để mừng tấm bội tinh của em!

Prêcôtxi hỏi một cách thật thà:

– Thưa ông, con có thể mang về nhà được ?

– Được lắm, em ạ!

Anh Garônê liền gói chiếc xe vào mùi soa giúp anh.

Mẹ tôi cho mỗi anh một gói kẹo và gài khuy áo cho anh Garônê một túm hoa nhỏ để đem về tặng mẹ anh.

Một kẻ tù phạm

Thứ hai, ngày 13

Sáng qua, tôi theo cha tôi ra ngoài châu thành, thăm một khu biệt trang cha tôi định thuê để nghỉ mát trong vụ hè tới. Người giữ chìa khoá nhà này trước làm giáo dục. Ông đưa chúng tôi đi xem khắp nơi rồi mời chúng tôi vào phòng giải khát.

Trên bàn, gần cốc chúng tôi có một cái lọ mực bằng gỗ hình chóp nón, chạm trổ rất kỳ quái. Thấy cha tôi ngắm mãi lọ mực, ông giáo bảo cha tôi:

– Đây là một kỷ niệm rất quý báu của tôi. Nếu ngài biết rõ gốc tích, ngài cũng phải cho là

hiếm có.

Cha tôi bảo:

– Ông làm ơn kể lại cho tôi nghe.

Ông liền thuật lại như sau:

Cách đây mấy năm, khi ông còn làm việc ở Torinô ông phải cử vào đề lao dạy tù suốt một mùa đông. Ở đây có một phòng cao hình tròn, chung quanh tường trở nhiều cửa sổ vuông rào sắt. Sau mỗi cửa sổ là một buồng giam. Giáo sư đi đi lại lại trong phòng để giảng bài; các tù phạm ngồi sau cửa sổ thì vờ vào song sắt biên chép, để lộ trong bóng tối những khuôn mặt gầy gò thiếu não những chòm râu phờ rớt và lốm đốm hoa râm, những con mắt tráo trưng của những quân ăn cắp và giết người.

Trong bọn, có một người đeo số 78 là chăm chú hơn cả. Hắn thích học và nhìn thầy bằng đôi mắt đầy vẻ kính trọng và biết ơn. Hắn còn trẻ, tóc rậm, râu đen, trước kia làm thợ mộc, trong lúc cãi nhau đã vớ chiếc bào ném vào đầu chủ chết tươi. Vì thế hắn bị 6 năm tội đồ.

Trong vòng ba tháng, hắn đã biết đọc, biết viết. Hắn chăm đọc sách lắm, hắn càng học được bao nhiêu thì hình như hắn càng sửa mình và tỏ ý hối hận về việc đã làm.

Một hôm, lúc gần hết giờ, hắn ra hiệu mời giáo sư lại gần cửa sổ và buồn rầu báo cho giáo sư biết hôm sau hắn sẽ phải đổi đi đề lao thành Vê-nê-zu-a. Sau mấy lời từ biệt cảm động, hắn xin giáo sư cho phép hắn sờ tay...Giáo sư chìa tay, hắn nâng lấy vừa hôn vừa nói "Cảm ơn thầy" rồi chạy mất. Khi giáo sư rút tay ra thì thấy bàn tay đầm nước mắt.

Từ đó, giáo sư không nhìn thấy người học trò ấy nữa.

Giáo sư nói tiếp:

– Sáu năm qua. Tôi mãi làm ăn và cũng không rời công nghệ đến người tù khổ khổ ấy. Bỗng sáng nay, có một người lạ mặt, quần áo rách rưới, chòm râu lốm đốm, đến hỏi tôi:

– Chính ngài là thầy giáo...

Tôi hỏi lại:

– Bác là ai ?

Người lạ mặt đáp:

– Tôi là tên tù số 78, người mà thầy đã dạy cách đây 6 năm và sau bài cuối cùng, thầy đã vui lòng giao tay cho tôi... Nay hết hạn tù, tôi đến kính biểu thầy vật mọn này chính tay tôi làm trong khi ở nhà lao... Thưa thầy, gọi là một chút để tỏ lòng nhớ ơn, xin thầy nhận cho!

Tôi đứng im, người khách khốn khổ kia tưởng tôi từ chối, hẳn liền nhìn tôi một cách tha thiết, như ngụ ý hỏi:

– Sáu năm đau khổ chưa đủ chuộc được danh dự sao ?

Thương tình người "học trò lao tù" cũ, tôi nhận vật này.

Giáo sư cho chúng tôi xem lọ mực. Người tù đã dùng đầu cây đinh để trở và đã dụng tâm lắm mới được thế! Tôi nhìn thấy hình "cái bút nằm chèo trên quyển vở" và những chữ này: "Kính tặng giáo sư của tôi. – Kỷ niệm của tên 78 – Sáu năm."

Dưới cùng có hàng chữ nhỏ: "Học hành và hy vọng." Kể xong, giáo sư cũng không giữ chúng tôi nữa và để chúng tôi về.

Đi đường, óc tôi chỉ vẫn vướng nghĩ đến người tù nấp sau phen sắt, đến lời hẳn từ biệt thầy giáo và đến cái lọ mực chạm tỉ mỉ trong đề lao, cái công trình này đã gọi ra cho tôi biết bao nhiêu là truyện... Đêm nằm tôi cứ mơ đến và sáng hôm sau tôi vẫn còn tưởng đến. Nào tôi có ngờ đâu một câu chuyện ngẫu nhiên nó đợi sẵn tôi ở ngoài trường! Khi làm xong bài Toán pháp, tôi kể chuyện người tù và tả lại cái lọ mực gỗ cùng những câu ghi khắc vào đó cho anh Êrôtxi nghe. Anh giật nảy mình rồi lần lượt nhìn anh Crôtxi và tôi.

Anh Crôtxi, con bà bán hoa quả rong, ngồi ghế trên, lúc ấy đang mãi làm tính.

Êrôtxi nắm chặt cánh tay tôi và bảo nhỏ:

– Suyt! Sáng nay Crôtxi khoe với tôi rằng cha anh mới ở Mỹ Châu về, có cái lọ mực gỗ, hình chóp nón, ngoài khắc vở và bút... Đúng cái lọ mực anh vừa nói rồi!... Sáu năm lại hợp với thời gian mà cha anh đi vắng, đi sang Mỹ anh thường nói thế. – Thì ra ông ta đã ngồi tù! – Hồi Toà kết án, anh Crôtxi còn bé không biết, nên mẹ anh cố ý giấu chuyện ấy. Vậy ta không nên đả

động việc ấy nữa và phải trọng sự không biết của anh.

Làm khán hộ cho cha

(Truyện đọc hàng tháng)

Một buổi sáng về tháng Ba, giữa cơn mưa gió, một cậu bé nhà quê, quần áo ướt át và đầy bùn, tay xách gói đồ, đến bệnh viện thành Napoli và đưa cho người gác cổng phong thư.

Cha cậu làm thợ ở Pháp về, khi tàu tới bến bỗng thụ bệnh phải vào nhà thương, chỉ kịp viết mấy chữ về nhà. Được tin, mẹ cậu buồn rầu khôn xiết! Trong nhà, mẹ già thì tàn tật, con trẻ thì thơ ngây, bà không sao đi được, đành sai cậu là con cả đi thăm và cho vài xu để uống nước. Cậu phải đi bộ 10 cây số.

Nhìn qua lá thư, người gác cổng nhờ một viên y tá đưa cậu đến phòng cha cậu.

Viên y tá hỏi:

– Cha em là ai ?

Cậu nói tên cha.

Viên y tá không nhớ tên ấy và hỏi:

– Có phải ông thợ già ở ngoại quốc mới về không ?

Cậu đáp:

– "Thợ" thì phải, nhưng không "già". Cha tôi mới ở Pháp về.

– Cha em vào đây được bao lâu ?

Cậu bé xem lại thư đáp:

– Độ năm hôm nay.

Viên y tá nghĩ một lát rồi sực nhớ ra:

– À phải rồi! Tôi nhớ ra rồi ở buồng thứ tư, giường trong cùng...

Cậu theo lên tầng gác thứ nhì, qua hành lang vào phòng ngủ thấy hai dãy giường dài. Đến cuối phòng, viên y tá đứng lại vén màn trở vào giường bảo:

– Cha em đây.

Cậu vút gói quần áo, tru lên khóc. Cậu gục đầu vào vai bệnh nhân và nắm chặt lấy cánh tay, song bệnh nhân không nhúc nhích.

Cậu đứng dậy nhìn cha rồi lại khóc. Bệnh nhân hé mắt nhìn cậu hình như hơi nhận ra – nhưng không nói được. Cha cậu chóng già quá. Cậu khó thể nhận ra. Tóc bạc, râu xồm xoàm. Mặt sưng húp, da căng bóng, mắt bé, môi to, thân hình coi rất thiếu nảo! Cậu chỉ nhận được cái trán cao và đôi lông mày đen đen của cha thôi. Bệnh nhân thở ì ạch. Cậu gọi:

– Cha ơi! Con đây! Con là Phransexcô đây! Cha không nhận ra con sao ? Con ở quê ra, mẹ sai lên thăm, cha không nói gì à ?

Bệnh nhân nhìn kỹ cậu, rồi mắt lại nhắm nghiền.

Đến giờ bác sĩ đi khám, cậu hỏi:

– Thưa bác sĩ, cha con mắc bệnh gì ?

Bác sĩ vỗ vai cậu, đáp:

– Con cứ yên tâm, cha con bị chứng đần độc. Bệnh tuy nặng song ta không thất vọng. Con cố trông nom cho cha con. Nhìn thấy con ở đây, cha con sẽ đỡ được đôi phần.

Cậu thất vọng nói:

– Nhưng cha con không biết gì.

– Rồi cha con sẽ biết. Con hãy vững lòng.

Thế rồi, cậu bắt đầu làm người khán hộ cho cha. Cậu luôn tay làm những việc lật vạt, lúc kéo chăn, khi đuổi ruồi, lúc sờ trán, khi cầm tay cha. Mỗi khi bà phước đưa thuốc đến thì cậu đỡ lấy và cho bệnh nhân uống.

Đêm đến, cậu ngủ trên hai cái ghế ghép liền nhau; ban ngày cậu lại làm việc bốn phận.

Bốn ngày qua. Bệnh cha cậu khi thăng khi giảm, không nhất định.

Sáng ngày thứ năm, bệnh tình bỗng sinh nguy kịch. Lúc ấy, độ 4 giờ chiều, cậu đang lo lắng âu sầu, chợt nghe bên ngoài có tiếng giày đi và tiếng người đàn ông nói:

– Kính chào bà, chúng tôi xin về.

Nghe tiếng người ấy, cậu rùng mình từ đầu đến chân và đứng thẳng dậy như bị máy giật.

Người ấy đi trước bà phước, qua buồng cậu, tay xách túi đồ. Khi trông thấy người ấy, bỗng cậu bé rú lên một tiếng và đứng ngay như tượng.

Người ấy quay lại nhìn cậu rồi cũng kêu to: – Kia! Phransexcô!

Cậu bé chạy lại ôm choàng lấy cha. Mọi người thấy thế đều lấy làm lạ.

Cậu xúc động quá không nói nên lời. Sau khi nhìn bệnh nhân, cha cậu hôn cậu và hỏi:

– Không hiểu sao người ta lại dẫn con đến giường người khác! Mà cha thì đỏ mắt mong con vì mẹ con viết thư nói đã sai con ra đây. Thương hại cho con quá! Con ở đây được mấy hôm rồi ? Sao lại nhầm được đến như thế nhỉ ? Thôi, nhờ giới cha đã lành mạnh, nay cha xin ra. Vậy con sắp sửa để cùng về...

Cậu bé đáp:

– Cha khỏi rồi! Con sung sướng quá! Nhưng con không thể bỏ ông già mà con đã săn sóc từ mấy hôm nay. Kia! Cha coi ông ta đang nhìn con hình như muốn gọi con. Con không đành lòng bỏ ông ấy. Hôm nay, ông ấy trở bệnh. Con xin phép cha cho con về sau...

Viên y sinh đứng đó khen:

– Cậu em thật giàu lòng từ thiện!

Cha tôi hỏi viên y sinh:

– Thưa ngài, bệnh nhân là ai thế ?

Viên y sinh đáp:

– Ông ta cũng làm thợ như ông và ở ngoại quốc về, ông ta vào đây cùng ngày với ông. Người ta chở vào đây thì ông ta đã mệt và cấm khẩu rồi. Ông ta chắc cũng có gia đình ở xa và có con... Ông ta tưởng cậu em là người nhà ông ta chẳng ?

Lúc ấy, bệnh nhân cứ nhìn theo cậu Phransexcô. Người cha bảo:

– Vậy, con cứ ở đây.

Viên y sinh nói:

– Cậu sẽ chẳng phải ở đây lâu đâu!

Người cha nhắc lại:

– Con cứ ở đây. Cha rất vui lòng thấy con là một đứa trẻ có lòng nhân ái. Cha về báo tin cho nhà biết, kéo lại nóng lòng mong đợi.

Cha cậu hôn cậu rồi ra.

Chiều hôm sau, bác sĩ vào thăm và tuyên bố bệnh nhân khó lòng qua được đến mai. Cậu thức suốt đêm ấy để nâng giắc bệnh nhân. 5 giờ sáng, bà phước vào coi qua bệnh nhân rồi chạy ra. Lát sau, bác sĩ đến, xem mạch rồi nói:

– Ông già gần chết!

Cậu Phransexcô dân dấn nước mắt, cầm tay ông già. Ông già bừng mắt nhìn cậu rồi lại nhắm nghiền. Cậu cảm thấy trong phút lâm chung, ông già đã cố đem hết sức tàn nắn tay cậu, bắt tay cậu...

Lát sau, bác sĩ lại vào, cúi nghe bệnh nhân lần nữa rồi ngẩng lên. Cậu hỏi:

– Thừa ngài, ông ấy đã "đi" chưa ?

Bác sĩ đáp:

– Thôi, con về! Việc phúc của con đến đây là trọn. Con hãy sung sướng đi vì con đáng được sung sướng!

Bà phước rút năm hoa tươi trong bình bên cửa sổ, đưa cho cậu và bảo:

– Ta chả có gì cho em cả. Em cầm lấy bó hoa này gọi là chút kỷ niệm của nhà thương.

Cậu, một tay đỡ lấy bó hoa, một tay lau nước mắt, nói:

– Cảm ơn bà, nhà con xa quá, đem về đến nơi thì héo cả. Con xin mượn bó hoa này để viếng ông già khốn khổ!...

Nói xong, cậu ngắt những bông hoa rắc lên thi hài người bất hạnh.

Đoạn, cậu chào bà phước và bác sĩ, xách gói quần áo trở ra.

Lúc ấy, vầng đông đã rạng.

Chú hề con

Thứ hai, ngày 20

Hội giả trang gần mãn, thành phố rất tưng bừng rộn rịp. Trên những khu đất công, chỗ nào cũng thấy dựng những rạp xiếc rong và những vòng đua ngựa gỗ. Ngay cửa sổ nhà tôi trông ra, có một rạp xiếc của người Vêneua. Họ có 6 con ngựa. Rạp dựng giữa bãi, một góc để ba xe ngựa lớn là nơi các tài tử ngủ hay đóng bộ để ra trò và ba cái nhà lán, hai bên có cửa sổ, trên nóc có

ống hơi lúc nào cũng nhả khói xanh. Nhìn qua cửa sổ thấy phơi la liệt những quần áo của trẻ con vắt trên dây. Một người đàn bà vừa nuôi con thơ, vừa làm bếp, vừa nhảy dây. Thực là một khổ cảnh đáng thương! "Trò rong"! Người ta thường nói hai tiếng ấy bằng giọng khinh bỉ. Nhưng thực ra họ đã kiếm ăn một cách thật thà, họ đã chịu mọi sự lao khổ để làm vui cho kẻ khác. Trời rét thế, suốt ngày họ chạy từ rạp về xe và chỉ vận phong phanh một chiếc áo đan màu hồng. Họ ăn đứng trong những giờ nghỉ, ít khi được ngồi và ăn uống thung dung. Đôi khi rạp đã đầy người, bão nổi, lều bay, đèn tắt, thế là buổi diễn đi đời.

Phường xiếc này có hai đứa trẻ giúp việc. Đứa bé nhất là con của chủ rạp, độ 8 tuổi, coi rất đẹp trai, mặt tròn, da xạm, mớ tóc đen toả xuống dưới vành mũ nhọn.

Lúc ra trò, hắn vận một thứ bao màu xanh, hai tay viền đen, chân đi giày vải coi rất ngộ. Hắn có biệt tài đi ngựa!

Hôm nào cũng thế, sáng sớm chúng tôi đã thấy nó đầu trùm khăn vuông đi mua sữa về và dắt ngựa ở chuồng ra. Xong, nó bế em đi chơi, hoặc xếp dọn vòng, dây, ghế, bức chắn, hoặc rửa xe, dóm bếp; trừ một vài phút nghỉ ngơi, còn bao giờ nó cũng ngồi bên cạnh mẹ.

Một tối kia, chúng tôi sang xem xiếc. Trời rét quá! Rạp vắng tanh. Chú hề bé con vẫn hết sức trổ tài để cho dùm khán giả kia khỏi chán nản. Chú nhảy lộn trên lưng ngựa, bám đuôi ngựa chạy, đứng bằng hai tay, chân ngược lên trời. Rồi chú hát, chú cười. Bộ mặt xạm nâu của chú đã đoạt được lòng yêu của công chúng.

Cha chú thì mặc áo đỏ, quần cụt trắng, đi giày ống, tay cầm roi ra lệnh, nét mặt buồn thiu.

Thấy tình cảnh ấy, cha tôi động mỗi thương tâm. Hôm sau, có hoạ sĩ Đêlix lại chơi, cha tôi nói chuyện:

– Những người ấy làm được lấy chết mà kiếm chẳng được mấy đồng tiền! Thương hại thay thằng bé con kháu và ngoan quá! Ta có thể giúp đỡ họ được việc gì không?

Hoạ sĩ ngỏ một ý kiến rất hay:

– Bác là nhà báo, viết cho họ một câu trong tờ "Tân văn". Bác kể lại những đức tính tốt và tài nghệ của đứa bé. Còn tôi, tôi sẽ vẽ hình nó ở đây, ai ai cũng đọc báo "Tân văn", chắc sẽ được đông người đến xem.

Nói xong, thi hành ngay. Cha tôi đăng một bài rất hứng thú, nhắc lại những điều chúng tôi đã thấy qua cửa sổ, khiến ai nghe cũng muốn vuốt ve cậu tài tử bé xon. Ông Êdêlix phác hoạ hình cậu bé rất giống và có duyên. Báo lên khuôn ngay chiều thứ bảy. Thế rồi, buổi biểu diễn tối chủ nhật, công chúng kéo nhau đi xem đông như nước chảy. Người ta nêu trong báo là "Cuộc diễn làm phúc cho chú hề tí hon!".

Cha tôi đưa tôi vào ngồi hạng nhất. Tờ "Tân văn" in hình cậu bé dán ngay ở cửa vào. Rạp đầy người, nhiều khán giả tay cầm tờ báo, chỉ cho nhau đâu là cậu tài tử; còn cậu bé thì hết chạy đến chỗ người này, lại chạy sang ghế người khác, hớn hở vô cùng! Ông chủ rạp hôm nay trông cũng "tươi" lắm, vì ông không ngờ được có cái vinh hạnh ấy và từ ngày đi diễn trò đến giờ, chưa từng có báo nào nhắc đến phường ông cả.

Cha tôi ngồi cạnh tôi. Trong hàng khán giả tôi nhận thấy nhiều người quen.

Cuộc diễn bắt đầu. Chú hề đi ngựa, lộn đu và leo dây, tuyệt hay! Hết mỗi trò lại một tràng pháo tay nổ khắp rạp.

Còn nhiều trò khác như leo dây, múa rối, đi cầu, đánh vòng, nhưng trò nào không có cậu bé là công chúng buồn.

Lúc gần tan tôi thấy ở cửa vào có người nói thầm với chủ rạp. Chủ rạp trông vào cử toạ như muốn tìm ai. Bỗng ông ta để ý đến chúng tôi. Cha tôi hiểu ngay là họ đã tìm ra ký giả bài báo hôm trước. Muốn miễn mọi sự cảm ơn, cha tôi khẽ bảo tôi:

– Enricô ơi! Con ngồi xem cho hết. Ta đợi con ở cổng.

Rồi lén ra trước.

Chú hề sau khi nói chuyện với cha lại chạy vào làm trò.

Đứng trên mình ngựa đang phi, cậu thay đổi quần áo bốn bận và lần lượt hiện ra: người du lịch, lính thuỷ, lính tập, người múa võ! Mỗi vòng đi qua cậu lại liếc mắt nhìn tôi.

Khi diễn xong, cậu xuống ngựa, ngửa mũ đi quanh vòng diễn. Ai nấy đều ném xu, ném kẹo cho cậu. Tôi cầm sẵn hai xu đợi, song khi đến chỗ tôi, cậu bỏ qua và giơ mũ cho người khác. Tôi bực quá! Sao hắn lại có cái cử chỉ vô lễ thế!

Mãn trò, chủ rạp thiết tha cảm ơn khán giả. Công chúng kéo ra. Tôi bị ép trong bọn, đang tìm lối ra, bỗng thấy có người kéo tay tôi. Tôi quay lại thì ra cậu hề, nét mặt tươi cười, tay cầm nắm kẹo. Tôi hiểu ý ngay.

Cậu bé nói:

– Cậu cầm lấy nắm kẹo của thằng hề ăn cho vui.

Tôi không từ chối và cầm ba, bốn chiếc.

Cậu bé nói tiếp:

– Cậu nhận cả cái hôn này nữa!

Tôi giờ má đáp:

– Cho tôi hai cái!

Cậu liền quệt tay trái lên mặt đầy phấn xong ôm cổ tôi hôn hai cái thật kêu và nói:

– Em gửi cậu một cái về cho ông!

Ngày cuối cùng hội Giả trang

Thứ ba, ngày 22

Hôm nay lúc xe "trá hình" đi qua chúng tôi đã mục kích một tấn kịch buồn, nhưng kết cục được vô sự. Nếu không, đã xảy ra một tai họa.

Nơi công trường "Thánh Thượng Tư" hôm nay trang hoàng rất rực rỡ, hai bên chặt ních những người đợi xem đám rước đi qua.

Nửa giờ sau, bỗng tiếng hò reo vang động một góc trời, người ta thấy một đoàn mặt nạ kéo đến, vừa đi vừa làm trò, coi rất ngộ nghĩnh, và không thể nhịn cười được. Kế đến những xe trá hình: xe nào cũng cắm cờ kết hoa và mỗi cái kết một hình: nào cối xay, tàu thủy, nào rạp hát, nhà lầu v.v.. Trên xe chứa nào hề, nào đầu bếp, nào lính thủy, nào kẻ chặn cừu. Thực là một cảnh tượng hỗn tạp làm rối mắt mọi người! Rồi thì kèn thổi, tù và rúc, thanh la khua, như xé màng tai. Các ông tài tử trên xe uống rượu, bát nghêu. Lắm lúc hết trò, các ông quay ra thét mắng những người xem và những kẻ tò mò ở trong cửa sổ lộ đầu ra. Bị chọc tức họ nhao nhao cãi lại. Đồng thời một trận mưa hoa và kẹo do người ta ném lẫn nhau, bay phơi phới, đám rước còn dài, xa trông chỉ thấy cờ bay phất phới, lông mũ lung lay và những đầu người lắc lư dưới những cái mũ nhọn khổng lồ.

Người ta có thể nói rằng: Đó là một đội người điên!

Đoàn xe đang diễu, tôi nhận thấy chiếc xe tứ mã rất trắng lẹ, lưng ngựa phủ vải thêu kim tuyến và chung những tràng hoa rất rực rỡ. Trên xe có 14, 15 người trá hình ngày xưa: đầu đội mũ tam giác, tóc giả chấm vai, mình mặc áo thêu, chỉ vàng lóng lánh, vai dính băng thủy ba, sườn đeo gươm sáng nhoáng. Họ đồng thanh hát một bài tiếng Pháp và ném kẹo cho công chúng; ai nấy đều vỗ tay hoan nghênh.

Chợt thấy bên tay trái chúng tôi có một người đàn ông giơ một đứa con gái 4,5 tuổi lên trời và chạy theo xe của các vị công hầu của vua Lui thứ 15. Con bé gào khóc giãy giụa. Một vị quý phái quay lại nhìn. Người đàn ông nói:

– Xin ngài làm phúc giữ lấy đứa bé này, nó lạc, không tìm thấy mẹ. Ngài ẵm nó trong tay, mẹ nó ở xa sẽ nhìn thấy. Không còn kể gì hơn nữa.

Vị quý phái liền bế lấy đứa bé, các ông bạn đồng hành thôi không gào hát nữa. Đứa bé khiếp quá, giãy đành đạch. Vị quý phái liền rút bỏ mặt nạ ra và cho xe đi thông thả.

Trong lúc ấy có một người đàn bà ở đầu phố chạy điên cuồng, rồi rít, miêng kêu:

– Con ơi! Con ơi! Con tôi lạc rồi! Người ta bắt con tôi rồi! Người ta xéo chết con tôi rồi!

Bà kêu gào như thế đã hơn một khắc đồng hồ mà vẫn không tìm thấy con.

Bỗng trên xe có tiếng nói to:

– Các ông, các bà tìm hộ xem mẹ nó ở đâu ?

Nghe tiếng, bà ta chạy sầm lại, kêu lên một tiếng vừa mừng, vừa bức và giờ hai tay run lẩy bẩy chực vỗ lấy con.

Xe dừng. Vị quý phái nói:

– Con bà đây!

Nói xong, vị quý phái hôn đứa bé và trao cho mẹ nó. Bà ta ôm chặt con vào lòng, mừng mừng tủi tủi... Vị quý phái kéo tay cô bé lại, rút chiếc nhẫn kim cương của mình đeo vào ngón tay tí hon cô bé và nói:

– Của hồi môn em bé đây!

Bà mẹ sống người trong khi công chúng vỗ tay khen.

Vị quý phái lại đeo mặt nạ vào, các bạn trên xe lại hát một bài bằng tiếng Pháp, chiếc xe tứ mã lại chuyển bánh trong đám công chúng hoan hô liên tục.

Những trẻ em mù

Thứ năm, ngày 24

Thầy giáo chúng tôi mệt, nên cụ giáo lớp bốn xuống dạy thay. Cụ đã dạy qua trường trẻ con mù. Cụ là bậc kỳ cựu nhất trong giáo giới ở đây, tóc trắng như bông. Cụ nói giỏi và biết nhiều. Thoạt vào lớp, cụ trông thấy một cậu học trò một mắt phải đắp bông. Cụ liền lại gần hỏi thăm và khuyên rằng:

– Con phải cẩn thận về đôi mắt lắm mới được!

Nhân dịp, Đêrôtxi hỏi cụ:

– Thưa cụ, có phải trước cụ đã dạy ở trường trẻ con mù không?

Cụ đáp:

– Phải, ta dạy đấy đến 5,6 năm.

Đêrôtxi nói khẽ:

– Thưa cụ, cụ cho chúng con nghe qua chuyện trường ấy.

Cụ vào bàn giấy ngồi. Côretti mau miệng nói:

– Thưa cụ, "trẻ mù", con biết rồi! Trường "trẻ mù" ở phố Nixơ ạ!

Cụ nói:

– Các con nói tiếng "mù" bằng giọng rẻ rúng cũng như các con nói đến những tiếng "ốm đau" hay "nghèo khó". Các con có hiểu rõ "mù" là thế nào không ? "Mù" nghĩa là suốt đời không nhìn thấy gì! Suốt đời không phân biệt ngày đêm không nhìn thấy vũ trụ, thấy mặt trời, thấy cha mẹ, thấy cảnh vật ở chung quanh mình và những đồ vật mình cầm đến! Suốt đời phải chìm đắm trong cõi tối tăm vô tận, khác nào như bị vùi sâu trong ruột quả đất!

Các con thử nhắm mắt lại và tưởng tượng nếu các con bị như thế trọn đời thì nỗi đau khổ của các con sẽ đến mức nào ? Ta quả quyết rằng các con sẽ cảm thấy một sự áp bức đau đớn, một sự khủng bố không chịu đựng được. Các con sẽ phải phát ra những tiếng kêu tuyệt vọng...

Thế nhưng...khi người ta bước chân vào trường "kẻ mù" lần thứ nhất, trong lúc giờ chơi, khi người ta nghe tiếng cười câu nói ồn ào, trông thấy kẻ lên gác, người xuống thang, kẻ qua hành lang, người vào phòng ngủ một cách tự nhiên và vững vàng thì không ai bảo đó là những kẻ không nhìn thấy ánh nắng mặt trời! Muốn hiểu họ một cách tường tận hơn, ta phải để tâm xét họ về mọi phương diện.

Đây là những kẻ thanh niên chừng 16, 18 tuổi khoẻ mạnh và mau mắn, họ đã cam chịu mệnh trời và tỏ vẻ dũng dũng, nhưng coi nét buồn trên mặt họ; ta có thể đoán trước khi ngậm đau, họ đã phải vật lộn với sự khổ thống thiết là dường nào?

Đây là những người hiền lành, sắc mặt xanh xao lộ vẻ nhần nhục âu sầu, khiến ta có thể tưởng tượng rằng đôi phen họ đã âm thầm rỏ lệ. Các con ơi! Các con nên biết rằng một phần đông trong những người xấu số ấy đã hỏng mắt trong một thời gian rất ngắn, cũng có người phải đeo bệnh lâu năm và chịu những giờ mổ cắt rất đau đớn rồi mới mù.

Đây là những người lọt lòng ra đã phải sa vào một cái đêm không bao giờ có buổi bình minh. Họ ra đời như là bước vào một cõi âm ti thăm thẳm mà ở đó họ không phân biệt được một hình, một sắc gì.

Các con thử tưởng tượng nếu họ so sánh đời tối đen của họ với đời của những người sáng thì họ khổ tâm đến thế nào! Chắc họ phải nghĩ rằng:

– Tại sao lại có sự chênh lệch ấy? Chúng ta có làm gì nên tội ?

Cụ giáo nói tiếp:

– Ta, ta đã ở lâu bên trẻ mù. Ta nghĩ đến một lớp toàn những con mắt nhắm và con người chết, rồi ta lại nhìn các con, ai nấy đều có đôi mắt long lanh như ngọc, lòng ta không thể im lặng, không bảo các con rằng: "Các con toàn là những người sung sướng!" "Các con hãy nghĩ đến: riêng một nước Italia ta có tới hai vạn sáu nghìn người mù. Hai vạn sáu nghìn! Các con đã nghe rõ chưa ?"

Cụ giáo nói dứt lời. Đêrôtxi đứng lên hỏi:

– Thưa cụ, có phải người mù có cái xúc giác linh lợi hơn người sáng không?

Cụ đáp:

– Phải đấy, tất cả những giác quan khác của người mù đều linh mẫn cả vì những giác quan ấy đã được rèn luyện hơn người thường để thay cho thị giác. Sáng dậy, một học sinh trong buồng ngủ hỏi bạn:

– Hôm nay trời có nắng không ?

Một người hoạt bát nhất trong bọn họ vận áo, ra giữa sân giơ tay khua khí trời xem có ấm không, xong chạy vào báo tin:

– Trời nắng.

Nghe tiếng nói của một người, họ có thể đoán được tầm vóc của người ấy. Ta xét đoán những người chung quanh bằng luồng mắt của họ, những người mù lại xét đoán theo tiếng nói. Họ nhớ giọng nói của người quen hàng bao nhiêu năm không quên. Trong phòng nếu có đông người, họ biết ngay, dù chỉ có một người nói còn những người khác ngồi im. Họ chỉ lấy tay sờ mà biết một chiếc thìa có sạch hay không ?

Những trẻ gái lại có tài phân biệt thứ len nhuộm với thứ len không. Khi xếp hàng đôi đi trong phố, những trẻ mù chỉ ngửi mà biết gần khắp các cửa hàng. Chúng cũng chơi đánh quay, nhờ tiếng vù vù, chúng biết của ai hơn kém và nhặt con quay của mình không sai.

Chúng cũng nhảy dây và nhảy cũng khéo như những trẻ sáng. Chúng hái hoa đồng thảo như người trông thấy.

Chúng may áo, dệt chiếu, đan thúng rất nhanh. Xúc giác là thị giác thứ hai của chúng, vì thế khi chúng được sờ, được nắn và đoán hình thể của các đồ vật thì chúng lấy làm thích lắm.

Anh Garôphi giơ tay lên xin phép hỏi:

– Thưa cụ, có phải người mù học tính nhanh hơn người sáng không ?

Cụ đáp:

– Phải đấy. Không những học tính, những trẻ mù còn học đọc nữa. Sách của chúng có những chữ nổi, chỉ đưa qua mấy ngón tay lên mặt chữ là chúng nhận được và đọc rất nhanh. Chúng cũng tập viết nữa. Chúng dùng những cái dùi thép nhấn trên những tờ giấy dày thành những nét chấm trũng. Những điểm ấy đọc theo bản tự mẫu riêng. Những chấm trũng ấy nổi sang mặt giấy bên kia thành chữ. Học trò viết xong chỉ phải lật trang giấy lấy tay sờ lên là đọc được những chữ đã viết.

Chúng có thể sờ chữ mà nhận được tự dạng của nhau. Chúng cũng làm bài thi và viết thư cho nhau. Chúng viết chữ số và làm tính theo lối nói trên, nhưng về khoa tính nhẩm thì chúng vẫn tiếp một cách lạ thường, ta không thể tưởng tượng được, đó cũng là vì chúng không đăng trí bởi những sự vật quanh mình như ta.

Không những thế, chúng lại còn thính tai nữa. Bốn năm người ngồi một ghế, không cần phải quay sang nhau, người thứ nhất có thể nói chuyện với người thứ ba, người thứ nhì nói với người thứ tư, bốn người đều nói cùng lúc và nói to cả, thế mà chúng nghe được không sót một câu nào.

Chúng chăm lo về các bài thi hơn các con và chúng yêu quý thầy giáo hơn các con nhiều. Chỉ nghe tiếng giày hay ngửi hơi là chúng nhận được các thầy giáo. Chỉ nghe giọng nói là chúng đoán được thầy vui hay buồn, khoẻ hay ốm. Được thầy vuốt ve hoặc vỗ về thì chúng sung sướng lắm: nhiều khi chúng nắm chặt lấy tay và cánh tay thầy để tỏ dấu biết ơn.

Những học trò mù thường yêu nhau lắm và ở với nhau rất trung thành vì tình hữu ái đã đem lại cho chúng bao nhiêu mối an ủi và xé bớt cho chúng bao nhiêu nỗi buồn.

Anh Vôtini hỏi:

– Thưa cụ, những học trò mù chơi âm nhạc có khá không ?

Cụ đáp:

– Chúng mê âm nhạc lắm. Âm nhạc có thể ví như bản mệnh và hạnh phúc của chúng. Những trẻ mù mới vào trường không bao giờ chán nghe người khác đánh đàn hay thổi sáo. Chúng học chóng lắm và đem hết tâm hồn vào nhạc nghệ. A! Giá mà các con nghe thấy tiếng đàn của trẻ mù, giá mà các con được trông thấy chúng mặt ngẩng, miệng cười đầy vẻ cảm đồng và khát khao, lắng nghe bạn đang rọi một tia sáng trong cõi tối tăm vô tận mà chúng phải đầy đoạ vào, lúc ấy con sẽ hiểu âm nhạc đối với chúng là một mối an ủi rất nhiệm màu.

Cấm chúng đọc sách hay cấm chúng chơi âm nhạc là một sự phạt rất nặng. Chúng sẽ đau đớn vô cùng, vì thế không ai có cái can đảm phạt chúng như thế. Tóm lại âm nhạc đối với con tim chúng cũng như ánh sáng đối với con mắt ta.

Đêrôtxi nói tiếp:

– Thưa cụ, người ngoài có thể vào xem trường trẻ mù được không ?

Cụ đáp:

– Sao lại không ? Hiện giờ các con còn bé, ta không muốn cho các con đi. Nhưng một mai, các con đến tuổi hiểu được nỗi thống khổ của kẻ mù, đến tuổi biết động lòng trắc ẩn vì mối thương tâm chính đáng, lúc đó các con sẽ nên đi.

Các con ơi! Thực là một cảnh tượng bi ai! Các con hãy trông kia là những trẻ ngồi trong cửa sổ nửa khép, nét mặt an tĩnh, thở hít khí lành, hình như chúng đang nhìn ra khoảng đồng ruộng non xanh mà ta ai nấy đều nom rõ... Nhưng khi ta nghĩ đến chúng không trông thấy và không bao giờ được trông thấy những phong cảnh ngoạn mục kia thì lòng ta se lại, khi ấy tựa hồ như ta là một kẻ đui mù!

Kẻ nào sinh ra mù sẵn thì nỗi khổ cũng giảm được đôi chút vì nó không biết những thứ nó thiếu thốn. Nhưng về phần những trẻ mới mù vài tháng nay, chúng còn ghi gới và hiểu nhớ những thứ mà chúng đã mất. Những trẻ này còn đau đớn gấp trăm lần hơn những trẻ nói trên, là vì mỗi ngày chúng thấy hình ảnh của những người thân yêu mờ dần trong trí óc. Một trẻ em, một lần đã thốt ra một câu ai nghe thấy cũng phải cảm động.

– Lạy trời cho tôi được mở mắt một phút thôi, để tôi nhận lại mặt mẹ tôi mà tôi quên mất

rồi!

Đã bao nhiêu người vào thăm trường này, lúc ra phải lau nước mắt. Khi từ biệt chúng, ta tưởng tạo hoá đã biệt đãi ta vì ta được hưởng cái đặc ân là được nhìn thấy mọi người, nhìn thấy nhà cửa, nhìn thấy trời đất! Hãy thương những trẻ mù.

Các con ơi! Hãy thương chúng là kẻ có mặt trời mà không được nhìn ánh sáng, có mẹ mà không rõ nét mặt mẹ mình!

THÁNG BA

*

Lớp học tối

Thứ năm, ngày mùng 2

Hôm qua, cha tôi dẫn tôi ra trường để xem lớp học tối. Khi chúng tôi đến thì đèn các lớp đều thấp sáng trung và học trò đang lục tục kéo đến.

Ông hiệu trưởng đang bức tức vì có người vừa ném đá vào vỡ mất miếng kính.

Người gác cổng chạy xô ra và bắt được một đứa trẻ, nó kêu khóc và cãi không phải mình.

Anh Xtandi, nhà ở trước cửa trường, thấy thế liền chạy sang và bảo người gác cổng:

– Không phải thằng bé này đâu. Chính thằng Phoranti nó ném, mắt tôi trông thấy. Nó dọa nếu mách nó sẽ đánh tôi, song tôi không sợ.

Người gác cổng buông ngay đứa bé kia và ông hiệu trưởng bảo cha tôi rằng mai ông sẽ thẳng tay đuổi Phoranti ra, không thể dung thứ được nữa.

Tôi chưa được xem lớp học tối bao giờ. Thực là một cảnh tượng rất hứng thú.

Trong trường có tới 200 người thợ đủ các hạng tuổi, từ trẻ con 12,13 tuổi cho đến những người lớn đã có râu, đi làm về, đến để học thêm, nào thợ mộc, nào thợ nề, nào thợ máy, nào thợ sơn, v.v... Trong bọn có cả mấy người lính pháo thủ do viên cai dẫn đến.

Cửa các lớp để ngỏ. Giờ học bắt đầu. Nhìn vẻ chăm chú của các "ông học trò" ngồi nghe giáo viên dẫn giảng, tôi rất lấy làm thán phục! Tôi thấy chỗ thì mấy người cầm vở lên bàn giấy hỏi nghĩa lại, chỗ thì 4,5 người thợ quây quần một giáo viên đang chấm bài. Thầy giáo trẻ nhất trường tôi mà, chúng tôi đặt tên là "Tiểu luật sư" cũng có mặt ở đấy. Tôi thấy thầy chìa quyển vở loang lổ những vết đỏ, vết xanh cho cậu học trò thợ nhuộm xem và cười...!

Trong bọn thợ học tối nay, cũng có nhiều người chưa kịp về ăn cơm nên trông có vẻ mệt nhọc.

Mấy cậu bán bánh vào học được nửa giờ thì gục xuống bàn ngủ. Giáo viên lại gần lấy đuôi bút lông ngỗng khê quệt vào má để đánh thức các cậu. Còn những người lớn thì chú ý lắm, mắt dăm dăm nhìn giáo viên cắt nghĩa: người ta có thể nghe được tiếng ruồi bay.

Tôi rất lấy làm đặc ý trông thấy những người lớn ngồi vào chỗ chúng tôi. Nếu chúng tôi bắt chước được như những người thợ ấy, ngồi im lặng học chăm chú thì thích biết dường nào!

Chỗ tôi ngồi là một người trẻ tuổi có râu ria, có lẽ là người thợ máy vì người ấy bị thương ở một ngón tay bên phải còn quấn bông; tuy nhiên, người ấy cũng cố viết nắn nót như các người khác!

Thực là một tấm gương nhẵn nại cho tôi.

Còn chỗ "chú phó nề" thì buồn cười quá! Tôi thấy cha chú ngồi. Ông phó người to lớn ngồi vào chỗ con thì hẹp quá, nên có vẻ "câu thúc" nhưng ông ta thích thế vì ông ta đã xin phép ngồi vào chỗ thân yêu ấy!

Cha tôi và tôi đứng ngoài xem cho đến lúc mãn giờ. Đó cũng là một bài học thực hành cho tôi, một bài học dạy về "ý tứ" về "cử chỉ" rất có ích lợi.

Ở cửa trường có nhiều bà ẵm con đến đón chồng. Thấy cha ra, đứa bé giơ tay theo, người cha bế lấy và hôn một cách rất yêu dấu. Còn bà vợ thì cầm đỡ sách vở cho chồng và giục:

– Nhanh lên! Cái ăn nguội cả!

Họ đi từng toán về nhà. Phố xá đông đúc và rộn rịp một lúc rồi lại yên lặng, vắng tanh. Tôi chỉ còn nhìn thấy bóng ông hiệu trưởng trường tôi đi lừ thừ ra về mệt nhọc.

Ông là người đến sớm nhất và cũng là người về sau nót. Ông hiệu trưởng đáng tôn quý ấy, thực là một người cúc cung tận tụy với nghề!

Trông gương học trò tối trước, sáng nay tôi cố ngồi im và hết sức chăm chú khiến ông Perbôni phải lấy làm lạ và để ý đến tôi.

Đám đánh nhau

Chủ nhật, ngày mồng 5

Phoranti bị đuổi rắp tâm trả thù Xtandi. Nó đứng đợi ở đầu phố, là lối Xtandi thường đón em học ở trường Nữ học Đôra Crôt-xa về, để gây chuyện. Xilvya, em tôi, thấy đám đánh nhau sợ hãi chạy một mạch về nhà không đợi tôi.

Việc xảy ra như sau này:

Phoranti đội mũ cát kết lệch che cả tai, rón rén theo sau Xtandi, tới nơi, nó liền cầm đuôi tóc em gái Xtandi giật thật mạnh để sinh sự. Cô bé bị kéo giật một cách bất ngờ ngã lăn ra đất. Xtandi quay lại thấy Phoranti, giận quá sấn lại đánh luôn, không sợ nó vừa to vừa khỏe hơn. Vì thế, Xtandi bị đánh trả rất đau. Trong phố lúc bấy giờ chỉ có toàn học trò con gái nhỏ không ai là người lớn để gỡ chúng ra.

Hai đứa trẻ đánh nhau kịch liệt, Xtandi đổ cả máu mũi, nhiều lần bị ngã, lại cố đứng dậy chống đỡ. Cuối cùng hai đứa vật lộn nhau trên mặt đất, Xtandi hết sức bình sinh vật ngửa được Phoranti ra và lấy đầu gối đè lên ngực. Một tiếng bên ngoài kêu:

– Chết chữa thẳng ngực khôn nạn nó rút dao!

Xtandì biết thế liền cắn mạnh vào cánh tay Phoranti làm cho con dao rơi ra.

Mọi người chạy lại gỡ và lôi chúng dậy. Bị công chúng xỉ vả, Phoranti chạy thẳng. Đứng giữa bãi chiến trường, Xtandì tuy mặt đầy máu, mắt sưng húp, nhưng thẳng trợn. Cô em đứng khóc bên cạnh. Mấy cô học trò nhặt hộ sách vở rơi tung toé trên hè. Xtandì thu thập sách vở bỏ cặp, lấy khăn chùi mặt rồi dắt em về.

Mọi người đều tấm tắc:

– Không sợ kẻ mạnh hơn mình, bênh vực cho em như thế, thực đáng khen thay!

Người tù số 78

Thứ tư, ngày mùng 8

Hôm qua tôi đã được mục kích một tấn kịch cảm động. Đã mấy hôm nay, mỗi khi bà hàng bán hoa quả đi qua là bà nhìn anh Đêrôtxi một cách rất yêu quý, vì tự khi anh Đêrôtxi khám phá ra câu chuyện "người tù số 78 với cái lọ mực gỗ", anh liền đem lòng thân yêu Crôtxi là con người tù nói trên và là một trẻ mắc bệnh bại tay. Anh giúp Crôtxi trong khi làm bài hoặc trả lời, anh cho Crôtxi giấy, bút và bút chì, tóm lại, anh coi Crôtxi như em để đền bù lại những nỗi đau khổ của người cha lao tù mà Crôtxi không biết.

Bà mẹ Crôtxi là một người rất thương con, nay thấy có cậu bé học trò đầu lớp để tâm dắt dúi con mình thì lòng bà cảm mộ vô cùng.

Bà cứ nhìn anh Đêrôtxi chòng chọc như muốn thổ lộ điều gì song không dám nói ra.

Mãi đến sáng qua, bà giữ anh Đêrôtxi ở gần cổng trường à nói rằng:

– Xin lỗi cậu, cậu là một người rất tốt đối với con tôi. Không lấy gì tạ lòng cậu được, gọi là có chút quà này biếu cậu, xin cậu nhận cho.

Nói xong, bà rút trong thúng ra một hộp bọc giấy vàng.

Anh Êrôtxi đỏ mặt, lắc đầu từ chối:

– Bà để dành cho anh Crôtxi, tôi không dám nhận.

Bà hàng hoa quả có vẻ ngượng ngùng, xin lỗi:

– Xin cậu đừng giận. Đây là gói kẹo nhỏ biếu cậu thôi.

Nhưng Êrôtxi ra vẻ khó chịu quay mặt đi.

Bà kia rút rè bỏ củ cải trong thúng ra nói:

– Thôi, ít nhất cậu cũng nhận cho bó cải này, còn tươi nguyên, để đem về biếu bà...

Êrôtxi cười đáp:

– Cảm ơn bà! Tôi không muốn nhận gì cả. Tôi sẽ hết lòng đỡ anh Crôtxi mãi mãi và không bao giờ tôi lại nhận một vật gì bà cho, cảm ơn bà!

Bà kia có ý ân hận, hỏi:

– Tôi làm cậu méch lòng sao?

Anh mỉm cười đáp:

– Thưa bà, không phải thế.

Rồi anh đi. Bà Crôtxi lẩm bẩm:

– Thực là một tấm lòng vàng! Tôi chưa từng thấy một trò em nào lại giỏi giang và đứng đắn như cậu này!

Ai cũng tưởng thế là thôi; nhưng đến chiều, vào khoảng 4 giờ, đang lo gặp bà hàng quả thì Êrôtxi lại phải chạm trán cha anh Crôtxi đã đợi sẵn ở cổng trường nét mặt buồn rầu tự lự.

Ông ta giữ Đêrôtxi lại, thái độ luống cuống hình như ông ta biết Đêrôtxi hiểu rõ chuyện bí mật của mình. Ông nói bằng giọng âu yếm:

– Cậu yêu em Crôtxi lắm. Tôi không rõ tại sao cậu lại đem lòng thương em ?

Đêrôtxi mặt đỏ như gấc, lòng anh như muốn bảo rằng:

– Tôi yêu anh Crôtxi vì anh ấy khổ sở, vì chính ông, ông cũng là người khổ sở hơn là kẻ tội nhân, vì ông đã chuộc tội rồi, vì ông còn chút lương tâm...

Nhưng cổ anh nghẹn ngào vì anh không đủ can đảm phát ra câu nói.

Thực ra, anh cảm thấy một sự hãi hùng, một sự ghê tởm đối với một kẻ sát nhân, một kẻ đã ngồi 6 năm tù!

Nhưng dù anh chẳng nói ra kẻ tội nhân kia cũng đoán được cả. Hắn lại gần anh, giọng run run, hắn nói nhỏ bên tai anh:

– Cậu yêu em, nhưng cậu không ghét, không khinh cha em chứ ?

Đêrôtxi vội trả lời:

– Không. Không bao giờ có thể!

Kẻ tội nhân hai tay chực ôm lấy Đêrôtxi, nhưng lại dụt lại, đành lấy tay vuốt ve món tóc đỏ của anh rồi dần dần nước mắt, tự để hai ngón tay lên môi "hôn gửi" cho anh. Rồi hai cha con dắt nhau về.

Trước ngày 14 tháng Ba

Thứ hai, ngày 13

Hôm nay, ngày 13 tháng Ba, trường tôi có vẻ rộn rịp, vì mai là ngày phát phần thưởng cho các học trò tại nhà hát Vittôriô, một ngày hội lớn nhất trong năm học. Năm nay những trẻ em cử lên sân khấu trình danh sách học sinh được phần thưởng cho các quan chức phải lựa chọn kỹ càng.

Sáng nay, ông hiệu trưởng vào lớp bảo chúng tôi:

– Ta báo cho các con biết một tin mừng!

Rồi ông gọi:

– Côrasi đâu ?

Cậu bé xứ Calabrya đứng dậy.

– Mai con có muốn cầm sổ tên học sinh được thưởng trình các nhà chức trách ở nhà hát không ?

Cậu bé xứ Calabrya thưa "có".

Ông hiệu trưởng nói:

– Tốt lắm! Thế là ta sẽ có một đại biểu của xứ Calabrya, Thành phố năm nay muốn rằng: 10 hay 12 trò em đệ danh sách và phần thưởng cho các quan chức phải là người thuộc các tỉnh khác nhau trong nước Italia và chọn trong các trường công ở thành phố Tôrinô. Ở đây, ta có 20 trường chính, 5 trường phụ với 7 nghìn học sinh. Như thế, sự lựa chọn cũng không khó gì.

Trường Torquatô Tatxô đã tìm được hai đại biểu ở đảo: một là dân Xardênha, một là dân Xixilya. Trường Buôncompanhi cho cậu La Mã, mấy trường nữa đã tìm được những cậu ở Vênêzya, ở Lôngbardya, ở Rômanha. Trường Mônvizô trình cậu người Napôli là con một sĩ quan; còn trường ta cử một cậu thành Giê nô va và một cậu xứ Calabrya. Như thế kể cũng hay đấy chứ ? Nghĩa là toàn thể anh em ở tất cả các tỉnh trong nước Italia đến đưa phần thưởng. Khi các cậu đại biểu lên sân khấu trình diện, các con phải chú ý và phải hoan hô. Tuy là trẻ con thực, nhưng chúng thay mặt cho cả quê hương chúng thì khác gì người lớn. Một cái băng tam tài nhỏ kia có phải là biểu hiệu của nước Italia cũng như lá cờ lớn không? Các con hãy tiếp rước các bạn đại biểu cho nồng nức để tỏ rằng cái trái tim mười tuổi, trái tim non nớt của các con

cũng biết phần khởi trước hình ảnh thiêng liêng của tổ quốc!

Nói xong, ông hiệu trưởng ra, thầy giáo chúng tôi mỉm cười nói thêm:

– Côrasi nhớ chưa ? Con sẽ là ông nghị viên của xứ Calabrya đấy!

Chúng tôi đều vỗ tay reo cười. Khi ra phố, chúng tôi xúm lại kẻ ôm chân, người kiệu Côrasi lên vai và hò reo khác nào như người ta hoan nghênh một tướng quân thắng trận. Có anh hô:

– Hoan nghênh ông nghị xứ Calabrya!

Đó là họ đùa chứ không phải là chế giễu. Họ mừng cho anh Côrasi cũng đáng vì anh là một người bạn ai cũng ưa, anh bị kiệu và lôi kéo ra đến đầu phố thì chạm phải một ông mày rậm, râu đen, ông này thấy thế đang đứng cười.

– Cha tôi đấy!

Thấy anh Côrasi nói vậy, chúng bạn liền ôm anh trao cho cha anh đỡ lấy rồi giải tán mỗi người một nơi.

Lễ phát phần thưởng

Thứ ba, ngày 14 tháng Ba

Khoảng hai giờ chiều, nhà hát lớn chật ních những người. Các ghế hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, ghế hai bên và trên diễn đàn đều có người ngồi cả. Trong rạp có tới vài nghìn người: nào các cô, các cậu, các bà, các ông, nào giáo sư, nào thợ thuyền. Nhìn xuống sân rạp người ta trông thấy một lớp đầu và tay chuyển động, một làn sóng lông mũ dập dờn, một làn dải mũ, tóc tơ phát phới và những tiếng rì rào vui vẻ khiến lòng ta hớn hở vô cùng.

Trong rạp treo những tràng hoa kết theo sắc cờ rất rực rỡ. Ở chỗ dàn nhạc người ta đã đặt

thêm hai bậc lên xuống: bên phải là lối học sinh được thưởng lên đàn, bên trái là lối xuống. Trên sân khấu, người ta đặt một dãy ghế bành nệm nhung, trên lưng ghế giữa có treo một vòng hoa nguyệt quế. Bên cạnh là một cái bàn phủ thảm xanh, trên bày la liệt sách vở buộc bằng những dải tam tài đẹp để quá khiến các cậu học trò nhìn bằng đôi mắt thèm muốn.

Phường nhạc vẫn ở chỗ ngày thường, nghĩa là đối diện với sân khấu. Các thầy giáo, các cô giáo đứng chật chỗ đầu hành lang là nơi đã dành sẵn. Sau phường nhạc có hơn trăm cậu bé ngồi trên những chiếc ghế dài giúp việc hát, mỗi cậu cầm một bài hát trong tay. Các giám thị đi đi lại lại quanh phòng để giữ trật tự và xếp học trò. Ở dãy cuối cùng, mấy bà đang nắn nót mũ, áo cho con.

Đúng hai giờ, âm nhạc bắt đầu. Đồng thời, người ta trông thấy ông thị trưởng, ông quận trưởng, ông đốc học và nhiều vị khác vận lễ phục màu thâm lên đàn, ngồi vào những ghế đỏ. Khi các tân khách yên vị và phường nhạc dứt bài thì một nhạc sư, tay cầm dũa nhịp đứng dậy ra hiệu cho các cậu bé hát. Các cậu đứng lên đồng thanh hát một bài rất là hùng tráng. Cử tọa đều lắng nghe và ra chiều cảm động. Hát hết bài, công chúng vỗ tay nhiệt liệt.

Cuộc phát phần thưởng bắt đầu. Thầy giáo cũ tôi, ở lớp hai, tóc đỏ mắt sáng, bước lên sân khấu giữ việc đọc danh sách các học sinh trúng giải. Người ta nóng lòng đợi xem 12 cậu giữ việc dâng sách cho các quan khách. Các báo đều đăng tin 12 người ấy sẽ là 12 cậu quê quán ở khắp các tỉnh nước Italia.

Chợt người ta thấy đoàn đại biểu xếp hàng đi đến và nhanh nhẹn bước lên sân khấu, rồi 12 cậu đại biểu đứng quay mặt ra, cậu nào cũng tươi tỉnh, nhưng hơi có vẻ ngượng nghịu. Cử tọa, chừng 3 nghìn người đều đứng cả dậy, tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô nổi lên như sấm. Các cậu bé càng bối rối.

Tôi nhận ra ngay anh Côrasi, đại biểu xứ Calabrya, mặc y phục đen như mọi ngày. Một ông Hội viên thành phố ngồi cạnh chúng tôi, quen mặt mấy cậu đại biểu khác bèn chỉ dẫn cho mẹ tôi nghe:

– Cậu bé tóc đỏ kia là đại biểu thành phố Venêzya, cậu lớn tóc quăn kia là đại biểu thành La Mã. Còn cậu bé nhất quãng cái băng xanh là đại biểu thành Phirenzê.

Trong bọn 12 cậu, có hai, ba cậu ăn mặc sang trọng, còn những cậu khác tuy là con nhà thợ thuyền nhưng cũng ăn vận sạch sẽ và chỉnh tề.

Các cậu xếp hàng một và điếu qua ông thị trưởng, một giáo sư đứng cạnh xướng danh; nghe mỗi tên thì ông thị trưởng lại hôn một cậu:

– Phirenzê, Napoli, Bôlônha, Palermô...

Mỗi cậu đi qua trên đài, quan khách lại vỗ tay một loạt. Các cậu đại biểu điếu xong ra đứng cả lên bên cạnh bàn sách. Thầy giáo bắt đầu xướng tên trường, tên lớp và tên các cậu được thưởng. Các cậu lần lượt lên sân khấu, coi rất đẹp mắt.

Một bài âm nhạc êm ái dịu dàng ở trong buồng trò phát ra, nghe tựa như những tiếng âu yếm của các bà mẹ, các thầy giáo và các cô giáo đang rủ rỉ khuyên lơn, khích lệ con em.

Những cậu được thưởng lần lượt lại chỗ các quan trưởng và các vị thân hào để lĩnh thưởng, mỗi lần trao sách, các ngài đều nói với các cậu một câu âu yếm hoặc xoa đầu tỏ ý thân yêu. Mỗi khi thấy những cậu còn bé mà được phần thưởng to hay những cậu nghèo mà chiếm phần thưởng danh dự hay những cậu bé quá lên đàn cuống quít không biết đi đâu hoặc vướng chân vào mép thảm bị ngã, thì công chúng lại vỗ tay và cười reo rất vui vẻ!

Bây giờ đến lượt trường chúng tôi. Trước tiên tôi thấy gọi tên anh Côrasi. Hôm nay anh ăn mặc mới từ đầu đến chân, nét mặt nở nang, nụ cười tươi thắm để lộ đôi hàm răng trắng như ngà. Biết đâu sáng nay anh lại không vác củi đỡ cha mẹ. Ông thị trưởng vỗ vai anh hỏi tại sao trên trán anh lại có vết đỏ. Tôi đưa mắt nhìn cha và mẹ anh ngồi ở sân rạp thấy hai người bùng miệng cười. Thứ nhì là anh Đêrôtxi. Anh mặc bộ áo xanh thẫm, cúc kền sáng nhoáng, người mảnh dẻ, bộ thanh nhả trán cao, làn tóc đỏ toả xuống hai vai; coi anh xinh xắn quá chừng, ai trông thấy cũng phải yêu. Các vị đều nắm tay hỏi han. Kế thầy giáo gọi:

– Giulyoo Rôbetti!

Người ta thấy cậu con quan Ba pháo thủ chống nạng lên đàn. Người ta hỏi nhau và biết ngay nguyên nhân cái tai nạn đã xảy ra cho cậu, tức thì một tràng pháo tay nổ ran làm chuyển động cả rạp. Các ông thì đứng cả dậy, các bà thì vẩy mùi soa, nhao nhao cả rạp khiến cậu Rôbetti bối rối và cảm động run cả người đứng ỳ giữa sân khấu... Ông thị trưởng kéo cậu lại gần, hôn cậu, xong lấy vòng hoa nguyệt quế treo ở lưng ghế mắc vào đầu cái nạng cậu cầm ở trước ngực. Xong quan thị trưởng đưa cậu lại chỗ cha cậu ngồi ở hàng ghế thứ nhì, cha cậu liền đỡ cậu vào trong. Cử tọa đều vỗ tay khen ngợi.

Phường nhạc vẫn cử những bài êm ái du dương. Các học sinh vẫn kế tiếp lên đàn lĩnh thưởng. Đây là học trò trường Lacônxôlât, phần nhiều là con nhà buôn bán. Đây là học trò trường Vaukilya, con cái thợ thuyền. Nọ là trường Buôncompanhi, phần nhiều là con nhà làm ruộng. Cuối cùng là trường Ranhêri.

Phần thưởng phát xong, một trăm cậu học trò ở sân rạp lại đồng thanh hát nghe rất hùng hồn. Đoạn ông thị trưởng đọc một bài diễn văn ngắn. Ông đốc học nói tiếp:

– Các con ơi! Trước khi ở đây ra về, các con không được quên không để lời kính chào và lời cảm ơn những người đã chịu bao nỗi khó nhọc vì các con, những người đã hy sinh tất cả tâm trí cho các con, những người đã sống vì các con và sẽ chết vì các con, đó là những vị đang đứng ở bên cạnh các con đây!

Ông đốc vừa nói vừa chỉ sang chỗ các thầy giáo và các cô giáo đứng. Cảm động về lời hiệu triệu ấy, mấy nghìn đứa trẻ đứng lên một loạt và giơ tay về chỗ các giáo viên. Các thầy và các cô đều vỗ mũ, vỗ tay để trả lời và có vẻ bùi ngùi về sự biểu lộ chân tình của lũ con em.

Lòng cháu

(Truyện đọc hàng tháng)

Hôm ấy, nhà thẳng Pherucsiô lặng ngắt hơn ngày thường. Cha nó là chủ một hiệu tạp hoá nhỏ, ra Phorli cất hàng, mẹ nó cũng theo đi, nhân tiện để chữa mắt cho một đứa cháu gái, đến hôm sau sau hai người mới về được. Người vú già, cơm chiều xong cũng xin phép về thăm con. Vì thế ở nhà chỉ còn một bà cụ già liệt chân với đứa bé 13 tuổi, tên gọi Pherucsiô.

Nhà này nhỏ, thấp ở chơ vơ cạnh đường cái ra Phorli ly sở tỉnh Rômanh. Sau nhà có vườn trồng rau, xung quanh rào giậu. Cạnh nhà là một toà khách sạn cháy đổ đã hai tháng nay, bỏ không. Bốn mặt là những cánh đồng dâu, xa xa thấp thoáng mấy làng xóm cô tịch.

Đêm ấy, đồng hồ sắp điểm 12 giờ, bên ngoài trời tối như mực, mưa rơi tầm tã, gió thổi ào ào. Bà lão vẫn còn thức, ngồi tựa lưng trong cái ghế bành ở buồng ăn, là một gian bày lủng củng những bàn ghế cũ và chỉ cách vườn rau có một bức vách mỏng. Bà cụ có vẻ lo buồn và nóng ruột, mỗi tiếng động lại làm cho bà phải lắng tai.

– Cạch! cạch!

Có tiếng gõ cửa. Lần này đích thực là thằng Pherucsiô đi chơi về. Người ướt như chuột, đầu tóc rũ rượi vì mũ bị gió đánh bay xuống hố! Trán nó sưng vếu bằng quả ổi vì nó đi đánh nhau bị ném đá phải. Không những thế nó còn thua bạc nữa, trong túi có đồng nào hết sạch!

Ánh sáng ngọn đèn dầu tuy lù mù leo lắt, bà cụ cũng nhìn thấy vẻ tiều tụy của cháu. Bà hỏi chận mấy câu, hiểu ngay "ông cháu" đã đi đánh nhau và bị thua bạc. Biết không thể giấu được nữa, Pherucsiô liền thú mọi tội. Bà cụ vốn thương cháu nhất nhà nên nước mắt rơi.

– Cháu ơi! Thực là cháu chẳng thương bà, không thể sao cháu nhân lúc cha mẹ vắng nhà đi chơi bời lêu lổng như vậy? Để bà ro ró một mình ở nhà, cháu thực nhẫn tâm! Này Pherucsiô ơi! Ta bảo cháu đã sa vào con đường đen tối nó sẽ đưa cháu tới những chốn xấu xa như nhóp! Ta đã trông thấy nhiều đứa trẻ bắt đầu lêu lổng như cháu rồi sau thành ra những kẻ bất lương. Trước hết trốn nhà đi chơi, đánh nhau với bạn, ham mê cờ bạc rồi dần dần từ cái đấm đi đến lưỡi dao, từ cờ bạc đến việc làm xằng, từ việc làm xằng đến việc ăn cướp!

Pherucsiô tựa lưng vào tủ, cúi gằm mặt đứng nghe.

Bà cụ vừa khóc vừa nói tiếp:

– Từ chỗ cờ bạc đến chỗ ăn trộm, ăn cướp không xa đâu cháu ạ. Cháu không trông gương thằng Môzini ở vùng này là một thằng đầu trộm đuôi cướp, mới 24 tuổi đã hai lần ngồi tù. Mẹ nó, ta cũng quen. Bà ta buồn rầu về con rồi mất. Cha nó thất vọng cũng bỏ sang Thụy Sĩ. Ta biết nó từ khi nó hãy còn nhỏ. Thằng Môzini lúc đầu cũng lêu lổng như cháu, rồi mỗi ngày một hư đốn thêm. Nếu cháu không nghe bà thì sau này cha mẹ cháu cũng sẽ phải chịu một số phận như cha mẹ thằng Môzini, chứ chẳng không!

Pherucsiô đứng im. Thực ra nó cũng là một đứa trẻ cũng có chút lương tâm, chỉ phải cái tính bướng bỉnh và khó bảo.

Thấy Pherucsiô đứng im bà cụ lại nói:

– Cháu ơi, cháu không có một câu gì để hối hận à ? Cháu thử trông kỹ thân hình bà xem có còn sống được bao lâu nữa ? Cháu không nên nhần tâm làm cho người sinh ra mẹ cháu đã quá già yếu, suy nhược, đang nằm kề miệng lỗ, còn phải đau lòng, còn phải rơi lệ! Ngày còn bé sao cháu yêu bà, quý bà thế ? Đến bây giờ bà già yếu không đi lại được là lúc cần có cháu để an ủi thì cháu lại...

Nghe đến đây Pherucsiô cảm động quá toan chạy lại với bà, bỗng có tiếng sột soạt ở ngoài vườn, nó dừng lại lắng tai.

Trời mưa nặng hạt.

Cửa vườn lại có tiếng động, lần này bà cụ nghe thấy, giật mình hỏi cháu:

Pherucsiô nói khẽ:

– Thưa bà, mưa!

Bà cụ lau nước mắt nói tiếp:

– Cháu hãy hứa với bà: từ nay về sau, cháu sẽ không làm cho bà phải đau lòng nữa!

Bỗng cửa vườn lại có tiếng kẹt! Bà cụ xám ngắt kêu:

– Cháu ra xem. Không phải trời mưa...

Song bà lại bảo:

– Nhưng thôi, cháu cứ đứng đây.

Rồi bà cầm tay Pherucsiô kéo lại cạnh bà.

Cả hai bà cháu đều nín thở. Chỉ thấy tiếng mưa ào ào.

Một lát sau, hai bà cháu đều phát run lên vì có tiếng người đi ở gian bên cạnh.

Pherucsi ô cất giọng run run hỏi:

– Ai đấy ?

Không tiếng trả lời.

Pherucsi ô mặt tái mét, hỏi dồn:

– Ai đấy ? Ai đấy ?

Vừa hỏi xong, thì hai bà cháu đều rú lên một tiếng: Có hai người đàn ông nhảy vào trong buồng!

Một người sấn lại, một tay nắm chặt lấy Pherucsi ô, một tay bịt miệng nó; còn người kia thì chạy lại bóp cổ bà già.

Người thứ nhất nói:

– Muốn sống thì im mồm!

Người thứ hai giơ dao và kêu:

– Suyt!

Cả hai người đều đeo mặt nạ đen, người thứ nhất hỏi khẽ Pherucsi ô:

– Tiền bạc bố mày để đâu ?

Pherucsi ô, hai hàm răng lập cập thưa:

– Ở đằng kia....trong tủ.

Người kia bảo:

– Mày theo tao!

Rồi lôi nó lại trước tủ giúi nó xuống đất, lấy hai chân kẹp lấy cổ, còn một tay cầm đèn lồng, một tay cạy tủ.

Vớ vét xong, chúng dọa hai bà cháu nếu kêu cứu, chúng sẽ lộn lại "sử" cả hai.

Chợt có tiếng người đi và hát ở ngoài đường cái. Tên trộm thứ hai vung mặt ra ngoài mạnh

quá làm rơi mặt nạ.

Bà lão kêu to:

– Môzini!

Tên trộm thét lớn:

– Đồ khốn nạn! Không thể để mày được!

Nói xong, giơ dao thẳng cánh đâm bà lão!

Đồng thời, Pherucsi ô chạy ôm choàng lấy bà để chặn mũi dao.

Hai tên trộm đập tắt đèn tẩu thoát, Pherucsi ô bỏ bà ra và thụt xuống đất, hai chân quỳ, đầu gục vào lòng bà.

Bà lão hoàn hồn gọi cháu:

– Pherucsi ô ơi!

Cháu đáp:

– Bà ơi!

– Chúng đi cả rồi chứ!

– Vâng.

– Chúng không giết bà.

– Vâng.

– Chúng không giết bà.

– Không... bà thoát nạn. Chúng chỉ lấy tiền thôi. Nhưng cha cháu đã mang gần hết số tiền đi cất hàng, chả còn gì!

Bà cụ thở một hơi dài như trút một gánh nặng.

Pherucsi ô vẫn quỳ và ôm lấy bà, thở hổn hển nói:

– Bà ơi! Bà yêu quý của cháu ơi! Bà vẫn yêu cháu chứ?...Thế mà, cháu cứ làm phiền lòng bà...

– Không, cháu đừng nói thế, bà không nghĩ đến chuyện ấy nữa, bà quên cả rồi, bà yêu cháu bà vô cùng!

Bằng giọng run run, cậu bé gắng sức nói tiếp:

– Cháu cứ làm phiền lòng bà, nhưng... bao giờ cháu cũng yêu bà trên tất cả mọi người. Bà có tha thứ cho cháu không? Tha cho cháu, bà ạ!

– Ừ, bà tha lỗi cho cháu. Bà hết lòng tha lỗi cho cháu. Cháu chưa tin à ? Cháu yêu dấu của bà ơi! Cháu hãy đứng dậy. Bà không mắng cháu nữa đâu! Cháu giỏi lắm! Đi thắp đèn đi... Cố lên! Đứng dậy, Pherucsi ô ơi!

Cậu bé đáp, giọng yếu dần:

– Cám ơn bà. Bây giờ cháu yên lòng lắm. Bà ơi! Bà có nhớ cháu bà không ? Bà không bao giờ quên cháu Pherucsi ô của bà chứ ?

Thấy cháu nói vậy, bà cụ thất kinh vỗ vai cháu gọi:

– Pherucsi ô ơi!

Và cúi xuống nhìn mặt cháu.

Cậu bé nói thì thảo trong hơi thở:

– Bà nhớ cháu nhá! Cháu nhờ bà hôn mẹ cháu...cha cháu...em Luygina...Lạy bà...bà ơi!

Bà cụ kinh ngạc lay đầu cháu và kêu:

– Pherucsi ô ơi! Cháu làm sao thế ? Trời ơi! Không biết làm sao cháu tôi lại thế này ? Tôi nghiệp cháu tôi! Ai cứu cháu tôi với... Tỉnh dậy, cháu ơi!

Nhưng Pherucsi ô không trả lời. Cậu bé anh hùng ấy, bị lưỡi dao đâm suốt lưng, máu ra lênh láng vừa thở hơi cuối cùng, trong lòng rất sung sướng vì đã cứu bà thoát chết!

Chú phó nề trong phút hiểm nghèo

Thứ bảy, ngày 18

Bệnh tình "chú phó nề" mấy hôm nay có phần trầm trọng. Thầy giáo bảo chúng tôi lại thăm. Garônê, Đêrôtxi và tôi, ba người rủ nhau đi. Chúng tôi có hỏi thử cậu quý phái Nôbix, quả nhiên cậu chối từ một cách lạnh nhạt. Cả đến anh Vôtini cũng thoái thác nữa, có lẽ anh sợ đến đấy, với sẽ giây bẩn bộ quần áo mới của anh chăng ?

Tan học chiều, chúng tôi lại thăm anh Antônô tức "chú phó nề" mà chúng tôi thường gọi đùa. Trời mưa như trút! Garônê đứng dừng ở giữa phố, lắc mấy đồng xu trong túi bảo chúng tôi:

– Các anh định mua gì cho Antônô ?

Đêrôtxi và tôi liền bỏ thêm tiền mua được 3 quả cam lớn. Chúng tôi leo cầu thang đến "rầm thượng". Đến cửa nhà anh Antônô, Đêrôtxi liền tháo bộ tinh bỏ túi. Tôi hỏi anh:

– Sao lại tháo ra?

Anh đáp:

– Cất mẽ đây, vào người không, có lẽ tiện hơn.

Chúng tôi gõ cửa, cha anh Antônô ra mở, người cao lớn, nét mặt đầy vẻ lo lắng buồn rầu.

Ông hỏi:

– Các cậu là ai?

Garônê đáp:

– Chúng tôi là bạn cùng lớp với anh Antônio, chúng tôi lại thăm và biếu anh mấy quả cam.

Ông phó nề lắc đầu đáp:

– Tội nghiệp cho em! Không chắc em còn ăn được quà của các cậu cho nữa không!

Nói xong, ông lấy tay áo gạt nước mắt rồi dẫn chúng tôi vào chỗ anh Antônio nằm. Mẹ anh đang quỳ và gục đầu bên cạnh giường không biết chúng tôi vào.

Trên tường treo mấy cái bàn chải, một cái cốc và một cái sàng để sàng vôi. Ở góc nhà có cái thùng sắt và mấy cái bay.

Anh Antônio sao mà còm và xanh thố ? Anh nằm đờ và thở khò khè. Hai chân anh ử dưới cái áo ngoài của cha anh hãy còn loang lổ những vết vôi.

Ngày thường bạn tôi xinh thố, vui thố, bây giờ nom khác hẳn đi, biết đến bao giờ anh mới lại có trò "nhăn mồm thỏ" với chúng tôi ?

Garônê đặt một quả cam bên gối, cạnh mặt Antônio. Ngửi thấy hơi, anh quay lại cầm quả cam rồi lại bỏ rơi xuống và nhìn Garônê không chớp mắt.

Garônê lên tiếng:

– Tôi là Garônê đây! Anh có nhận ra không ?

Một nụ cười nhợt nhạt thoáng qua trên miệng, bệnh nhân cố đưa tay ra, Garônê đỡ lấy và đưa lên miệng hôn rồi nói:

– Anh Antônio ơi! Cố lên! Anh ạ. Mai kia anh khỏe, anh lại đi học với chúng tôi. Thầy giáo sẽ cho anh ngồi cạnh tôi. Anh có bằng lòng không ?

Cậu "phó nề" không nói gì.

Mẹ cậu bỗng dưng nức nở khóc:

– Antônio ơi! Nếu con có mệnh hệ nào thì mẹ cũng không sống được!

Ông chồng gặt đi nói:

– Thôi, im đi! Khóc mãi tôi đến phải điên mất.

Rồi ông quay lại bảo chúng tôi:

– Cảm ơn các cậu. Xin các cậu hãy trở về nhà, ở đây buồn lắm!

Antônô lại nhắm nghiền đôi mắt lại như người sắp chết.

Garônê nói:

– Thưa ông, có việc gì tôi xin làm giúp.

Ông đáp:

– Cảm ơn các cậu có lòng quý hoá... Chúng tôi không có việc gì cả.

Nói xong, ông đưa chúng tôi ra cửa. Nhưng xuống đến lưng chừng cầu thang chúng tôi nghe có tiếng gọi!

– Anh Garônê, anh Garônê ơi!

Chúng tôi vội lộn lên.

Ông phó hơi mừng, chạy ra bảo:

– Cậu Garônê! Cháu vừa gọi cậu. Đã ba hôm nay cháu không nói năng gì, thế mà vừa rồi cháu gọi được cậu hai lần: Thực là một triệu chứng hay!

Anh Garônê liền bảo chúng tôi:

– Các anh về trước. Tôi ở lại.

Nói xong, anh theo ông phó vào nhà.

Ra về, thấy mắt anh Đêrôtxi rỏ lệ, tôi hỏi:

– Anh thương Antônô lắm, phải không?... Anh ấy đã nói được, tất sẽ khỏi.

Đêrôtxi đáp:

– Tôi cũng tin thế, nên không nghĩ đến Antônio... Tôi đang nghĩ đến anh Garônê, anh ăn ở với bầu với bạn như thế thực đã chí tình, ai trông thấy cũng phải đem lòng quý mến.

THÁNG TƯ

*

Viện dục anh

Thứ ba, ngày mồng 4

Sáng qua cơm nước xong, tôi theo mẹ tôi lại viện dục anh (1) để nhờ bà Giám đốc trông nom giúp em gái anh Prêcôtxi. Tôi chưa được vào viện dục anh lần nào, hôm nay đến đây, tôi lấy làm thích lắm.

Viện này có tới 200 trẻ em vừa con trai con gái. Chúng tôi đến gặp giờ ăn của các em bé. Hai cái bàn dài bày giữa phòng, hai bên mép bàn đều đục những lỗ tròn, mỗi lỗ đựng một chiếc bát gỗ màu nâu đầy cơm và đậu, cạnh đặt cái thìa thiếc con.

Lúc chúng tôi bước vào, thấy hai ba em bé ngã và cứ nằm xoài ra đất cho đến lúc cô giáo đến đỡ dậy. Nhiều em vừa vào bàn ngoài thấy cơm tưởng phần của mình cầm luôn thìa xúc ăn, nhưng cô giáo vội kêu: "vào nữa đi!" chúng liền bỏ thìa, kéo nhau vào bàn trong.

Chúng bắt đầu ăn. Cảnh tượng vui mắt làm sao! Em này ăn bằng hai thìa, em kia ăn bốc; nhiều em nhặt từng hột đậu bỏ túi, trái lại cũng có em gói đậu vào đầu khăn ăn, lấy tay nghiền nát vút đi. Chỗ này, mấy em mãi nhìn ruồi bay quên cả ăn, chỗ kia, mấy em vừa ăn vừa ho: cơm bắn ra bàn như mưa.

Người ta sẽ bảo đó là một cái chuồng gà! nhưng dù sao, hai dãy dài gồm những trẻ em dung

mạo hồng hào với những mớ tóc đỏ buộc dài màu sắc sỡ đã bày ra một bức hoạ linh động và vui mắt vô cùng!

Một cô giáo hỏi:

– Đố các em biết: cây lúa mọc ở đâu ?

Chúng đồng thanh đáp như giọng đọc sách:

– Lúa – mọc – trong – ruộng

Tôi đoán câu này có lẽ ở trong một bài tập đọc.

Cô giáo lại bảo:

– Giơ tay lên!

Tức thì một loạt cánh tay xinh nhỏ với những cánh tay hồng, trắng như những con bướm bướm giơ lên.

Ăn xong đến giờ chơi. Các em đều chạy lại lấy giành đồ ăn treo ở tường và xách ra vườn. Chúng tản mác mỗi em một nơi để lấy thức ăn trong giành như bánh tây, kẹo, pho mát, trứng luộc, đồ luộc, đùi gà ra ăn tiệc nữa.

Trong nháy mắt, mặt vườn đã rắc đầy những mảnh bánh chẳng khác chi người ta vãi mồi để nhử chim. Chúng ăn bằng nhiều kiểu lạ lùng gặm, nhấm, la liếm, mút mát như những giống thỏ, chuột và mèo. Ba bốn em lấy que chòi chiếc trứng luộc như để tìm của bên trong, chúng làm rơi đến nửa chiếc xuống đất xong lại cúi xuống kiểm từng miếng một như tìm hạt ngọc, chẳng để sót tí nào.

Em nào có món gì ngon hoặc là thì hàng chục em khác đến vây quanh chung quanh, ra vẻ thèm thuồng. Một cậu bé có chiếc bánh ngọt, bạn đến xin, cậu chỉ giơ tay dánh đường cho mút. Mẹ tôi ra giữa vườn, xoa đầu em này rồi lại vuốt ve em kia. Các em khác đua nhau chạy lại vây lấy mẹ tôi, em nào cũng ngẩng mặt lên chực mẹ tôi hôn. Một cậu cho mẹ túi múi cam cắn giòn, cậu thứ nhì cho cái vỏ bánh, cô thứ ba biểu mẹ tôi một chiếc lá cây.

Trong sân, lúc ấy hết chỗ này đến chỗ kia có chuyện, cô giáo phải chạy đi chạy lại để xử kiện. Một cô bé chu lên khóc vì không tháo được nút khăn mùi xoa. Mấy cô nữa tranh nhau hai hột

táo, cào cấu nhau rồi kêu khóc rầm rĩ. Một cô bé trèo lên ghế ngã, bị ghế đè không sao đẩy ra được, khóc hét lên!

Lúc sắp về, mẹ tôi ôm ba, bốn em bé vào lòng, tức thì các em ở bốn phía, miệng còn dính kẹo hoặc nhót nhất nước cam, kéo lại muốn được mẹ tôi bế như các em kia; rồi em này nắm lấy mẹ tôi để xem nhẫn, em kia kéo dây để xem đồng hồ, em khác nhảy lên với bím tóc mẹ tôi.

Các cô giáo bảo mẹ tôi:

– Bà phải để ý, kéo chúng làm hỏng áo bà.

Nhưng mẹ tôi không lấy điều ấy làm quan trọng, cứ đùa với chúng và vuốt ve chúng như thường.

Lúc chúng tôi chào bà Giám đốc và các cô giáo để ra về, cả bọn đều chạy lại, tranh nhau đến trước, túm lấy mẹ tôi và đồng thanh kêu:

– Lạy bà ạ! (Cám ơn bà)

Sau cùng chúng tôi được ra thoát. Các em nhỏ còn xát mũi vào hàng rào sắt để nhìn theo. Chúng thò tay ra ngoài vẫy chào:

– Cám ơn bà ạ! Mai bà lại đến chơi nhé!

Qua bức giậu do những bàn tay đâm ra tua tủa như những đoá hoa hồng, mẹ tôi bắt tay suốt lượt. Ra ngoài phố, mẹ tôi rơm rớm nước mắt, có ý nhớ bầy trẻ vừa thăm, nhưng trong lòng thấy sung sướng như đi xem một đám hội về và bên tai vẫn còn văng nghe thấy tiếng riu riu:

– Mai bà lại đến chơi nhá! Cám ơn bà!

(1) Viện dục anh: nơi nuôi dưỡng trẻ em mồ côi.

Thầy học cũ của cha tôi

Thứ ba, ngày 11

Hôm kia, cơm trưa xong, cha tôi đang xem nhật báo bỗng kêu lên một tiếng ngạc nhiên rồi bảo chúng tôi:

– Ta cứ tưởng cụ mất đã hơn 20 năm nay rồi. Cụ Crôxetti là cụ giáo khai tâm cho ta ngày xưa hiện còn sống và đúng 80 tuổi. Ta vừa xem báo thấy tin cụ được thưởng "danh dự bội tinh" vì cụ đã tận tâm với chức vụ trên 60 năm. Cụ mới về hưu được 2 năm nay. Cụ ở thành Cônđôvê cách đây độ một giờ xe lửa, tức là quê bác làm vườn nhà ta ngày xưa ấy.

Cha tôi nói tiếp:

– Enricô ơi! Mai ta sẽ đi thăm cụ.

Rồi cả buổi chiều hôm ấy, cha tôi chỉ nói đến chuyện cụ giáo Crôxetti. Cái tên của thầy học "vỡ lòng" đã làm sống lại trong ký ức của cha tôi biết bao nhiêu là kỷ niệm về thuở thiếu thời, kỷ niệm của các bạn cũ và nhất là kỷ niệm của bà cụ thân sinh ra cha tôi.

Cha tôi kể lại rằng:

– Hình ảnh cụ giáo đáng tôn kính ấy vẫn còn in trong óc ta. Khi ta học cụ độ 40 tuổi. Cụ người nhỏ nhắn, lưng hơi gù, mắt sáng, không râu, tính hồn hậu và thương yêu học trò như con. Sinh trưởng ở một nhà nông. Cụ đã chịu bao nhiêu nỗi thiếu thốn và đã tốn bao nhiêu công phu mới thành được một vị giáo viên. Cha mẹ ta rất yêu mến cụ và đãi cụ như một người bạn thân trong nhà. Không hiểu sao quê ở Tôrinô cụ lại về nghỉ ở Cônđôvê? Gặp ta, chắc hẳn cụ quên rồi, nhưng không ngại, ta còn nhớ và nhận được cụ 40 năm! 40 năm qua rồi! Chóng thật!... Mai ta sẽ đi thăm cụ.

Hôm sau, độ 9 giờ, chúng tôi đã ra ga Xuxa. Cảnh xuân như vẽ. Chúng tôi qua những cánh đồng xanh, tốt và những bờ gậu đương hoa, mùi thơm ngào ngạt. Cha tôi có vẻ khoan khoái, vừa ngắm cảnh, vừa nói với tôi:

– Ngoài cha ta thì cụ giáo Crôxetti là người yêu ta hơn hết và đã làm ơn cho ta nhiều nhất.

Ta không bao giờ quên được những lời cụ khuyên và cả đến những câu cụ quở, mặc dầu những câu ấy có khi làm cho ta trở về phải phát khóc. Ta hãy còn nhìn rõ những lúc cụ vào lớp, cụ tựa gậy một góc, treo áo lên mắc rồi ngồi vào bàn: hôm nào cũng như hôm nào chẳng sai. Cụ là người điềm đạm, cẩn thận, chịu khó và hết lòng... buổi nào cụ cũng dạy đầy đủ và cẩn thận như buổi ban đầu.

Ta còn nhớ những lúc cụ gọi ta:

– Bôttin! Ngón tay trở quặp vào quần bút kia mà!

Xuống ga Cônđôvê, chúng tôi tìm nhà bác làm vườn cũ nhưng chỉ có người vợ ở nhà. Chị ta có cái cửa hàng nhỏ trong ngõ. Lúc chúng tôi đến thì chị đang bận trông con. Gặp chủ cũ, chị mừng rỡ quá kể chuyện rằng chồng chị sang thành Giê nô va làm thợ đã ba năm nay cũng sắp về và đứa con gái đầu lòng bị bệnh câm điếc đang cho học tại trường Câm điếc ở Tôrinô. Sau cùng chị chỉ giúp nhà cụ giáo Crôxetti mà ở làng này không một ai không biết.

Chúng tôi theo một con đường gồ ghề, hai bên giậu hoa đương nở, để đến nhà cụ.

Cha tôi không nói chuyện nữa vì mãi ngẫm nghĩ những truyện ngày xưa; thỉnh thoảng tôi lại thấy cha tôi mỉm cười hoặc lắc đầu thở dài.

Thình lình, cha tôi đứng dừng lại nói:

– Kia rồi! Đích thị là cụ rồi! May quá!

Quả nhiên ở đằng xa, một cụ già lưng còng, râu bạc, đầu đội mũ nỉ, tay chống gậy trúc, đang thủng thỉnh đi về phía chúng tôi.

Cha tôi bước rảo và nhắc lại:

– Chính cụ!

Khi chúng tôi đến gần cụ thì đứng dừng lại. Cụ cũng không bước nữa và ngẩng nhìn cha tôi. Cha tôi cất mũ hỏi:

– Xin cụ tha lỗi, có phải cụ là cụ giáo Crôxetti không?

Cụ già đáp:

– Sao ngài lại biết tôi? Vâng, chính tôi là Crôxetti.

Cha tôi cầm tay cụ và nói:

– Vậy xin cụ cho phép học trò cũ bắt tay cụ. Tôi ở Tôrinô về thăm cụ.

– Tôi hân hạnh quá! Vậy ông học tôi vào hồi nào ? Xin lỗi ông, ông cho tôi biết tên.

Cha tôi xưng danh và nói đã học cụ năm ấy năm nọ. Cụ cúi đầu nghĩ và nhắc đi nhắc lại tên cha tôi đến 3, 4 lần. Bỗng cụ sực nhớ ra, ngẩng lên hỏi:

– Anbertô Bottini có phải là con cụ kỹ sư Bôttini ở phố La Côxôlata không?

Cha tôi giơ hai tay ra, nói:

– Thừa cụ, phải đấy!

– Quý hoá quá!

Cụ vừa nói vừa ôm lấy cha tôi. Xong cụ nói tiếp:

– Mời ông về nhà tôi chơi.

Chúng tôi theo cụ về nhà. Một lát sau, chúng tôi đến một cái vườn rộng, trong có ngôi nhà hai gian. Cụ mở cửa gian đầu mời chúng tôi vào một cái buồng chung quanh quét vôi trắng. Góc phòng kê một cái sập trên có cái mền bọc vải kẻ xanh và trắng, bên cạnh là cái bàn giấy có ngăn chứa sách, giữa kê cái bàn con và 4 cái ghế tựa, trên tường treo một tấm bản đồ cũ: đó là tất cả đồ đạc trong phòng.

Chúng tôi ngồi. Cha tôi và cụ giáo nhìn nhau một lúc, không nói gì.

Trong phòng, nền lát gạch vuông, mặt trời rọi vào như một cái bàn cờ lớn. Cụ dăm dăm nhìn xuống nghĩ ngợi rồi hình như sực nhớ ra, cụ nói to:

– Anbertô! Thôi! Tôi nhớ ra rồi! Bà cụ thân sinh ra ông là người tử tế lắm. Năm đầu ông ngồi bàn nhất bên trái, cạnh cửa sổ.

Cụ nghĩ một lúc như để lục lại những ký ức năm xưa, xong cụ lại nói:

– Ngày xưa ông là một cậu bé lanh lợi lắm! Năm thứ nhì, ông bị chứng yết hầu suýt nguy, sau được lành mạnh, bà cụ lại đưa ông ra trường, người trông hầy còn còm gầy và đầu trùn một cái khăn vuông to tướng. Từ bấy đến nay, đã 40 năm rồi, phải không?... Nay ông lại có lòng tốt đến thăm thầy cũ thực là quý hoá! Mấy năm trước cũng có nhiều học trò cũ đến thăm tôi, kể là Linh mục, người làm Đại tá và nhiều người nữa đều có địa vị khá cả.

Cụ giáo nhân hỏi cha tôi nay làm nghề nghiệp gì, cha tôi đáp xong, cụ vui vẻ nói to:

– Một chức nghiệp tự do (Theo bài "Chú hề con" ông Anbertô là ký giả) có ích cho quốc dân! Tôi rất vui lòng.

Xong cụ bùi ngùi nói:

– Đã đến gần một năm nay, tôi không được tiếp ai cả. Có lẽ ông là người khách cuối cùng của tôi, ông ạ.

Cha tôi vội nói:

– Cụ đừng nói thế. Trông cụ còn khoẻ mạnh nhiều.

Giáo sư giơ bàn tay cho cha tôi xem và nói:

– Ông không trông thấy tay tôi run à? Đó là một triệu chứng dữ... Tôi bị chứng này đã ba năm, khi tôi còn đang dạy học. Trước tôi tưởng không can gì, sau bệnh ấy một ngày một tăng làm cho tay tôi không thể viết được nữa. Tôi phải xin nghỉ. Sau 60 năm vui trong cũi học, bỗng dưng phải từ biệt nhà trường từ biệt học trò và cả công việc, lòng tôi không khỏi đau đớn ngậm ngùi. Sau buổi học cuối cùng, tất cả học trò theo về nhà tôi và ăn mừng. Tuy nhiên tôi vẫn thấy buồn, vì tôi nghĩ thế là cái đời của tôi đã tàn. Năm ngoái bà giáo nhà tôi tạ thế, kể đến đứa con một cũng qua đời. Hiện giờ tôi chỉ còn hai đứa cháu gái thôi. Ruộng, vườn không có, tôi sống với một số lương hưu trí vài trăm lira, tằn tiện cũng đủ. Ngồi không thấy ngày dài quá. Cái thú tiêu khiển độc nhất của tôi là cái thú xem sách cũ, đọc học báo và các pho sách truyện mà người ta biếu tôi. Đằng kia... (Cụ trở vào ngăn sách trên bàn)...đằng kia đã xếp tất cả những kỷ niệm, những quá khứ của đời. Ngoài những tập ấy ra, tôi không còn có gì là của báu trên đời này nữa.

Ngủ một lúc, bỗng cụ vui vẻ bảo cha tôi:

– Ông Anbertô ơi! Ông có muốn tôi đem lại cho ông một sự ngạc nhiên không?

Nói xong, cụ chạy lại bàn viết, mở ngăn kéo ra, trong có vô số những buộc giấy bên ngoài đánh ghi cẩn thận.

Cụ bới tìm một lúc lấy một buộc tháo ra trở vài tờ rồi rút một mảnh giấy cũ ra cho cha tôi. Đó là một "bài luận" của cha tôi làm đã bốn mươi năm nay.

Trên đầu, tôi thấy mấy giòng chữ này:

"Anbertô Thứ hai, ngày 3 tháng 4 năm 1838

Luận

...."

Nhận ngay ra nét chữ nguệch ngoạc hồi còn nhỏ, cha tôi cầm đọc và mỉm cười. Đang xem, cha tôi bỗng dân dãn nước mắt. Tôi hỏi tại sao thì cha tôi ôm chặt tôi vào lòng và bảo:

– Con ơi! Con hãy xem trang này. Con nhìn kỹ những chữ L và T mà chính tay bà nội con đã dạm lại cho ngay ngắn, dòng cuối cùng, hoàn toàn do tay bà viết vì thuở ấy bà tập viết giống chữ ta để mỗi khi ta mệt hay buồn ngủ không làm hết bài thì bà lại làm nốt cho ta. Mẹ ta thực đã thương ta vô cùng!

Nói xong, cha tôi kính cẩn nâng trang giấy lên miệng hôn.

Cụ giáo trở vào các buộc giấy còn lại nói:

– Đó là những cuốn sổ tay của tôi. Mỗi năm tôi lấy một bài của mỗi người học trò cất đi, xếp thứ tự và đánh số. Đôi khi trở ra xem lại: chỗ này một câu, chỗ kia một câu thì muôn điều lại hiển hiện ra trong óc tôi và tựa hồ như sống lại cuộc đời dĩ vãng.

Ông Anbertô ơi! Từ ngày tôi đi dạy đến giờ, kể biết bao nhiêu học trò! Nhắm mắt lại, tôi nhìn thấy một đám đầu xanh của trăm nghìn đứa trẻ, lớp nọ kế tiếp lớp kia. Trong số ấy, biết đâu lại không có kẻ thành ra người thiên cổ rồi! Tôi nhớ dai nhất là những học trò tốt nhất và những học trò xấu nhất, những người đã làm cho tôi vui lòng và những người đã làm cho tôi buồn bực. Nhưng tôi bây giờ cũng như người đã sang bên kia thế giới rồi, tôi yêu tất cả, ai cũng

như ai.

Cha tôi mỉm cười hỏi cụ:

– Còn tôi, ngày xưa có nghịch lắm không? Thưa cụ!

– Về phần ông à! Không, ngày ấy tuy có nhỏ tuổi, nhưng ông đã tỏ ra một đứa trẻ đứng đắn và có nết. Tôi còn nhớ bà cụ nhà là người rất hiền hậu và yêu dấu ông vô cùng... Thế nào? Ông bỏ cả công việc để về thăm một nhà giáo thanh bần, tuổi tác ?

– Thưa cụ nhắc đến mẹ tôi, tôi lại nhớ đến buổi học đầu tiên của tôi. Mẹ tôi dẫn tôi đến trường. Hôm ấy là lần thứ nhất mà mẹ tôi phải dõng tôi trong hai tiếng đồng hồ và giao tôi trong tay người lạ. Đối với mẹ tôi, việc đi học coi như một việc ra đời, một bước đầu trong những kỳ ly biệt liên tiếp nhau sau này không thể tránh được và sẽ làm cho mẹ tôi thương nhớ. Xã hội sẽ lôi kéo con bà ra và không bao giờ giả lại nguyên vẹn. Vì thế, mẹ tôi rất cảm động, kêu xin với thầy để thầy chăm chú cho. Ra về, mẹ tôi còn nhìn qua khe cửa, mỉm cười với tôi, hai mắt long lanh giọt lệ. Cụ ra hiệu cho mẹ tôi về và có ý bảo mẹ tôi cứ yên tâm. Cái nét mặt khoan từ ấy, cái cử chỉ hoà nhã ấy, cái cảm tình thân ái ấy đã ghi sâu vào trong cõi lòng, khiến tôi không bao giờ quên được. Ngày nay, chính vì mối kỷ niệm ấy mà tôi phải dõng Tôrinô lại đây để thưa với cụ, sau một kỳ xa cách hơn 40 năm trời, rằng: "Cảm ơn thầy đã dạy dỗ con!"

Cụ không nói gì chỉ lấy bàn tay run vuốt ve đầu tôi và trán tôi.

Trong khi ấy, cha tôi đưa mắt nhìn bốn bức tường trơn, chiếc giường gỗ tạp, một miếng bánh tây để cạnh chai dầu ở bệ cửa sổ, rồi có vẻ nghĩ ngợi.

– Sau 60 năm tận tụy với nghề, phải chăng đó là tất cả những phần thưởng của thầy ?

Gặp người cũ, xem chừng cụ hài lòng lắm. Cụ nói chuyện về gia đình chúng tôi, về các cụ giáo đồng thời và những bạn học của cha tôi.

Cha tôi ngắt chuyện và ân cần mời cụ ra thành phố Cônđôvê xoi cơm hiệu với chúng tôi:

Cụ đáp:

– Cảm ơn ông, tôi không đi được.

Cha tôi liền cầm lấy hai tay cụ mời tha thiết. Cụ nói:

– Tay tôi run thế này, ăn làm sao được. Như thế sẽ là cái tội cho tôi và cho cả mọi người nữa.

Cha tôi nói:

– Thừa thầy, lúc ăn, con sẽ hầu thầy, không ngại.

Cụ bắt đắc dĩ phải nhận lời, vừa đóng cửa vừa nói:

– Ông Anbertô ơi! Hôm nay thực là một ngày vui vẻ cho tôi! Tôi quả quyết với ông rằng tôi sẽ ghi nhớ mãi cho đến khi tôi không còn sống nữa.

Cha tôi dắt cụ giáo theo đường cũ trở ra.

Đến hàng cơm thì vừa đúng 12 giờ. Chúng tôi vào bàn.

Cụ giáo ngồi giữa cha tôi và tôi. Tiệc ăn bắt đầu. Cụ giáo tay đã run lại bị xúc động nên không thể lấy được đồ ăn. Cha tôi cắt thịt, cắt bánh, và lấy muối bỏ vào đĩa cho cụ. Uống rượu, cụ phải dùng cả hai tay cầm cốc mà vẫn còn run, làm cho rượu đổ xuống áo gi lê. Cha tôi đứng dậy cầm khăn chực lau, cụ gạt ra, bảo:

– Không được. Tôi kiêng...

Rồi cụ cười và đọc một câu dài bằng tiếng La Tinh.

Cuối bữa, cụ nâng cốc, trình trọng nói:

– Ông Anbertô thân quý của tôi ơi! Tôi uống cốc này để chúc cho ông cho các cháu được mạnh giỏi và để tưởng niệm cụ nhà!

Cha tôi liền bắt tay cụ và nói:

– Thừa thầy, cảm ơn thầy, con cũng xin chúc thầy được trường thọ.

Ở cuối phòng, chủ tiệm và người nhà xúm xít đứng nhìn, hình như họ lấy làm sung sướng thấy vị giáo sư thân yêu của họ được ưu đãi.

Hai giờ, chúng ta ra ga. Cụ giáo tỏ ý muốn tiễn chân. Cha tôi lại khoác tay cụ, còn tôi thì dắt tay cụ và vác gậy cho cụ. Những khách qua đường đều đứng lại trông vì ở đây ai cũng biết cụ và

kính cụ như cha.

Qua một ngõ kia, nghe có tiếng trẻ con đánh vần và đọc sách.

Cụ đứng lại, nét mặt rầu rầu, bảo cha tôi:

– Ông Anbertô ơi! Tôi buồn quá! Nghe tiếng trẻ học, tôi lại nhớ đến trường cũ, nơi 60 năm ròn, tôi đã quen bén thứ âm nhạc bằng tiếng trẻ thơ ấy... Than ôi! Bây giờ tôi không có gia đình, tôi không có học trò nữa!

Cha tôi đáp:

– Thừa thầy, xin lỗi thầy, có lẽ thầy làm rồi! Thầy còn có biết bao nhiêu là học trò hiện ở rải rác trong cõi đời này! Chúng vẫn nhớ tới thầy cũng như con không bao giờ quên được thầy.

Cụ già buồn rầu nói:

– Không, không. Tôi không có trường học nữa. Tôi không có học trò nữa. Mà không có học trò thì tôi không có cái thú sống ở đời!

– Thầy đừng nói thế. Giáo trạch của thầy đã đầm thấm khắp nơi. Thầy đã hy sinh đời thầy một cách rất cao thượng.

Cụ giáo không nói gì, gục đầu vào vai cha tôi. Khi chúng tôi đến ga thì xe lửa sắp chạy. Cha tôi vội vàng hôn cụ và nói:

– Thôi! Chào thầy ở lại, con về.

Cụ nắm tay cha tôi ép vào ngực cụ, dần dần nước mắt nói:

– Thầy chào con và cảm ơn con.

Trước khi lên xe, cha tôi đỡ lấy cái gậy trúc của cụ đưa cái gậy cán bạc có khắc tên tắt của cha tôi cho cụ và nói:

– Xin thầy giữ lấy cái gậy này gọi là chút kỷ niệm của người học trò cũ.

Cụ không chịu nhận, nhưng cha tôi đã nhảy lên xe và quay ra nói:

– Kính thầy ở lại.

Cụ đáp:

– Con ơi đi đường thận trọng nhé! Ta cầu trời phù hộ cho con đã có lòng quý hoá đối với thầy cũ.

Cha tôi cảm động. Chào cụ lần nữa.

– Thôi! Lạy thầy! Con mong lại có ngày được gặp thầy!

Xe chuyển bánh chúng tôi trông thấy cụ lắc đầu như có ý bảo:

– Thầy trò ta, có lẽ không bao giờ gặp nhau nữa!

Cha tôi thấy vậy liền nói thêm:

– Xin thầy đừng ngại, thầy trò ta còn nhiều dịp gặp nhau.

Xe chạy, cụ giơ bàn tay run lên để chào và để trả lời.

Kỳ dưỡng bệnh

Thứ năm, ngày 20

Nào ai biết trước được rằng sau cuộc lữ hành vui vẻ kể trên, bỗng dưng tôi bị cầm giữ ở trong nhà mất mười hôm không trông thấy trời đất chi cả. Tôi vừa bị bệnh thoát chết! Mẹ tôi thất vọng, đã bùng mặt khóc, cha tôi nhìn tôi có vẻ xót thương, các em tôi không dám nói to. Thầy thuốc ngồi luôn bên cạnh tôi nói những câu gì tôi không nhớ. Tôi thực chỉ còn việc vĩnh quyết mọi người.

Ba, bốn hôm qua, tôi không nhớ rõ, chỉ biết tôi đã qua một giấc mộng tối tăm và lộn xộn.

Hình như cô giáo lớp đồng ấu có đến cạnh giường tôi, tay cầm mùi soa che miệng, nín ho. Tôi lại nhớ lảng máng rằng thầy giáo tôi đã cúi xuống hôn tôi, râu đâm vào cả vào má. Tôi lại trông thấy nhớn nhoe như ở trong đám sương mù: nào đầu đỏ của anh Crôtxi, nào tóc vàng của anh Êrôtxi, nào bộ áo thâm của cậu học trò xứ Calabrya. Sau cùng, anh Garônê đã đem cho tôi một quả quít còn cả lá rồi anh trốn thẳng vì mẹ anh ở nhà cũng ốm nặng. Như ngủ một giấc dài, hôm nay tôi đã tỉnh thức và biết rằng tôi đã thoát nguy vì tôi thấy cha mẹ tôi tươi cười, em Xilvya ca hát vang nhà.

Hôm nay tôi đã khá nhiều! Chú "phó nề" vừa đến thăm tôi. Chú đã làm tôi bật ra tiếng cười thứ nhất bằng cái "mồm thở" của chú nhả ra! Anh Côretti cũng đến, anh Garôphi cũng đến. Hôm qua, anh Prêcôtxi lại thăm gặp lúc tôi ngủ, anh sê hôn tay tôi rồi lui ra. Lúc dậy tôi thấy vết than đen in vào tay áo, tôi rất lấy làm sung sướng và biết ngay là Prêcôtxi đã đến thăm tôi.

Trong khoảng có mười hôm mà cây lá đã xanh tốt khác thường! Cha tôi bế tôi ra cửa sổ, nhìn thấy trẻ con cắp sách đi học, tôi thém quá!

Trong mấy hôm nữa, tôi cũng sẽ được đi học, sẽ được trông thấy thầy tôi, bạn tôi, lớp tôi, ghế tôi, thấy vườn và thấy phố. Tôi sẽ biết những sự đã xảy ra trong khi tôi ốm. Tôi sẽ lại được cầm đến sách, vở bỏ xó bấy lâu. Nghỉ học mới có mười hôm mà tôi tưởng tượng như là một năm chưa được trông thấy nhà trường.

Thương hại cho mẹ tôi, lo lắng quá sinh ra xanh xao gầy yếu! Thương hại cho cha tôi ra vào mệt nhọc! Cảm lòng cho chúng bạn đã nhớ và đến thăm tôi! Tôi lại nghĩ đến ngày phải "chia tay" các bạn mà tôi buồn. Chúng tôi còn được xum họp cùng nhau một năm nữa. Sang năm, học hết bậc, nhiều bạn như Garônê, Prêcôtxi và Côretti sẽ thôi học. Thế là anh em phải xa nhau. Tôi có cái tưởng tượng: một ngày kia rủi mà tôi lại bị đau, có lẽ anh em sẽ không biết mà đến thăm tôi.

Thiệt thòi thay những khi phải "xa cách" các bạn thân yêu!

Bạn ta là thợ

Thứ hai, ngày 24

Enricô ơi! Như thế sao lại gọi là "xa cách" ? "Xa cách" hay không là ở như lòng con. Sau khi tốt nghiệp lớp bốn con sẽ lên trường Trung học. Bạn con nhiều người sẽ ra làm thợ, nhưng các con sẽ cùng ở một tỉnh với nhau trong nhiều năm nữa, như thế sao lại không có dịp gặp nhau ? Khi con lên trường tiểu học rồi, những ngày nghỉ, con sẽ tìm bạn con trong cửa hàng hay xưởng thợ, con sẽ lấy làm thú vị trông thấy bạn học con đã ra người lớn, đã làm được việc. Đi lại với bạn luôn, con sẽ học thêm được nhiều điều bổ ích về nghệ thuật, về xã hội công nhân, về xứ sở của con mà ngoài bạn con ra không ai có thể chỉ dẫn cho con hơn được. Con nên nhớ rằng lúc bé, con không có tình thân ái với bạn đồng học thì khi lớn lên con sẽ khó lòng tìm được những bạn giống thế ở ngoài lớp con học ngày xưa. Như thế, con sẽ chỉ sống trong một giai cấp xã hội cũng như một người chỉ chuyên đọc một quyển sách, như thế, đời con sẽ buồn tẻ, kiến văn sẽ hẹp hòi. Con nên giữ tình hữu ái với các bạn con ngay từ bây giờ thì sau này dù có kẻ bắc người nam, tâm tình ấy sẽ không vì thế mà phai nhạt. Con phải biết rằng: người thợ thuyền ví như sĩ quan mà thợ thuyền ví như binh lính. Trong xã hội cũng như trong quân gia, người lính cũng đáng quý trọng như ông quan vì các giá trị con người là ở việc làm chứ không phải ở lương bổng: ở tài năng chứ không phải ở giai cấp. Con phải biết yêu mến và quý trọng những con thợ thuyền tức là những con binh lính trong đạo quân "cần lao"! Con phải tôn kính chúng vì cha mẹ chúng đã chịu bao nhiêu nỗi khó nhọc bao nhiêu sự hy sinh. Con hãy yêu Garônê, Côretti, Prêcôtxi và cậu phó nề vì trong lòng ngực thợ thuyền của chúng đã ẩn những trái tim vàng. Con phải thề rằng sau này dù số phận có đổi thay, con phải giữ vững mối tính hữu ái thuở anh niên. Và 40 năm sau, nếu con qua một ga xe lửa kia lại gặp bạn cũ, như Garônê chẳng hạn, trong bộ áo nhò đen của người tài xế, thì mặc dầu lúc ấy con là một vị thượng thư, cha chắc rằng con sẽ nhảy lên tàu hôn bạn không e lệ gì.

Cha con.

Bà mẹ anh Garônê

Thứ sáu, ngày 28

Tôi đã khỏi hẳn và đi học được. Sáng qua tôi vừa ra trường thì được ngay một tin buồn. Đã hơn tuần lễ nay, anh Garônê không đi học, vì mẹ anh ốm nặng. Mẹ anh đã mất hôm thứ tư. Học trò vào lớp đông, thầy giáo bảo chúng tôi:

– Cái tai hoạ to lớn nhất đời của một đứa trẻ, vừa mới xảy ra cho anh Garônê: anh đã mất mẹ. Ngày mai, Garônê sẽ đi học, vậy thầy khuyên các con nên kính trọng sự khổ thống của Garônê. Khi Garônê đến trường, các con nên hỏi han một cách ân cần, nhất là phải đứng đắn, đừng cười, đừng nói chơi. Thế mới gọi là người biết lễ.

Sáng nay, chúng tôi vào học được một lúc thì quả nhiên, anh Garônê đến. Thấy anh xanh xao, mắt đỏ, chân bước không vững, tôi thương tâm quá. Anh trông như người ốm mới dậy, nhiều người không nhận ra, anh ăn mặc toàn đồ thâm, ai trông thấy thế cũng động lòng...

Đến cổng trường, nhìn thấy chỗ mẹ anh đứng đón anh mọi khi, vào trong lớp, trông thấy cái bàn mà mới đây mẹ anh cúi xuống dặn dò anh trước khi làm bài thi, anh lại nức nở khóc.

Cả lớp im lặng như tờ.

Ông Perbôni kéo tay, ôm anh vào lòng và bảo anh:

– Con ơi! Cứ khóc, khóc đi, nhưng con phải cố can đảm mới được. Mẹ con tuy không có ở trên đời này nữa, nhưng mẹ con vẫn trông thấy con, vẫn sống bên mình con và một ngày kia, con sẽ lại trông thấy mẹ con vì con có một tâm hồn tử tế và thành thực như mẹ con. Can đảm lên con ạ!

Nói xong, thầy theo anh về ghế, cạnh chỗ tôi. Anh mở sách ra, trúng ngay bài có bức vẽ "người mẹ dắt con" anh lại gục đầu xuống bàn, âm thầm khóc...

Thầy giáo ra hiệu cho chúng tôi để mặc anh, buổi học bắt đầu..

Tôi muốn an ủi anh một vài câu, nhưng không biết nói thế nào, tôi liền vỗ vai anh và nói

nhỏ:

– Anh Garônê ơi! đừng khóc nữa!

Anh không trả lời và cũng không ngẩng đầu lên, chỉ đưa tay nắm chặt lấy tay tôi.

Lúc tan học, không ai dám nói chuyện với cậu bé đáng thương ấy, mọi người đều lượn quanh cậu im lặng và kính cẩn. Trông thấy mẹ tôi ở cửa trường, tôi chạy ra ôm lấy mẹ tôi thì mẹ tôi gạt tôi ra. Tôi chưa hiểu tại sao thì thấy anh Garônê nhìn tôi bằng đôi mắt rầu rầu, hình như muốn bảo tôi:

– Anh cùng về với mẹ anh. Còn tôi, từ nay phải thui thủi một mình! Anh còn mẹ! Tôi mất mẹ!

Lúc đó tôi mới hiểu tại sao mẹ tôi lại gạt tôi ra và tôi đi một mình không để mẹ tôi dắt tay nữa.

Lòng nghĩa hiệp

(Truyện đọc hàng tháng)

Trưa nay, thầy giáo đã dẫn chúng tôi ra dinh ông quận trưởng để dự lễ gắn "Công dân giá trị bội tinh" cho một cậu bé đã cứu bạn thoát chết đuối ở sông Pô.

Một lá cờ tam tài lớn bay phất phới ở bao lơn công thự.

Chúng tôi vào sân, trong ấy đã có đông người. Trong cùng tôi trông thấy một cái bàn kê ở giữa phủ thảm đỏ, đằng sau có một dãy ghế bành thiếp vàng là chỗ ông Quận trưởng và các ông hội viên ngồi. Ngoài sân, một bên là toán lính đứng bồng súng, một bên là phường nhạc. Học trò và thầy giáo các trường đều có mặt. Ngoài ra lại có một số đông các bà, các ông, các sĩ quan, những dân quê và trẻ con đứng quây quần tựa hồ như trong một rạp hát lớn vậy.

Bỗng dưng có tiếng vỗ tay nổi ran từ ngoài cửa vào trong sân. Tôi kiễng chân lên xem thấy mọi người giạt ra nhường lối cho một người đàn bà và một người đàn ông dắt tay một cậu bé tiến vào. Cậu bé ấy là người đã cứu bạn.

Người đàn ông kia là cha cậu, làm thợ nề, ăn mặc như ngày Tết; người đàn bà mẹ cậu, người nhỏ nhắn vận áo chùng thâm; còn cậu bé, da trắng tóc vàng, mặc áo màu tro.

Trông thấy đông người và nghe tiếng vỗ tay rầm rập cả ba đều bối rối, không bước được nữa và không dám nhìn ai. Một viên thừa phát lại (1) phải chạy đến dẫn vào. Cha mẹ cậu đứng nghiêm chỉnh mắt nhìn vào bàn. Cậu bé đứng cạnh, mũ cầm tay.

Bỗng có tiếng hô lớn:

– Nghiêm!

Hai hàng lính vừa đứng chỉnh tề thì ông Quận trưởng ngang lưng thắt dải tam tài, đi vào, có nhiều quan chức khác theo sau. Ngài đứng trước bàn, các quân tùy tùng theo ngôi thứ đứng hai bên. Phường nhạc cử hết bài, ông Quận trưởng ra hiệu, mọi người im lặng.

Ngài bắt đầu nói. Đoạn đầu tôi không nghe rõ, nhưng đoán là ngài kể lại việc làm của cậu bé.

Dần dần ngài cất cao giọng, những người ở ngoài sân đều nghe rõ, ngài nói:

...Đứng trên bờ, trông thấy bạn nhấp nhô theo sóng, sắp làm mồi cho Thủy thần, cậu vội vút quần áo chạy xuống. Người ta kêu: "Sâu đấy! Xuống thì chết!". Cậu không trả lời. Người ta giữ cậu lại, cậu đẩy mọi người ra. Người ta gọi giạt lại, cậu đã nhảy xuống nước rồi. Sông to sóng cả, nguy hiểm vô cùng! Người lớn trông thấy cũng phải sồn lòng thế mà cậu đem hết sức tẩm thân thể bé nhỏ để phấn đấu với tử thần. Cậu bơi theo và nắm kịp nạn nhân bấy giờ đã đuối sức và đành cho ngọn nước cuốn đi. Cậu một tay cặp lấy nạn nhân giơ lên, một tay hăng hái bơi vào. Nước ngược sóng to! Nhiều lần cậu đã bị chìm rồi lại cố ngoi lên được. Sau bao nhiêu phút hồi hộp và lo lắng của những kẻ đứng trông cậu kéo được nạn nhân vào bờ. Rồi cậu lại hiệp lực cùng mọi người để cứu chữa, không bao lâu nạn nhân được hồi tỉnh.

Xong, cậu im lặng và một mình thung thỉnh về nhà.

Thưa các ngài, cái hào khí của con người ta bao giờ cũng đẹp và đáng kính; nhưng cái hào khí ấy ở một đứa trẻ chưa có óc hiểu danh hay vụ lợi, ở một đứa trẻ sức yếu mà gan to, ở một

đứa trẻ chưa phải bó buộc làm những bốn phận quá cao ấy, ở một đứa trẻ nếu có chỉ hiểu nghĩa vụ phải hy sinh và không đủ sức thực hành cũng đã đủ khiến ta đáng quý, đáng khen, cái hào khí ở một đứa trẻ như thế, thực là tuyệt đỉnh! Thừa các ngài! Tôi không nói thêm gì nữa, vì đối với một việc lớn lao như vậy, bao nhiêu lời khen cũng là thừa.

Cái người có hành động anh hùng ấy, cái người có lòng nghĩa hiệp ấy, thừa các ngài, đây! Hỡi các binh sĩ! Các người hãy chào y như một người em. Hỡi các bà mẹ! Các bà hãy cầu phúc cho y như một người con. Hỡi các học sinh! Các con hãy nhớ lấy tên y, hãy ghi lấy cái nghĩa cử ấy vào tim, óc các con.

Con ơi, đứng gần lại đây! Khâm phụng hoàng đế nước Ý, ta trao cho con tấm "Công dân giá trị" này!

Tiếng hoan hô vang động một khu trời. Ông Quận trưởng cầm tấm bội tinh trên bàn đính vào ngực cậu bé, xong hôn cậu ba, bốn lần.

Sau khi bắt tay cha cậu và mẹ cậu, ông Quận trưởng cầm đạo sắc lệnh về huy chương ấy trao cho mẹ cậu và quay lại nói với cậu:

– Ta mong rằng cái ngày rất vẻ vang cho con, cái ngày rất sung sướng cho cha mẹ con này sẽ duy trì con trên con đường đạo đức và danh dự mãi mãi. Chào con!

Nói xong, ông Quận trưởng trở ra giữa những tiếng kèn hùng tráng. Ai cũng tưởng đến đây là hết. Hốt nhiên, đám công chúng ở ngoài rẽ ra mở lối cho một cậu bé độ 8, 9 tuổi chạy vào ôm lấy cậu bé vừa được Bội tinh.

Tiếng vỗ tay và tiếng reo lại nổi lên khắp sân. Mọi người đều hiểu đó là cậu bé bị nạn vào cảm ơn người đã cứu mình.

Khi hai cậu dắt nhau ra, một trận mưa hoa ở bao lơ rơi xuống như trăm nghìn con bướm bay mừng!

[1] Viên chức làm việc bàn giấy trong các công sở.

THÁNG NĂM

*

Hy sinh

Thứ hai, mồng 9

Hôm qua tôi đang mãi chép bài thì em Xylvia rón rén vào bảo tôi rằng:

– Anh lại buồn mẹ với em. Sáng nay, em nghe thấy cha nói chuyện với mẹ. Hình như có một sự gì quan trọng và không hay cho cha. Cha ra vẻ thất vọng, mẹ đem lời an ủi. Như thế có lẽ nhà ta đến lúc xuống rồi! Anh ạ. Cha mẹ ta sẽ hết tiền. Bốn phận ta là phải hy sinh để giúp đỡ cha mẹ, phải không anh? Nếu anh vui lòng em sẽ thừa với mẹ. Vậy anh có đồng ý với em không?

Tôi bằng lòng.

Em Xylvia dắt tôi vào phòng mẹ tôi. Lúc ấy mẹ tôi đang ngồi khâu, vẻ tư lự. Chúng tôi chạy vào ngồi cạnh mẹ tôi. Em tôi nói luôn:

– Mẹ ơi, chúng con có chuyện muốn thưa với mẹ.

Mẹ tôi lấy làm ngạc nhiên, ngẩng nhìn chúng tôi.

Em tôi nói:

– Thưa mẹ, có phải cha con đang đứng vào trong cảnh thất bại không?

Mẹ tôi đỏ mặt nói:

– Con nói gì thế? Không phải đâu. Ai bảo con thế? Tại sao con biết?

Xylvia nói giọng quả quyết:

– Chả ai bảo con. Con biết rồi... Mẹ ơi, về phần chúng con, chúng con muốn hy sinh đôi chút. Mẹ hứa cuối tháng sẽ mua cho con cái quạt và cho anh Enricô hộp thuốc vẽ. Bây giờ chúng con không thích nữa. Chúng con không muốn cha mẹ phải tiêu nhiều mẹ ạ.

Mẹ tôi định nói thì Xylvia lại tiếp luôn:

– Anh Enricô và con đã quyết rồi. Cha chúng con còn chưa kiếm ra tiền thì chúng con còn phải tần tiện. Chúng con xin nhịn ăn sáng và ăn tráng miệng. Như thế sẽ đỡ ít tiền chợ. Và nếu còn phải dè sẻn các thứ khác nữa như quần áo, giày dép, chúng con cũng xin vui lòng. Những đồ chơi của chúng con đem bán đi cũng được ít tiền. Rồi con sẽ làm con sen cho mẹ, con sẽ khâu giúp mẹ. Mẹ muốn sai bảo việc gì, con xin làm tất... Miễn là mẹ và cha khỏi phải lo nghĩ và được yên lòng...

Em tôi nói xong, mẹ tôi vừa cười vừa khóc, hôn chúng tôi và bảo rằng:

– Các con nghe lầm đấy. Nhờ trời, nhà ta chưa đến nỗi phải sa sút như các con tưởng. Mẹ cảm ơn các con đã nghĩ và thương đến cha mẹ.

Tối đến, mẹ tôi đem chuyện nói lại với cha tôi. Nhưng người cha đáng thương của chúng tôi chẳng nói chẳng rằng.

Chúng tôi còn đang phân vân trong dạ thì bỗng sáng nay chúng tôi được một sự ngạc nhiên và vui sướng quá chừng là em Xylvia thấy ở dưới khăn ăn cái quạt mới và tôi, một hộp thuốc vẽ 12 màu!

Một vụ hoả tai

(Vụ hoả tai này đã xảy ra tại thành Tôrinô trong đêm hôm 27 tháng giêng năm 1880)

Chủ nhật, ngày 14

Sáng nay, trong khi đang ngồi bàn viết tìm một đầu đề về bài luận tự do mà thầy giáo bảo làm

hôm trước, chợt có hai người lính cứu hoả xin phép cha tôi vào xem bếp và lò sưởi vì họ trông thấy ngọn lửa trên ống khói (1) và không biết lửa từ nhà nào phát ra. Cha tôi bảo họ cứ vào mặc dầu lúc ấy bếp nhà tôi tắt cả. Họ xem xét các buồng và áp tai vào tường nghe những ống dẫn hơi của các nhà bên cạnh đi qua đấy xem có lửa hay không.

Cha tôi bảo tôi rằng:

– Enricô ơi! Đó là một đầu đề bài luận: "đội lính cứu hoả". Hai năm trước đây, ta đã có dịp xem họ làm việc. Con hãy viết theo lời ta kể lại.

Nửa đêm hôm ấy, ta đi xem hát ở rạp Balbô về đến phố La-Mã, bỗng thấy lửa sáng rực trời và một đám đông người đang chạy. Một nhà ở cuối phố đang cháy! Khói và lửa ở những cửa sổ trên mái bốc lên ngùn ngụt. Đàn ông đàn bà chạy ra bao lơn rồi lại chạy vào, tiếng kêu khóc inh ỏi một góc trời. Công chúng kêu gào:

– Có ai vào cứu người ta không ? Họ chết cháy cả bây giờ. Các ông đội cứu hoả ơi! Các ông đội cứu hoả ơi!

Ngay lúc ấy, 4 người lính cứu hoả vừa tới, chạy thẳng vào đám cháy. Đồng thời, một cảnh tượng rùng rợn hiện ra ở trên gác thứ ba: Một người đàn bà bị ngọn lửa dồn ra bao lơn, không có lối xuống, gào khóc mất cả tiếng mà chưa ai tìm cách gì cứu được.

Những người lính cứu hoả đã vào trong rồi nhưng không sao lên được tầng thứ ba vì những xà nhà đổ xuống nghe như tiếng sấm mà khói lửa lấp hết cả lối vào. Họ liền chạy ra chỗ đầu nhà chưa cháy, phá mái, dùng dây leo xuống...

Gió to ngọn lửa càng lan! Người đàn bà cháy sém cả mặt, chỉ còn chút nữa là bị thiêu sống và rơi xuống đất. Bỗng người ta thấy viên đội cứu hoả mặt đen thui ở trong đám khói lửa hiện ra đỡ lấy người đàn bà khốn khổ ấy và trao cho một người lính khác vừa áp thang leo tới.

Người ta đang hồi hộp lo cho số mệnh ba người lính đã cùng viên đội xông vào đám cháy lúc đầu, mãi không thấy ra, thành linh thấy cửa sổ ở tầng thứ nhì tung ra, người ta vội mang thang lại thì mấy người lính ấy liền chuyền tay nhau ôm những nạn nhân ra và trao cho người lính khác đứng đón ở cầu thang: một đứa con gái, hai đứa con trai, một người đàn bà, một ông lão. Những người này đều được vô sự.

Mặc dầu ngọn lửa lem lém bên mình, viên đội cứu hoả, người đã trèo lên đầu tiên, đứng lại

cho mọi người xuống hết để xuống cuối cùng.

Công chúng đều ngợi khen tất cả những người lính can đảm vừa xuống. Nhưng đến lượt viên đội là kẻ xung phong của đội, là người đã vào sinh ra tử để làm gương cho bạn đồng đội, là người sẽ phải chết theo nếu một người trong bọn lỡ thiệt mạng, vừa để chân xuống đất, thấy đều hò reo nhiệt liệt và giơ tay chào một cách kính cẩn và biết ơn.

Rồi chỉ trong giây lát, cái tên Rôbinô xưa nay chẳng ai biết đến, đã truyền khắp cửa miệng.

Con ơi như thế gọi là can đảm đấy! Đã gọi là can đảm thì không bao giờ suy luận, không bao giờ nghĩ ngợi, đi luôn đến chỗ có tiếng thất vọng kêu gào!

Hôm nào rồi, cha sẽ đưa con đi xem đội cứu hoả diễn tập và chỉ cho con viên đội Rôbinô. Chắc con sẽ thích...

– A! May quá! Ông đội Rôbinô đây rồi!

Tôi ngoảnh lại thì hai người lính cứu hoả vào bếp ban nãy đang trở ra và đi trong sân.

Cha tôi chỉ vào người bé nhất đeo lon vàng, bảo tôi:

– Con ra bắt tay ông đội Rôbinô đi!

Ông đội dừng lại, tươi cười đưa tay cho tôi bắt, xong chào cha tôi rồi ra.

Cha tôi nói thêm:

– Con nên nhớ rằng: trong đời con, con sẽ bắt tay trăm, nghìn người, nhưng cha quả quyết rằng trong trăm, nghìn bàn tay ấy hồ để con đã kiếm được lấy mười bàn tay có giá trị như bàn tay can đảm của viên đội cứu hoả vừa ra.

[1] Ống khói chung của cả khu nhà có nhiều chủ ở.

Quê người tìm mẹ

(Truyện đọc hàng tháng)

Cách đây vài năm có một đứa bé 13 tuổi là con một người thợ đã mạo hiểm đi một mình từ thành Giê nôva sang Mỹ Châu để tìm mẹ.

Tên cậu là Marcô. Nhà cậu nghèo. Cha làm thợ kiếm không đủ ăn nên mẹ cậu phải đi ở cho một nhà ở thành Buênôx Airex, thủ phủ nước cộng hoà Arhentina ở Nam Mỹ Châu. Sở dĩ mẹ cậu phải đi xa như thế là vì ở bên ấy những người làm được trả công cao.

Tại thành Buênôx Airex, cha cậu có một người em họ mở hiệu buôn, nên tin tức cứ do người này nhận và gửi giúp.

Năm thứ hai, ở nhà chỉ nhận được một lá thư nói bà bị bệnh rồi thôi không tiếp được tin gì khác nữa. Cha cậu viết thư hỏi người em họ, đợi mãi không thấy trả lời. Cha cậu liền viết thẳng cho người chủ nhà, thư bị trả lại vì đề sai địa chỉ. Sốt ruột, cha cậu làm đơn nhờ toà Lãnh sự Italia ở đấy điều tra giúp nhưng cũng vô hiệu vì có lẽ mẹ cậu tưởng nghề đi ở là hèn nên đã giấu tên để khỏi phương hại đến gia đình.

Thấy cha buồn rầu, Marco quả quyết xin cha cho phép sang Nam Mỹ tìm mẹ. Cha cậu đang phân vân, may sao lại có người bà con quen với một viên quan Ba tàu thuỷ xin cho cậu được vé hạng ba không mất tiền nên ý định của cậu được thực hiện ngay.

Một buổi chiều đẹp về tháng tư, cha cậu đưa cậu xuống tàu.

Mất 27 ngày lênh đênh trên mặt bể, cậu âm thầm chịu bao nhiêu nỗi khổ tâm: phần nhớ nhà, phần lo mẹ có khi đã qua đời, phần bị say sóng lắm khi tưởng đến phải bỏ thân trong bể cả. Một buổi rạng đông tháng năm, tàu cập bến Buênôx Airex, trên sông Laplata.

Sau khi từ biệt người bạn đồng hành là một ông già người xứ Lombar, cậu xách va-li lên bộ thẳng đường vào thành phố.

Cậu hỏi thăm mãi mới tìm được phố Lox Artex là nơi người chú họ tên là Mêrelli ở đấy. Đến

số nhà 171 hỏi thăm thì có một người đàn bà trả lời bằng tiếng Italia:

– Ông Mêrelli đã mất một vài tháng nay. Cửa hàng bán lại cho tôi rồi!

Được tin như sét đánh bên tai, cậu xám mặt lại hỏi:

– Ông Mêrelli quen với mẹ tôi. Mẹ tôi ở cho ông Mêkinêx tỉnh này. Vậy bà có biết nhà, xin làm ơn chỉ giúp. Tôi đi từ nước Italia sang đây chỉ có việc tìm mẹ tôi.

Bà chủ động mỗi thương tâm, liền gọi thằng nhỏ vắn chạy giấy cho ông Mêrelli ra hỏi, nó biết ngay và vui lòng dẫn cậu lại nhà ông Mêkinêx cách đấy không xa.

Đến nơi, cậu giật chuông, một người con gái ra mở cửa. Cậu hỏi, người con gái ấy trả lời bằng tiếng Tây Ban Nha:

– Nhà ông ấy đã dọn về Cordôva rồi.

– Thành Cordôva ở đâu, thưa cô ? Người vú già người Italia, mẹ tôi đó, có đi theo không ?

Người con gái chạy vào gọi cha. Một ông to lớn, râu đen ra hỏi đầu đuôi. Thấy vậy, ông thương tình mời cậu vào nhà, cấp cho ít tiền và viết một phong thư giới thiệu cậu với một người bạn ở tỉnh Larôxarioo và gửi cậu đến Cordôva. Vị ân nhân ở Labôca lại cho cậu một tấm thiệp để đưa cho một người bạn thân ở thành Rôriô. Sau 3 ngày và 4 đêm đi thuyền trên sông Parana cậu tới thành phố Rôriô vào một buổi sáng. Thành phố này ở ngay bờ sông, những bóng lâu đài tráng lệ phản chiếu xuống mặt sông coi rất ngoạn mục. Vào thành phố Rôriô, cậu có cảm giác như là lộn lại các thành phố khác mà cậu đã qua vì trước mặt vẫn thấy những phố dài dằng dặc, thẳng băng và chia các ngã trong một khoảng đất phẳng phiu, hai bên vẫn thấy nhà cửa trắng thấp và diêm dúa như những hoa trang trên bãi bể, trên đầu vẫn thấy những dây điện báo chẳng chịt như màng nhện.

Cậu tìm được đến vị cứu tinh ghi trong tấm thiệp, vào hỏi thì người quản gia đáp:

– Ông chủ và cả gia quyến vừa mới về quê ở Buênôx Airex rồi.

Cậu thất vọng kêu:

– Chết chửa! Tôi làm thế nào bây giờ ? Tôi một thân một mình đến đây, cần gặp ông chủ để người giúp cho một việc...

Người quản gia sùng sộ:

– Đã bảo đi vắng! Giúp cái gì ? Ở đây đã thừa dân Italia lắm rồi! Mà trở về nước Italia mà xin ăn.

Cậu cực nhọc vô cùng, xách vali trở ra, óc rối bời bời.

Biết làm thế nào bây giờ ? Từ Rôxario đến Cordôva còn cách một ngày xe lửa nữa mà trong túi chỉ còn có vài lira.

Buồn và mệt, cậu đặt cái vali xuống hè, ngồi lên, lưng dựa vào tường, hai tay bưng mặt...

Chợt có người đến vỗ vai hỏi bằng tiếng Italia:

– Ngồi làm gì đây ?

Cậu ngẩng nhìn thì ra ông lão đồng hương đã cùng đi với cậu một chuyến tàu.

Cậu kể hết sự tình, ông già nghĩ được một diệu kế.

Ông liền đưa cậu vào khách sạn "Ngôi sao nước Italia" giữa lúc những kiều dân Italia đang ăn uống. Ông giới thiệu cậu là một đứa con nhỏ đã vượt trùng dương và chịu đói khát để đi tìm mẹ. Ai cũng có lòng thương hại cậu, vì thế trong có mười phút đã thu được 40 lira.

Sáng hôm sau, cậu lên tàu đi Rôxario, chập tối thì đến nơi.

Nhờ một vị linh mục chỉ đường, cậu tìm đến nhà kỹ sư Mêkinêx gõ cửa, có một bà già cầm đèn ra hỏi bằng tiếng Tây Ban Nha:

– Hỏi ai ?

Cậu đáp:

– Tôi hỏi ông kỹ sư Mêkinêx.

Bà già khoanh tay vào ngực, lắc đầu đáp:

– Mà cũng hỏi ông Mêkinêx à ? Đã ba tháng nay người ta cứ đến nhiều mãi. Những tin đăng

báo vẫn chưa đủ à ? Dễ thường phải yết thị khắp các phố phường là ông Mêkinêx đã dọn đi Tucuman rồi người ta mới để yên ?

Marcô phát uất nói:

– Trời ơi! Có lẽ tôi phải chết ở đây và không được nhìn mặt mẹ tôi!... Xin bà làm ơn bảo giùm tỉnh ấy ở đâu ? và cách bao xa ?

– Thành Tucuman cách đây bốn năm trăm dặm.

Marcô nức nở khóc.

Bà già thương hại bảo:

– Nhà số 3 đầu phố này có người lái buôn thường chở hàng bằng xe bò đi Tucuman. Mày thử lại hỏi xem họ có cho đi nhờ không ?

Marcô lại hỏi thì người lái buôn bảo: "Hết chỗ rồi!"

Trong lưng chỉ còn 15 lira, cậu kêu van với người lái buôn xin đưa cả và đi đường có việc gì xin làm giúp.

Người lái buôn nói:

– Ta không đi Tucuman. Lần này, ta đưa hàng đi Satiago. Vậy đến chỗ rẽ thì mày xuống. Nhưng còn phải đi bộ đến 20 ngày nữa mới đến Tucuman, mày có đi được không ? Đường vắng và khó đi lắm!

– Thưa ông, được. Tôi chịu được tất cả, miễn là tìm thấy mẹ tôi!...

– Được thế hôm nay mày ngủ ở xe, mai đi sớm.

Bốn giờ sáng hôm sau, dưới trời sao lấp lánh, một đoàn xe mỗi chiếc do 6 con bò kéo cùng một đàn bò nữa để thay phiên, khởi hành trong một bầu không khí tĩnh mịch.

Khi đi đường, Marco thường bị những phu xe sai bảo và hành hạ. May nhờ được người chủ nhân đạo, bọn kia cũng không dám quá tay và mấy hôm bị chứng sốt rét, cậu được trông nom tử tế.

Ngày thứ 16 là hôm cậu khỏi bệnh và cũng là hôm cậu phải rời đoàn xe để về lối Tucuman.

Sau mấy câu dặn dò, người chủ xe bắt tay từ biệt.

Marco một mình lủi thủi xách vali đi về phía tây, trong dạ buồn rầu.

Nhưng một điều làm cho cậu phần khởi đôi chút là trước mặt cậu, ở chân trời hiện ra một dãy trường sơn, ngọn cao và trắng coi tựa dãy Alpe, cậu tưởng tượng như được ở gần quê hương cậu. Nhưng nào có phải là núi Alpe đâu, chính là dãy núi Andes tục gọi là "sống lưng" của Tân thế giới, đi từ Xích địa miền Nam cho đến Băng dương miền Bắc.

Hôm thứ nhất Marcô đi cho đến lúc kiệt lực rồi nằm ngủ ở cạnh gốc cây. Hôm sau lại khởi hành nhưng chậm hơn và kém phần hăng hái. Hôm thứ ba: giày rách chân đau, dạ đói! Tối đến, cậu giật mình thon thót vì người ta nói ở đây lắm rắn độc!

Mặc dầu mỗi mệt, đói khát, cậu vẫn cố đi, đi mãi, đi qua những chòm cây lạ mắt, qua những đồng mía xanh tươi, qua những đồng cỏ mênh mông, trước mặt vẫn nhìn thấy ngọn núi xanh lờm chớm trong nền trời không vắng một đám mây.

Bốn hôm, năm hôm, một tuần lễ qua. Sức cậu đã cùng. Chân cậu đổ máu. Thì chiều hôm ấy, người ta bảo cậu:

– Tucuman còn cách đây 50 dặm.

Marcô mừng rỡ reo lên và đi rảo bước; bụng bảo dạ:

– Mẹ ơi bây giờ mẹ ở đâu ? Mẹ có biết con đang ở gần mẹ không ?

Khốn khổ thay cho Marcô. Nếu cậu biết rõ tình trạng mẹ cậu lúc ấy thế nào thì cậu muốn mọc ngay cánh để kịp bay đến cạnh người.

Lúc ấy, bệnh tình mẹ cậu đang ở trong thời kỳ trầm trọng. Vợ chồng viên kỹ sư Mêkinêx đang đứng bên giường bệnh khuyên bệnh nhân nên để cho Bác sĩ mổ thì mới có cơ qua khỏi.

Bệnh nhân đáp:

– Cám ơn ông bà có lòng nhân đức trông nom tôi tựa người nhà. Nhưng tôi không còn đủ

sức để chịu sự mổ xẻ. Tôi sẽ chết. Xin ông bà để yên cho tôi chết. Chồng con tôi không có tin tức, chắc bị tai biến gì đây... Tôi còn sống làm gì ?..

Vợ chồng viên kỹ sư cố nài hai ba lần nữa, song bà ta chỉ khóc và ngất đi.

Ông bà Mêkinêx hết sức chăm sóc cho người mẹ đáng khen ấy đã vì sinh kế của gia đình đem thân đến một nơi xa quê hương hơn 3000 dặm, sau khi chịu bao nhiêu nỗi cơ khổ gian lao!

Sáng sớm hôm sau, vali đeo trên lưng, Marcô, hốc hác và rách rưới, thất thểu vào thành Tucuman một thành phố mới mở vào hạng phần thịnh nhất nước Arhentina.

Marcô đang ngẩn ngơ chưa biết hỏi ai, bỗng thấy một cửa hàng ngoài đề chữ Italia, cậu liền đánh bạo vào hỏi:

– Thưa ông, ông có biết nhà ông kỹ sư Mêkinêx ở đâu, xin ông làm ơn bảo giúp ?

Chủ hiệu đáp:

– Ông Mêkinêx không ở đây nữa.

Marcô choáng người, kêu lên một tiếng rồi ngã vật xuống đất. Chủ hiệu đỡ dậy, hỏi chuyện rồi bảo:

– Em đừng nản lòng. Ông kỹ sư tuy không ở Tucuman nữa, nhưng ở gần đây, đi bộ vài giờ thì tới nơi.

– Thưa ông, ở đâu ? Ở đâu ? Ở đâu ?

– Ở bờ sông Saladinô. Ở đấy người ta đang xây một nhà máy làm đường, kỹ sư ở khu nhà bên cạnh. Đến đấy hỏi ai cũng biết.

Một người hàng xóm nghe tiếng kêu vừa chạy sang thấy vậy nói tiếp:

– Hai tuần lễ trước tôi đã vào đấy, có gặp kỹ sư.

Cậu hỏi luôn:

– Thế anh có gặp người vú già nhà kỹ sư, người Italia không?

– Có, tôi có trông thấy!

Cậu sung sướng quá vừa khóc vừa nhảy lên.

Mọi người khuyên cậu nên nghỉ ngơi cho lại sức, mai sẽ đi Saladinô. Nhưng cậu khăng khăng nói:

– Cảm ơn các ông. Tôi đi cốt để tìm mẹ tôi! Dù chết ngay giữa đường, tôi cũng đi!

Vài phút sau, vali lại đeo trên lưng, cậu khập khiễng lên đường, rồi biến trong đám cây rậm rạp.

Đêm ấy là đêm ghê gớm nhất cho bệnh nhân. Bà đau đớn, rên rỉ, lắm lúc mê man. Bác sĩ bảo: bà đau về chứng bệnh thì ít mà về tinh thần thì nhiều.

Sáng hôm sau, ông bà Mêkinêx lại đưa bác sĩ vào thăm. Bác sĩ khuyên:

– Nếu bà cho mổ thì thế nào cũng khỏi, bằng không thì không còn phương gì cứu được nữa.

Bà ta lắc đầu nói trong hơi thở:

– Cảm ơn bác sĩ, tôi còn có can đảm để đợi chết, chứ không còn lúc để chịu đau đớn một cách vô ích. Xin bác sĩ cho tôi chết yên lặng thì hơn!

Xong bà quay lại trời với bà chủ:

– Thưa bà sau khi tôi chết rồi xin bà làm ơn nhờ toà lãnh sự Italia gửi ít tiền tôi để dành về cho chồng con tôi. Tôi mong rằng chồng con tôi vẫn được bình yên. Và bà nhớ bảo giúp rằng lúc lâm chung tôi vẫn nhớ đến chồng tôi, hai con tôi và nhất là thằng Marcô.

Ngoài phòng có tiếng động. Mấy phút sau, bác sĩ và ông Mêkinêx cùng vào, nét mặt có vẻ khác. Hai người nói nhỏ với nhau: "Đỡ ngay lập tức"! Bệnh nhân không hiểu sao cả.

Ông Mêkinêx cất tiếng run run nói:

– Chị ơi! Tôi có một tin hay muốn báo cho chị biết. Chị hãy định thần lại để nhận tin ấy. Tin

ấy sẽ làm cho chị được hài lòng.

Con người bệnh nhân mở rộng.

– Chị hãy sửa soạn để tiếp một người... một người mà chị yêu mến nhất, nhớ thương nhất!

Bà Guixépa sẻ ngẩng đầu lên nhìn tứ phía.

Kỹ sư nói tiếp:

– Người ấy đã lặn ngòi ngoi nước đến đây một cách bất ngờ... và đã ở đây rồi!

Bệnh nhân thở hỗn hển hỏi:

– Ai ? Ai thế ?

Tức thì Marcô rách rưới, lấm láp, ở ngoài bước vào. Bác sĩ đứng trong ngưỡng cửa, cầm cánh tay cậu giữ lại.

Bệnh nhân kêu ba lần:

– Chính con tôi! Con tôi! Con tôi!

Marcô chạy vào, như có phép thần thông giúp đỡ, mẹ cậu nhồm dậy ôm lấy cậu như một con hổ đói mồi, vừa cười vừa khóc, hôn cậu và hỏi:

– Sao con lại đến đây ? Con độ này lớn quá! Ai đưa con đi ? Hay con đi một mình ? Con có ốm không ? Chính con là Marcô của mẹ? Không phải là giấc mộng chứ ? Con nói cho mẹ hay...

Nói đến đây bà chợt đổi giọng và bảo:

– Khoan đã! Con sẽ nói sau.

Rồi quay lại bảo bác sĩ:

– Thưa bác sĩ bây giờ tôi muốn khỏi bệnh. Tôi sẵn sàng để ngài cứu cho... Xin ngài cấp cứu cho... Con hãy ra ngoài đợi một lát...

Kỹ sư đưa Marcô ra.

Bác sĩ và y sĩ ngoại khoa mang các khí dụng vào và đóng cửa phòng lại.

Lát sau bác sĩ hớn hở ra phòng bảo Marcô:

– Mẹ con đã được cứu thoát!

Marcô liền quỳ trước mặt bác sĩ khóc nức nở nói:

– Đội ơn bác sĩ đã cứu sống cho mẹ con!

Bác sĩ đỡ Marcô dậy và khen:

– Con hãy đứng dậy. Con thực là một đứa trẻ phi thường. Chính con đã cứu sống mẹ con!

Trường cam điếc

Chủ nhật, ngày 28

Sáng nay có người gọi cửa. Tôi nghe thấy cha tôi kêu tiếng ngạc nhiên:

– A! Bác Giordano!

Bác là người làm vườn cũ nhà tôi quê ở Côđôva.

Sang Hylạp làm cho sở hoả xa ba năm, nay bác mới về, tay xách một gói lớn.

Trông bác hơi già nhưng vẫn tươi tỉnh và vui vẻ như xưa.

Cha tôi mời bác vào, nhưng bác có ý vội vã từ chối và hỏi luôn:

– Nhà tôi bình yên chứ ? Cháu Luizya độ này thế nào ?

Mẹ tôi đáp:

– Bình yên cả. Còn Luizya thì tôi mới vào thăm được mấy hôm nay.

Bác Giordanô mừng quá, gửi gói đồ rồi vào trường cầm điếu thăm con. Cha tôi cho tôi đi theo. Đi đường, bác nói chuyện với tôi, có ý buồn:

– Tôi nghiệp cho em Luizya! Mới lọt lòng ra đã phải chịu cái tật xấu xa. Nghĩ nổi tôi không bao giờ được nghe thấy tiếng em gọi "cha" và em không bao giờ được nghe thấy tiếng tôi gọi "con ơi"!, những tiếng thân yêu phát ra tự tim huyết, thì tôi buồn không biết chừng nào! May mà có người mách và giúp cho em vào trường, tôi cũng đỡ phiền. Em vào đây từ năm lên 8, tính đến nay đã 11 tuổi rồi. Chắc em đã lớn lắm rồi, cậu nhí ? Em đã nói chuyện được bằng dấu hiệu chưa ? Em có vui không ? hờ cậu ?

Tôi đáp:

– Trường cầm điếu đây rồi. Bác vào sẽ biết.

Chúng tôi tới cổng, người gác ra hỏi. Bác Giordanô nói:

– Tôi là cha em Luizya. Hôm nay xin phép vào thăm.

Người gác đáp:

– Các cô ấy đang chơi. Để tôi thưa với bà giáo. Mời ông vào tạm phòng khách.

Vài phút sau, cửa phòng mở. Một bà giáo dắt tay một cô gái nhỏ vào.

Hai cha con nhìn nhau một lúc rồi ôm lấy nhau vừa khóc vừa mừng.

Cô bé mặc áo chùng trắng, dọc đỏ, và đeo một cái yếm xanh.

Vuốt ve con xong, bác Giordanô lùi lại ngấm nhìn con gái rồi kêu to:

– Trời ơi! Con tôi chóng lớn và xinh đẹp quá!... Thưa bà, bà là bà giáo dạy cháu. Xin bà bảo cháu ra một vài dấu hiệu để nói chuyện với tôi xem thế nào ?

Bà giáo mỉm cười sê bảo cô bé đứng cạnh đang nhìn bà:

– Ông này là ai ?

Cô bé cười và phát ra một thứ tiếng như tiếng mọi nhưng rõ ràng:

– Thừa cô, cha – con – đấy!

Bác làm vườn sững sốt và reo lên như một người điên:

– Con tôi biết nói à ? Chết chữa! Thế mà tôi không biết. Con tôi biết nói rồi. Trời ơi! Con nói nữa cho cha nghe.

Bác Giordôna ôm và bế con lên hai, ba lần, có vẻ sung sướng lắm.

– Thừa bà thế ra cháu không phải nói chuyện bằng hiệu, bằng ngón tay ?

Bà giáo đáp:

– Ông Giordano ơi! Học bằng hiệu là lối cổ, lối ấy đã bỏ rồi. Bây giờ chúng tôi dạy theo lối mới gọi là phép "khẩu truyền" ông vẫn chưa rõ à ?

– Thừa bà, tôi không hiểu, vì đã ba năm nay tôi đi ngoại quốc. Nhà có viết thơ nhưng tôi vẫn yên trí, "cháu biết nói" là "nói bằng hiệu", chứ không ngờ cháu nói ra tiếng... Con ơi! Con có biết không ? Con trả lời đi!

Bà giáo đỡ lời:

– Ông ơi! Cháu không nghe thấy gì đâu vì cháu điếc. Nhưng nhìn môi ông cử động, cháu có thể nhận ra ông nói câu gì. Tuy miệng cháu nói được, nhưng tai cháu vẫn không nghe thấy tiếng mình phát ra. Sở dĩ cháu nói thành tiếng là vì chúng tôi dạy cháu vừa vận động môi, vừa do lồng ngực và cuống họng phát ra từng "chữ" từng "vần"...

Bác làm vườn ghé vào tai hỏi con:

– Cha vào thăm, con có thích không ?

Cô bé ngăn người đứng im. Bà giáo cười bảo bác Giordano:

– Luizya không trả lời vì không được nhìn miệng ông nói. Bây giờ ông quay lại trước mặt

cháu và nhắc lại câu ông vừa nói thì cháu hiểu ngay.

Người cha nhìn mặt con, nói:

- Cha đã về, cha không đi nữa, con có sung sướng không ?
- Cha về và không bỏ con đi nữa, con rất lấy làm sung sướng.

Bác làm vườn hỏi thử con mấy câu nữa:

- Tên mẹ con là gì ?
- Antônia.
- Tên chị con là gì ?
- Andêlacđa
- Trường này gọi là trường gì ?
- Trường câm điếc.
- Hai lần mười là bao nhiêu ?
- Hai mươi.

Bác làm vườn rất hoan hỉ, quay lại nói với bà giáo:

- Thưa bà, chúng tôi cảm ơn bà một trăm lần, một nghìn lần. Và xin bà tha lỗi cho chúng tôi là kẻ quê kệch, không biết giải bày thế nào để cảm ơn bà.

Bà giáo nói:

- Không những cháu đã biết nói, cháu còn biết viết và biết tính nữa. Cháu biết hết cả tên những đồ vật thường dùng, biết đôi chút về sử ký và địa dư. Hiện giờ cháu đang ở lớp sơ đẳng. Học hết hai năm nữa cháu sẽ có một nền học thức phổ thông và có thể đi làm việc. Hiện đã có nhiều em học ở đây ra bán hàng cho các hãng buôn rất đắc lực... Chúng cũng làm được đủ bốn phận như người thường.

Chợt có tiếng trẻ tập đọc ở trên trường đưa xuống bác làm vườn thấy lạ, lắng tai nghe. Bà giáo bảo:

– Ông để tôi gọi một em ở lớp dự bị xuống đọc ông nghe.

Nói xong, bà ra hiệu cho người gác gọi. Lát sau người gác đưa một cô bé 8, 9 tuổi xuống. Cô này mới vào đây được ít lâu.

Bà giáo há mồm như người đọc chữ Ơ ra hiệu cho cô học trò đọc theo.

Cô bé đọc:

– Ô.

– Không phải thế.

Nói xong, bà giáo liền cầm hai bàn tay học trò, một để vào cổ họng mình, một để vào ngực mình rồi tự đọc: Ơ.

Cô bé nhận kỹ luồng hơi ở ngực phát ra và đi qua cuống họng thế nào rồi bắt chước đọc lại rất đúng: Ơ...

Rồi vẫn dùng cách ấy, bà dạy cô bé đọc những chữ C và Đ.

Bác làm vườn nghĩ một lúc nói:

– Thưa bà, dạy như thế này mất nhiều công và phải kiên nhẫn lắm mới được. Thiết tưởng ở trên đời này không có thứ phần thưởng gì xứng đáng để đền công các bà... Thưa bà, tôi có thể chào và cảm ơn bà đốc được không ?

– Bà đốc không có đây. Nhưng có một người khác mà ông đang cảm ơn. Theo lệ ở đây thì những trò bé thường giao cho trò lớn trông nom như người chị, người mẹ trong nhà. Cháu Luizya ở đây giao cho một em 17 tuổi trông nom. Em này là con một người làm bánh ở với Luizya rất tốt. Hai năm nay, chính em ấy đã giúp Luizya mặc áo, đội mũ, đã dạy Luizya khâu vá và lúc nào cũng ở cạnh Luizya...

– A! Này!...Luizya ơi! Mẹ con ở đây tên là gì ?

Luizya cười đáp:

– Catêrina, tử tế lắm!

Người gác theo hiệu bà giáo chạy đi một lúc thì có một cô cam điếc khoẻ mạnh, tươi tỉnh, tóc vàng, áo dọc đỏ và yếm xanh xuống. Trông thấy người lạ, đôi má ửng hồng, cô cuối đầu cười nụ.

Luizya chạy lại nắm tay Catêrina và nói:

– Catêrina.

Bác Giordano bèn bắt tay Catêrina và nói:

– Cảm ơn em. Ta chúc cho em và gia quyến em được hưởng phúc lành. Em hãy nhận lấy những lời chúc tụng thành thực của một người thợ, một người cha khốn khổ em ạ!

Cô bé chỉ vuốt ve Luizya không trả lời.

Bà giáo nói:

– Ông có thể cho Luizya về ngay bây giờ.

– Xin phép bà cho cháu về Côrdova, mai tôi sẽ đưa cháu lên.

Luizya chạy vào đội mũ, khoác măng tô rồi ra với cha.

Trước khi ra về, bác Giordano có đưa một đồng tiền vàng xin cúng vào nhà trường, nhưng bà giáo không nhận, bỏ vào túi gilê Luizya và nói:

– Ở đây, chúng tôi không lấy một vật gì của ai cho cả. Và ông đã phí bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới kiếm được đồng tiền... Chúng tôi rất cảm động về lòng chân thành của ông và xin cảm ơn ông.

Hai cha con chào bà giáo và dắt nhau ra.

Ra đến đường, cô bé nhảy nhót kêu to:

– Hôm nay, trời đẹp quá!

Đi ngoài phố

Thứ ba, ngày 30

Hôm kia, khi con ở trường cảm về, con đã xô phải một người đàn bà. Lần sau, con phải có ý tứ hơn vì ở phố con cũng có bốn phận. Lúc ở nhà, khi ở trường, con đã giữ gìn cử chỉ của con được đứng đắn, có sao ra phố là nơi công chúng qua lại, con lại sao lãng ? Con ơi! Con nên nhớ những khi gặp những người già nua, những kẻ nghèo khó, những đàn bà ôm dắt trẻ thơ, những kẻ tàn tật, những người khuôn vác nặng nề, những người đầu tang tóc rối, con phải nhường bước.

Ta phải kính trọng tuổi thọ, cảnh cơ hàn, tình mầu tử, cảnh tàn tật, sự lao khổ và sự tử vong.

Mỗi khi con thấy xe đến chân mà người ta không biết, nếu là người lớn thì con gọi bảo, nếu là trẻ con thì con chạy dắt vào.

Đứa trẻ kia đứng khóc một mình, con chạy lại hỏi han, dỗ dành hoặc chỉ bảo. Cụ già nọ đánh rơi cây gậy, con lại nhặt giúp. Gặp trẻ con cãi nhau, con đứng lại can ngăn. Gặp người lớn đánh nhau, con hãy tránh xa để khỏi phải nhìn tấn kịch thương tâm nó sẽ làm trơ răn lòng con.

Gặp người bị trói giải qua đường, con không nên nhập bọn với những kẻ tò mò độc ác mà nhìn người ta, vì có khi họ là người oan uổng, vô tội.

Khi có đám ma đưa qua, đừng cười nói với bạn con nữa, hãy ngả mũ chào, vì biết đâu ngày mai, nhà con cũng sẽ có người tạ thế.

Trông thấy những trẻ em trường Bà Phước xếp hàng đi qua, mù loà có, câm điếc có, què quặt có, mồ côi có, vô thừa nhận có, con nên giữ thái độ và tưởng tượng rằng đó là những số phận xấu số và những tấm lòng từ thiện của loài người đang diễn ra trước mặt con.

Có ai hỏi thăm đường, con phải trả lời cho có phép. Đừng chế nhạo ai, đừng chạy nhảy, đừng

nô đùa, đừng hò reo, đừng xô đẩy, phải giữ luật đi đường. Con phải biết rằng chỉ liếc mắt trông qua cách cử chỉ của nhân dân đi ngoài phố mà người ta có thể xét đoán được trình độ giáo dục của cả một dân tộc. Ở xứ nào mà con nhìn thấy những điều thô bỉ ở ngoài đường, tất con sẽ nhìn thấy những điều thô bỉ ở trong nhà.

Nếu một mai con phải đi xa, con sẽ thấy hình ảnh thành phố con là nơi chôn nhau cắt rốn, là chốn quê hương của tuổi thơ hiển hiện luôn luôn trong óc con. Ở thành phố ấy, con đã tập đi những bước thứ nhất do tay mẹ con dắt; ở thành phố ấy, con đã học bài thứ nhất do thầy con dạy, và ở đây con đã làm quen với những người bạn thứ nhất trong đời con. Vậy con hãy yêu tỉnh thành con cùng là phố xá và dân sự, hễ ai nói động đến thành phố con, con phải hết lòng bênh vực.

Cha con.

THÁNG SÁU

*

32 độ

Thứ sáu, ngày 16

Bây giờ đã sang tiết hè, trời nóng quá! Người đã thấy nhọc và kém vẻ tươi tắn của mùa xuân. Cổ và chân đã thấy mỏi, đầu muốn ngả, mắt muốn nhắm. Anh Nelli khổ về nóng nực, mặt mũi xanh xao thỉnh thoảng lại gục đầu xuống vở ngủ một giấc dài. Anh Garônê khôn hơn, bao giờ cũng có ý dựng sách trước mặt để thầy giáo khỏi nhìn thấy đôi mắt đỏ ngầu. Còn anh Nôbix cứ kêu ra rả rằng lớp đông người quá, không đủ không khí thở. Coi đó, có thể biết: mùa hè đến. Mùa hè đến, chúng tôi đã cố gắng biết là bao nhiêu để học tập.

Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy cây cối xanh tốt, bóng rợp rung rinh như muốn kêu gọi sự nô đùa mà tôi buồn. Ngày nào cũng phải ngồi giam trong buồng học với cái nóng nung người như thế

này thì thực là khó chịu quá! Tuy nhiên, mỗi khi thấy mẹ tôi đón tôi ở cửa trường có ý thương hại thì tôi lại ra vẻ bình tĩnh. Mỗi khi mẹ tôi thấy tôi loay hoay viết lách và hỏi tôi: "Con có nhọc không?" thì tôi lại làm bộ nhanh nhẹn thưa "không" để mẹ tôi được yên lòng.

6 giờ sáng nay, mẹ tôi gọi dậy để học bài, thấy tôi uể oải, mẹ tôi khuyên:

– Con hãy chịu khó đi học, con ạ! Chỉ còn ngót tháng nữa, con sẽ được nghỉ hè. Mẹ sẽ cho con về quê chơi. Con còn sung sướng hơn bao nhiêu trẻ không có nghỉ hè. Con chẳng xem trong lúc trời nóng như thiêu như đốt, những đứa trẻ nhà quê phải dãi thân ở giữa cánh đồng ? Những đứa trẻ học nghề luôn luôn phơi mặt bên cạnh lò nấu thủy tinh ? Những cái nóng ấy còn khó chịu gấp mấy cái nóng ở nhà trường! Cố lên! Con ạ!

Thêm vào những tấm gương nhẵn nại mà mẹ tôi vừa nói, chúng tôi còn có cái gương hoạt động nữa vẫn ngay cạnh mình. Đó là Đêrôtxi. Anh không biết nhọc mệt là gì. Mùa hạ cũng như mùa đông, bao giờ anh cũng tỏ ra nhẹ nhàng, mau mắn.

Trong lớp còn có hai người học trò nữa vẫn tỉnh táo và chăm chú là anh Xtardì, mới chế ra được môn thuốc chữa bệnh ngủ gật là tự véo vào đùi mình và Garôpphi, anh chàng làm tiền cứ luôn tay làm những cái quạt giấy để bán cho anh em. Nhưng người can đảm nhất có lẽ là anh Côrêtti, anh Côrêtti đáng thương, ngày nào cũng phải dậy từ gà gáy để vác củi giúp cha; vì thế cứ đến gần mười một giờ là mắt anh híp lại, đầu anh rũ xuống... Biết thế anh hết sức cựa cựa hay tự đập vào gáy cho tỉnh ngủ; có khi anh xin phép ra ngoài để rửa mặt hay nhờ người ngồi bên cạnh cầu hộ cho đỡ đau. Sáng nay, không gượng được nữa, anh gục xuống bàn làm một giấc thật say.

Thầy giáo gọi:

– Côrêtti!

Anh không biết gì.

Thầy giận gọi lần nữa:

– Côrêtti!

Bỗng một người bạn ở gần nhà anh đứng lên mách:

– Thừa thầy, anh ấy đội củi từ 5 giờ sáng ạ.

Thầy để yên anh ngủ và giảng tiếp bài. Nửa giờ sau, thầy sể xuống bàn, thối vào trán anh, anh sực tỉnh, thấy thầy, sợ quá! Nhưng thầy vỗ vai anh bảo:

– Thầy không mắng con đâu. Giấc ngủ của con không phải là giấc ngủ của đứa trẻ lười. Sáng nay, con đã làm nhiều, thầy biết.

Cha tôi

Thứ bảy, ngày 17

Enricô ơi! Chắc hẳn những bạn con như Côrêtti và Garônê không bao giờ trả lời cha mẹ một cách vô lễ như con đã đối với cha con chiều qua. Con phải thề cùng mẹ rằng từ rầy con sẽ không thế nữa. Mỗi khi cha con mắng con là y như con nói trả những câu rất vô lễ. Con nên tưởng tượng đến một ngày kia – mà ngày ấy không thể tránh được – cha con hấp hối trên giường bệnh gọi con lại giường để trấn trối. Khi đó, nghe những câu nói cuối cùng của cha, chắc lòng con sẽ phải thổn thức, ân hận vì đã có điều ở tệ với cha. Lúc bấy giờ con mới hiểu rằng: trước kia cha con thực là một người bạn tốt của con; mỗi khi bất đắc dĩ phải phạt con thì lòng cha đau đớn hơn con và chỉ vì muốn cho con sửa lỗi nên cha mới phải làm cho con khóc.

Trừ lòng yêu con, thương con, còn ngoại giả cha con giấu hết. Nào con có biết: những khi phải lao tâm lao lực quá, tưởng mình chẳng còn sống được bao lâu nữa, cha con lại lo buồn cho con sau này sẽ phải chơ vơ và không nơi nương tựa! Nào con có biết: bao phen bị mối ưu phiền ấy ám ảnh, cha con đã vào giường con đang giấc ngủ say, đứng đó nhìn con mà nghĩ ngợi! Nào con có biết: lắm khi cha con đang chán nản về việc đời không được như ý, chợt nhìn thấy con là mọi nỗi sầu đều tiêu tan cả vì người cha vất vả ấy cần đến tình yêu của con mới được yên lòng và trở nên can đảm.

Trong lúc cha con đang trông mong vào lòng hiếu thảo của con; bỗng thấy con mang lòng

lãnh đạm, tệ bạc thì cha con khổ thống biết là đường nào ? Con đừng lầm lạc vào con đường bội nghĩa vong ân ấy. Con nên nghĩ rằng ở đời này không có cái gì là vững bền cả, con có thể mồ côi cha lúc còn bé... con có thể mất cha trong một năm nữa, một tháng nữa hay ngày mai cũng không biết chừng!

Ôi! đến lúc bấy giờ con sẽ thấy cảnh vật ở xung quanh con thay đổi cả, con sẽ nhìn thấy nhà ta vắng vẻ quạnh hiu, con sẽ trông thấy mẹ con đầu tang tóc rồi, âm thầm chua xót! Thôi! Con ơi. Mẹ nói đã nhiều. Con hãy lên nhà tìm cha con, ôm gối cha mà xin lỗi.

Mẹ con.

Thú quê

Cha tôi đã tha lỗi cho tôi và cho phép tôi theo anh Côretti và cha anh về vùng quê chơi. Chúng tôi vốn khát khao chút khí trời thoáng đãng trong sạch, nay được đi chơi, thật là vui vẻ như ngày hội.

Đúng hai giờ chiều hôm qua, Đêrôtxi, Garônê, Garôpphi, Precôtxi, Côretti bố, Côretti con, và tôi đều tề tựu tại vườn "Ông Tượng"... Ai nấy đều mang theo hoa quả, bánh trứng để ăn đường. Tôi mang một cái bát gỗ, một bình sắt tây, Garônê xách một bầu rượu vang trắng. Côretti đeo một cái binh toong to tướng của cha anh đi lính ngày xưa đựng đầy rượu vang đỏ, Prêcôtxi cắp bên cái yếm thợ rèn, một cái bánh hai cân. Chúng tôi đáp ô-tô hàng ra ngoại châu thành chừng năm, sáu cây số.

Nửa giờ sau, chúng tôi xuống xe và rẽ vào một cánh đồng cỏ bao la, xa xa nổi mấy ngọn đồi. Trời xanh cỏ biếc! Gió thổi hiu hiu. Thực là xinh đẹp và mát mẻ vô cùng! Chúng tôi đi. Chúng tôi chạy. Chúng tôi nằm lăn ra cỏ, chúng tôi gội đầu trong suối, chúng tôi nhảy qua bờ rào...!

Cha anh Côretti, áo vắt vai, miệng ngậm tẩu, đi sau nhìn chúng tôi, thỉnh thoảng lại thét lác

cho chúng tôi đừng nghịch phá rách cả áo quần. Hôm nay anh Prêcôtxi cũng huyết còi, có lẽ trời mưa mất! Côretti mau lẹ như con nai, vừa đi vừa lấy cành cây gọt đủ thứ: cánh cối xay, thìa, đĩa, ống tiêm rất khéo! Êrôtxi chốc chốc lại đứng lại bảo chúng tôi tên các cây cỏ và sâu bọ. Sao mà anh biết lắm thế ? Không biết anh học những khoa ấy tự bao giờ Garônê im lặng gặm bánh: từ khi mẹ anh mất đến giờ, anh có vẻ kém vui, song lòng anh vẫn tốt như xưa. Anh giơ tay đón mỗi khi chúng tôi qua hố, qua cầu. Prêcôtxi sợ bò như cọp vì ngày còn bé anh bị bò húc một lần. Garônê biết ý mỗi khi gặp bò là anh đứng chắn Prêcôtxi đi qua.

Chúng tôi cứ vừa đi vừa chơi như thế cho tới địa phận làng Margoretta. Ở đây là nhiều đồi, ngọn nào cũng có cây cao bóng rợp. Chúng tôi thi nhau lên đồi, chúng tôi nhảy nhót lăn lộn...

Prêcôtxi nhảy qua bụi, rách quần, thẹn đỏ mặt. May sao Garôpphi có sẵn ghim trong túi đem ra dúi lại cho bạn.

Garôpphi một mình thơ thẩn nhặt sỏi, nhặt đá, chặt chiu giấu kỹ tưởng trong có ngọc, có vàng.

Êrôtxi, Côretti và tôi, ba người hết chạy nhảy lại leo trèo hết đùa chỗ rậm lại chơi chỗ nắng, hò reo vùng vẫy như một bọn điên. Cuối cùng mệt lả, chúng tôi mới chịu lên một ngọn đồi rồi gọi nhau hội họp dưới bóng cây, trên đám cỏ để ăn uống. Đứng trên đỉnh đồi chúng tôi nhìn ra một bức toàn cảnh rất đẹp: dưới chân một cánh đồng mênh mông xanh rờn, xa xa là dãy Anpi, sườn nhuộm sắc lam, đầu phô tuyết trắng!

Chúng tôi đói quá ăn rất ngon miệng. Cha anh Côretti hái lá bi làm đĩa đựng giò và phân phát đồ ăn cho chúng tôi.

Chúng tôi vừa nói chuyện về thầy giáo, các bạn vắng mặt và bàn về chuyện thi.

Cha anh Côretti uống rượu vui vẻ lắm, ông bảo chúng tôi:

– Những người hàng củi cần uống rượu hơn là các cậu học trò, vì bé mà uống rượu thì có hại.

Chúng tôi đáp:

– Chúng tôi không biết uống. Mời ông uống thật say!

Ông nói tiếp:

– Các cậu chơi đùa với nhau hôm nay có thích không?

Chúng tôi đồng thanh đáp "có" và "mong thỉnh thoảng lại có cuộc đi chơi này".

Ông nói:

– Bây giờ còn nhỏ, các cậu chơi với nhau xem chừng thân thiết lắm. Nhưng một mai, cậu Enricô, cậu Đêrôtxi làm luật sư hay giáo sư chẳng hạn, còn các bạn khác kẻ làm thợ, người buôn, lúc ấy có lẽ "ôi thôi" tình bạn bè!

Đêrôtxi đáp:

– Đời nào! Đối với tôi, Garônê sẽ vẫn là Garônê, Prêcôtxi vẫn là Prêcôtxi, các bạn khác cũng thế, dù tôi có làm đến Hoàng đế nước Anh chẳng nữa, tình cố cựu vẫn y nguyên.

Cha anh Côretti nâng cốc, nói:

– Khá lắm! Khá lắm! Cậu nói nghe được! Học đường vạn tuế! Học đường là một gia đình cho kẻ khó và cho người giàu! Tôi nâng cốc này để chúc cho tình thân ái của các cậu được lâu dài!

Chúng tôi đều vỗ tay khen.

Trời gần tối. Chúng tôi xuống đồi, dắt tay nhau vừa chạy vừa hát. Qua bờ sông Pô, chúng tôi đã thấy lập loè trăm nghìn con đom đóm giỡn bay trên cỏ và dưới sông sóng vỗ đen ngòm!

Về đến vườn "Ông Tượng", chúng tôi cùng nhau chia tay và hẹn chủ nhật tới sẽ lại gặp nhau trong cuộc phát thưởng cho thợ thuyền.

Cuộc phát thưởng cho thợ thuyền

Chủ nhật, ngày 25

Y hện, sáng nay chúng tôi đều đến nhà hát Vittôriô dự lễ phát phần thưởng cho lớp thợ thuyền.

Nhà hát cũng đông đảo như hôm 14 tháng ba mới rồi, nhưng lần này công chúng phần nhiều thuộc về phái lao động.

Trong sân rạp, hai dãy ghế đầu là học trò hội "hợp ca" ngồi. Giờ khai mạc, các cậu đồng thanh hát một bài cung tặng chiến sĩ trận vong, giọng tốt, văn hay quá, nên lúc hát xong, mọi người đều đứng dậy vỗ tay và kêu "bis", khiến cho các cậu lại phải hát một lần nữa.

Đoạn, những người được thưởng bắt đầu diễn trước mặt ông Thị trưởng, ông Quận trưởng và nhiều viên chức khác. Các ông phát cho họ sách vở, giấy ban khen và bội tinh.

Tôi nhìn thấy "chú phó nề" ngồi một góc phòng với mẹ và ở cuối rạp thấy thoáng bóng ông hiệu trưởng và thầy giáo lớp tôi.

Thoạt tiên là học trò lớp hội họa lên lĩnh thưởng. Chúng tôi nhìn thấy thợ kim hoàn, thợ chạm đồ kim thuộc, thợ in thạch bản, thợ mộc, thợ nề. Kế tới lớp thương mại và lớp âm nhạc. Lớp này có cả mấy cô thiếu nữ và mấy cậu công nhân ăn mặc diêm dúa như ngày hội. Trước vẻ trang trọng ấy, công chúng vỗ tay như pháo. Cuối cùng là lớp phổ thông.

Lớp này gồm đủ người trong các nghề và họ ăn mặc nhiều lối khác nhau: tóc bạc có, râu đen có, người lớn có, trẻ em có. Những người trai trẻ thì vui vẻ, mau lẹ, các ông có tuổi ra chiều bối rối ngượng ngùng. Trong số đó, tôi thấy cả cha "chú phó nề" ông được phần thưởng thứ nhì. Công chúng vỗ tay hoan nghênh tất cả, trẻ cũng như già.

Nhiều người được thưởng có cả vợ con đi theo. Khi thấy cha lên đàn lĩnh giải, mấy em bé gọi và vỗ tay reo.

Một cậu bé nạo ống khói cũng được thưởng. Mặt cậu hôm nay rửa sạch nhưng quần áo vẫn nhuộm màu than. Ông Thị trưởng hỏi han cậu ân cần và bắt tay khen ngợi. Kế đến lượt một người nấu bếp và một người quét đường: hai người này đều được gán bội tinh.

Một cậu bé tập nghề, mặc áo của cha lụng thụng lên đàn lĩnh sách, bên dưới có mấy tiếng cười phát ra nhưng bị nhiều tiếng vỗ tay trùm át đi. Sau cậu đến một cụ già đầu hói, râu bạc rồi đến mấy người lính pháo thủ, lính đoan, lính vệ binh là hết.

Để bề mặt lễ này, các cậu trong ban "hợp ca" lại đứng lên hát bài quốc ca rất là hùng tráng.

Ra về, tôi nghĩ đến công việc của những người lao động phải làm thêm những phận sự hàng ngày đã vất vả, nghĩ đến những thời giờ cần phải nghỉ ngơi mà không được hưởng nguyên vẹn, nghĩ đến sức cố gắng của những khối óc không quen học bài, của những bàn tay chai răn vì lao dịch, lòng tôi cảm thấy một mối như vừa kính trọng vừa thân yêu những người lao công chịu khó, những người cha gia đình xứng đáng nói trên.

Lời cảm tạ

Thứ tư, ngày 24

Mỗi khi tôi nghĩ lại và so sánh học lực của tôi hồi tháng mười năm ngoái với bây giờ thì tôi thấy hình như tôi đã tiến nhiều. Trong ký ức tôi đã chứa được nhiều điều mới. Khi tôi viết hoặc nói, tôi đã phô diễn tư tưởng được dễ dàng hơn. Đọc sách tôi cũng hiểu nhiều hơn trước. Tôi lại có thể tính toán và giúp một vài việc cho cha mẹ.

Được thế, cũng là nhờ ở nhiều người. Hôm nay là ngày tôi phải cảm ơn các vị ấy. Trước hết tôi cảm tạ thầy giáo tôn quý của tôi bao giờ cũng khoan dung và yêu dấu tôi, mỗi một sự tiến bộ của tôi là một sự lao tổn cho thầy.

Tôi cảm ơn anh Êrôtxi, người bạn hiền của tôi, nhờ những lời dẫn giải sốt sắng và phân minh của anh, tôi đã hiểu thấu mọi nghĩa khó khăn và vượt những kỳ thi được dễ dàng.

Tôi cảm ơn anh Xtardi, người bạn can đảm và khoẻ mạnh đã tỏ cho tôi biết có quả cảm mới thành công.

Tôi cảm ơn anh Garônê, một người bạn chính đại quang minh làm cho ai chơi với anh cũng phải trở nên đứng đắn nết na.

Tôi lại không quên cảm ơn các anh Prêcôtxi và Côretti, các anh đã nêu cho tôi tấm gương can đảm trong lúc biến, tấm gương bình tĩnh trong việc làm!

Nhưng cha ơi! Chính cha là người con phải cảm tạ hơn hết vì cha vừa là ông thầy thứ nhất, vừa là người bạn thứ nhất của con, cha đã khuyên con biết bao lẽ phải, đã dạy con biết bao nhiêu điều hay. Cha đã làm việc vất vả nhưng cha vẫn giấu kín nỗi ưu phiền, chỉ cốt làm cho sự học của con được dễ dàng và đời con được êm ấm.

Cả mẹ nữa, người mẹ hiền từ của con ơi! Mẹ đã chia xẻ nỗi vui, nỗi buồn của con, mẹ đã học bài, đã làm việc cho con và đã đau khổ vì con! Con xin quỳ trước mặt mẹ cũng như lúc con còn thơ, để tạ ơn mẹ.

Con xin dâng lại cha mẹ tất cả tấm yêu đương mà cha mẹ đã đặt vào trái tim con trong mười hai năm hy sinh và âu yếm để đền ơn sinh thành.

Đắm tàu

(Truyện đọc hàng tháng cuối cùng)

Cách đây vài năm, trong một buổi sớm mùa đông, một chiếc tàu lớn rời bến Livopun để sang đảo Malta. Kể cả 60 thủy thủ, thì trong tàu có tất cả hơn 200 người. Viên thuyền trưởng và những thủy binh phần nhiều là người nước Anh cả.

Trong số hành khách có mười người Italia, ba thương gia, một linh mục, vài nhạc công. Ở đầu tàu, trong số hành khách hạng ba có một cậu bé người Italia trạc 12 tuổi; coi nét mặt nghiêm trang và quả quyết của cậu, người ta có thể biết cậu là người ở đảo Sicile. Cậu ngồi một mình trên đồng dây tàu, tựa vào một cái vali cũ. Da nâu, tóc đen, quần lấm rách, vai đeo túi dết, cậu nhìn tàu, nhìn bể với một nét mặt âu sầu, nét mặt của những kẻ bị đau đớn vì cảnh ngộ suy vi của gia đình.

Tàu đi được một lúc lâu, một thuỷ thủ người Italia dắt một em gái nhỏ ra đầu tàu, lại chỗ cậu bé, bảo:

– Mariô ơi! Ta đã kiếm cho em một người bạn đồng hành đây.

Rồi người thuỷ thủ đi.

Mariô hỏi cô bé:

– Em đi đâu ?

– Em đi về đảo Malta, để thăm thầy để em đang mong đợi, tên em là Giulietta Phagiani.

Mariô không nói gì.

Một lúc sau cậu lấy bánh và quả khô ở túi dết ra. Giulietta cũng mở gói bánh "bít – quy", hai em cùng ăn vui vẻ.

– Thú quá! Sắp được khiêu vũ bây giờ!

Người thuỷ thủ Italia đi qua nói thế, rồi gió thổi càng mạnh, tàu tròn tránh ghê sợ.

Nhưng hai em chưa nếm mùi say sóng bao giờ nên không để ý.

Cô bé cười nụ. Cô bằng trạc tuổi bạn, nhưng cao hơn, da cũng nâu, quần áo cũng tầm thường như cậu, tóc buộc khăn mù soa đỏ, hai tay đeo vòng bạc con, người coi mảnh dẻ, yểu ớt, có lẽ cô cũng đã chịu nhiều nỗi gian truân.

Lúc rồi, hai em kể chuyện nhà cho nhau nghe. Cậu bé, mồ côi cha mẹ. Cha cậu làm thợ, mới mất ở Livorn được mười hôm nay. Ông lãnh sự Italia thấy cậu bơ vơ liền cấp giấy cho cậu về quê ở Palermô. Cậu định về tìm mấy người họ hàng để nương nhờ.

Còn cô bé năm ngoái có bà dì đưa cô sang Luân Đôn, làm con nuôi để bớt cho cha mẹ một miệng ăn vì nhà cô thanh bạch. Được vài tháng, dì cô bị tai nạn ô tô, chết không để lại một đồng nào. Ông Lãnh sự Italia ở đây cũng cho cô về nước.

Vì thế cả hai đều được gởi người thuỷ thủ Italia trông nom.

Cô bé nói:

– Như thế là em trở về tay không, mà thầy để em cứ yên trí là sau này thế nào em cũng có một cái vốn to. Nhưng dù sao thầy để em vẫn thương yêu em và thấy em trở về được mạnh giỏi thì vui sướng biết dường nào! Các em em cũng thế. Chúng nhớ em lắm. Em có bốn em mà em là chị cả.

Nói xong cô hỏi bạn:

– Thế anh cũng về tìm bà con?

– Anh cũng định thế, song không biết có ai chịu giúp đỡ anh không ?

– Những người ấy không yêu anh à?

– Anh chưa thể biết được.

Cô bé nói tiếp:

– Đến lễ Giáng sinh này, em vừa đúng 12 tuổi.

Suốt ngày, hai trẻ ngồi cạnh nhau, khi nói chuyện tâm sự, khi nhìn mặt bể khơi, ai cũng tưởng là hai anh em. Lúc buồn, cô bé lại giở bút tất ra đan, còn cậu bé thì tư lự nhìn ra mặt bể.

Một buổi chiều kia, khi cậu đang đứng tựa bao lon xem "động bể" bỗng một lớp sóng bạc đầu kéo đến vỗ vào mặt cậu, đồng thời tàu tròng tránh, làm cậu ngã vấp đầu vào ghế, máu chảy ròng ròng.

Cô bé vội chạy hỏi:

– Anh có việc gì không?

Rồi cô tháo mù soa trên đầu buộc vết thương cho bạn. Một giọt máu ở trán cậu rỏ xuống làm ố chiếc áo vàng của cô.

Cậu bé lấy làm cảm động và xin lỗi cô.

Trời tối, Mariô và Giulietta vừa xuống phòng ngủ được một lúc thì trời nổi bão.

Trên mũi gió giật bùng bùng làm gãy cột buồm, rút đứt ba chiếc sà lúp treo ở cạnh tàu và đánh bay bốn con bò buộc ở đằng mũi.

Tình trạng lúc bấy giờ thật là lộn xộn, không thể tả được. Một sự kinh hoàng lớn trên tàu: tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng cầu nguyện nổi lên mọi chỗ nghe rất thương tâm. Đêm càng khuya gió càng mạnh. Đến gần sáng thì phong ba lại càng kịch liệt.

Sóng ngang nước ngược trùm lấp cả tàu, gặp cái gì là đánh gãy và cuốn đi. Nóc buồng máy bị gió đánh sụp xuống, nước tràn vào ồ ồ làm tắt cả lò, khói bay mù mắt; tài xế đều phải bỏ chạy, rồi bốn bên nước cứ cuồn cuộn chảy vào như suối, như thác.

– Bơm nước ra!

Viên thuyền trưởng vừa ra lệnh thì bỗng một trận gió giật phi thường làm đứt hết dây và phá tung các cửa, tức thì một cây nước lớn đổ vào đầy tàu.

Hành khách ai nấy rụng rời, mặt xám như gà cắt tiết, gào khóc như điên. Viên thuyền trưởng không để chậm một phút, sai buồng luôn chiếc thuyền xuống bể.

Năm người lính thủy vào ngòi... Nhưng thuyền vừa chồm mặt nước bể thì một con sóng lớn đánh chìm ngòi! Hai người lính thủy chết đuối. Còn ba người kia hết sức bình sinh phấn đấu với sóng mới với được dây leo lên tàu.

Lúc ấy, nước đã gần tới bao lơn.

Một tấn thảm kịch diễn ra ở trên boong. Mẹ thất vọng ôm chặt con vào lòng. Bạn bè hôn nhau để vĩnh quyết. Một người nhát gan lánh vào trong phòng để khỏi nhìn thấy cái chết không tránh được. Một hành khách tự tử bằng súng lục lăn xuống chân thang. Một số đông người nữa chen chúc vào nhau đợi chết.

Tiếng kêu khóc lẫn trong gió gào nghe rất kinh hồn.

Mariô và Giulietta, hai trẻ lúc ấy đều ôm vào cột buồm gãy, mắt đăm đăm nhìn bể.

Bây giờ, gió đã bớt mạnh, sóng đã hơi yên, nhưng con tàu cứ dần dần chìm. Chỉ trong vài phút nữa là đắm xuống đáy bể.

– Cho sà lúp xuống bể, mau!

Theo lệnh thuyền trưởng, người ta thả chiếc sà lúp mà gió còn để sót lại. Mười bốn thuỷ thủ và hành khách được phép xuống.

Viên thuyền trưởng ở nguyên trên tàu.

Bọn thuỷ thủ kêu to:

– Mời đại úy xuống đây với chúng tôi!

Viên thuyền trưởng đáp:

– Ta phải chết tại nhiệm sở của ta.

Bọn thuỷ thủ kêu nài:

– Xin đại úy cứ xuống, mau gắp tàu đến cứu thì ta thoát nạn. Xin đại úy cứ xuống mau! Không thì nguy đến tính mệnh!

– Ta ở lại.

Bọn thuỷ thủ nhìn hành khách trên tàu gọi:

– Còn một chỗ cho một người đàn bà.

Không thấy có ai trả lời. Bọn ấy lại kêu:

– Một trẻ em vậy!

Nghe tiếng ấy, Mariô và Giulietta đều nhảy bổ ra mạn tàu như hai con thú dữ và tranh nhau kêu:

– Tôi! Tôi!

Tiếng dưới thuyền kêu lên:

– Đưa bé xuống, đưa lớn ở lại vì thuyền đã nặng lắm rồi.

Thấy nói thế, cô bé kinh ngạc, sững người nhìn Mariô bằng đôi mắt của kẻ hấp hối.

Mari ô lại nhìn cô bé, trông thấy giọt máu đỏ ở vạt áo cô, nhớ ngay cái cử chỉ quý hoá của bạn, rồi một ý định cao thượng qua nét mặt cậu như một luồng chớp, cậu trả lời:

– Cô này nhẹ hơn tôi!.... Em Giulietta ơi! Em còn cha, còn mẹ. Anh chỉ có một mình... Anh nhường chỗ cho em. Em xuống mau!

Người dưới thuyền kêu:

– Chùng chình mãi! Quăng nó xuống đây!

Mariô liền ôm ngang Giulietta ném xuống.

Cô bé kêu lên một tiếng là rơi tòm ngay bể. Một người thuỷ thủ mau tay cứu được và lôi lên thuyền.

Mari ô đứng trên mạn tàu trông theo, trán cao ngạo tóc phất phới, vẻ bình tĩnh và trang nghiêm.

Thuyền từ từ xa, Giulietta ngoảnh nhìn Mariô khóc thốn thức và đưa tay ra vĩnh biệt.

– Anh ở lại!

– Vĩnh quyết em!

Thuyền đã rời xa, nhấp nhô trong muôn nghìn lớp sóng. Trời u ám. Trên tàu không còn một tiếng kêu, nước ngập đến mũi... Giulietta không dám nhìn, giấu mặt trong hai bàn tay. Khi cô bé ngẩng đầu lên, thì con tàu đã biến mất!...

Trang cuối cùng của mẹ tôi

Thứ bảy, ngày mùng 1

Enricô ơi! Thế là năm học hết rồi! Con sắp phải từ giã thầy con, bạn con. Nhân tiện mẹ cho con biết một tin buồn: cuộc từ biệt ấy không phải chỉ trong hai tháng rưỡi đâu, mà là suốt đời!

Cha con vì nghề nghiệp bó buộc phải rời Tôrinô, lẽ tất nhiên, gia đình ta phải theo cha con. Sang thu, ta sẽ dọn nhà. Con sẽ theo học trường mới. Điều đó có phần làm cho con buồn, phải không ?

Mẹ chắc con quyến luyến trường cũ, ở đấy rông rãi bốn năm, con đã vui vẻ làm việc mỗi ngày hai buổi, ở đây ngày nào con cũng trông thấy thầy ấy, bạn ấy cũng trông thấy cha mẹ con đứng chỗ ấy đón con, con sẽ nhớ trường cũ, ở đấy trí tuệ con đã được mở mang, ở đấy con đã kết giao được nhiều bạn tốt và ở đấy mỗi một lời nói là một điều ích lợi cho con.

Hãy đem cái kỷ niệm ấy đi với con và để lời từ biệt chúng bạn với một mối nhiệt tình phát tự đáy lòng.

Rồi ra, bạn con bất hạnh cũng có người gặp sự không may, bị cha hay mẹ mất sớm; cũng có người mệnh yếu, cũng có người đem bầu máu anh dũng tưới trên bãi chiến trường, nhưng hầu hết bạn con sẽ là những người thợ chính trực trung hậu, những người cha gia đình cần mẫn đảm đang đáng trọng, và biết đâu trong đám bạn con sau này lại không có người ra gánh vác việc nước và lừng lẫy tiếng tăm ?!

Hãy từ biệt bạn con một cách yêu dấu thiết tha, hãy để lại một chút tâm hồn vào chốn đại gia đình ấy là nơi lúc con vào hầy còn thơ ấu, lúc con ra thì đã lớn khôn, là nơi mẹ con vẫn có tình cảm vì nơi ấy con được lòng thương mến của mọi người.

Enricô ơi! Trường học ví như người mẹ, người mẹ đã dứt con ở tay ta khi con nói chưa sõi để trả lại ta một đứa con khỏe mạnh tử tế và siêng năng. Lạy Thượng đế giáng phúc cho người mẹ khoan từ ấy! Nay con! Con đừng quên vị ân nhân ấy, con ơi! Mai sau con nên người, con sẽ du lịch trong thế giới, con sẽ trông thấy những thị thành hoa lệ, những lâu đài nguy nga, nhưng con phải nhớ luôn luôn đến nếp nhà trắng tầm thường kia với cửa chớp khép, với vườn cây xanh, vì đấy là nơi bông hoa trí tuệ đầu tiên của con đã nảy nở. Mẹ tin rằng hình ảnh trường cũ của con sẽ in vào ký ức cho đến lúc còn hơi thở, cũng như không bao giờ mẹ quên được dáng cái nhà cũ kỹ ở đấy mẹ đã nghe tiếng nói ban đầu của con.

Mẹ con.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>